HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT QUẢNG NGÃI

sông trà

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - PHÊ BÌNH VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

93-94
BỘ MỚI
2020

VĂN NGHỆ - SỰ KIỆN

* Chào năm mới 2021...
ẨN RI 03
* Quảng Ngãi - Đến 2025, phấn đấu...
NGUYỄN ĐĂNG LÂM 07

VĂN

* Nguyễn Chánh - Nhà chiến lược quân sự tài năng
PHẠM ĐƯƠNG 11
* Ngọn đèn dầu
THANH TÁNH 15
* Tìm về chốn cũ
NGUYỄN XUÂN DŨNG 18
* Nơi miền sóng vỗ
HOÀNG LAN QUYÊN 21
* Hết giặc Covid chúng con lại về!
DƯƠNG THANH HƯƠNG 25
* Nước mắt long lanh
MAI DUY QUÝ 29
* Lên đường
PHẠM VĂN HOANH 35
* Về phía mặt trời mọc
SƠN TRẦN 38
* Rồi nắng cũng lẻ loi
NGUYỄN CHÍ NGOAN 47

KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ QUẢNG NGÃI

* Nguyễn Tài Đạt - Nhà điêu khắc của các công trình...
HUỲNH THẾ 63

NGHIÊN CỨU - LÝ LUẬN - PHÊ BÌNH

* Lòng trắc ẩn trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh
TRẦN NGỌC HỒ TRƯỜNG 67

* Chân dung văn nghệ sĩ trong hồi ký Tô Hoài
BÙI VIỆT THẮNG 74

TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

* Người đo thời gian bằng tóc
MAI BÁ ẤN 82

* Trần Cao Duyên và Lời ru sông Vệ
TRẦN THU HÀ 90

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

* Từ ly cà phê sữa
DILL MC LAIN (THỤY SỸ) 103

THƠ - NHẠC - ẢNH - MINH HỌA

TRẦN THU HÀ - TRẦN CAO DUYÊN - KHÔI NGUYÊN - NGUYỄN NGỌC HƯNG - NGUYỄN HOÀI ÂN - THANH LƯƠNG - PHẠM THẢO - PHAN BÁ TRÌNH - HOÀI NAM - NGUYỄN VĂN QUYỀN - LÊ HỒNG HÀ - TRẦN THỊ CỔ TÍCH - NGUYỄN ĐÔNG NHẬT - LÊ VĂN THUẬN - HOÀNG THÂN - NGUYỄN MẬU CHIẾN - HÀ QUẢNG - HUỲNH MINH TÂM - NGUYỄN HẠNH NHI - HÀ HƯƠNG SƠN - ĐÀO NGỌC NAM - TRƯƠNG QUANG LỤC - LÊ THỊ NI NI - ĐĂNG LÂM - BÙI ĐÌNH NGÔN - TÀI ĐẠT - LÊ VĂN QUÝ - NGỌC BÌNH...

* **Bìa 1:** Tác phẩm: Xuân về
Ảnh: ĐỖ ĐÌNH ANH

*Sông Trà * Số 93 - 94 (Bộ mới) - 2020*

Tổng Biên tập:
MAI BÁ ẤN

Ban biên tập:
TRẦN XUÂN TIÊN
NGUYỄN ĐĂNG LÂM
TRẦN THANH TÁNH

Trình bày:
MAI TUẤN VŨ

• Tòa soạn: 68 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi
* Điện thoại: 0255. 3826790
* Email: tapchisongtra@gmail.com

• Giấy phép xuất bản số: 666/GP - BTTTT do Bộ Thông tin & Truyền thông cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017.

• In tại Công ty TNHH MTV In Bình Định. VPĐD tại Quảng Ngãi: 368 Lê Lợi, TP. Quảng Ngãi. ĐT: 0255. 3713268.

CHÀO NĂM MỚI 2021
Nghĩ về người mẹ - Người thầy - Người lính

○ **ẨN RI**

Năm 2020 dần trôi đến những ngày tháng cuối cùng. Cả nhân loại đang rộn ràng chào đón một năm mới đến - năm đầu tiên thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI. Với Việt Nam, đây cũng là một năm mở đầu bằng sự kiện trọng đại: Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII. Trên quê hương Quảng Ngãi, quý cuối cùng của năm 2020, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân vui mừng trước thành công của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và cùng với các tỉnh Miền Trung vượt gian khó, vượt qua những cơn bão lũ kinh hoàng trong sự gánh vác, sớt chia những tình cảm thiêng liêng của truyền thống "lá lành đùm lá rách" của quân dân khắp nơi trên cả nước và cộng đồng quốc tế.

Cùng với đó, năm 2020 đi qua với bao khó khăn, trăn trở, âu lo của đại dịch Covid -19 diễn ra trên toàn cầu. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, toàn quân, toàn dân Việt Nam, già trẻ, gái trai đều trên dưới một lòng quyết đẩy lùi đại dịch và luôn xác định cuộc chiến sẽ còn kéo dài, phải dốc hết sức để cùng nhau vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế - xã hội.

Tạp chí Sông Trà số 93 - 94 là số của Quý 4/2020 và chào mừng năm mới 2021. Vượt qua đại dịch Covid - 19, vượt qua tai ương của dải đất miền Trung bão lũ triền miên, mừng thắng lợi của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, mừng năm mới đến và chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII sắp diễn ra, chúng ta không quên những dấu mốc của những ngày truyền thống trọng đại diễn ra trong quý cuối cùng của năm. Tạp chí Sông Trà xin ghi lại và cảm nhận đôi điều để ôn lại truyền thống, vững một niềm tin bước vào năm mới.

1. Tháng Mười đến, chúng ta Kỷ niệm 90 năm Ngày Thành

lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/1930-20/10/2020), lòng mọi người dân Việt luôn dành tình cảm hướng về những người phụ nữ với tất cả lòng biết ơn vô hạn. Biết ơn những người mẹ Việt Nam đã sinh ra và nuôi nấng những người con đã hiến thân cho những cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc *"Ba lần tiễn con đi, hai lần khóc thầm lặng lẽ. Các anh không về mình mẹ lặng im"* (Đất nước - Phạm Minh Tuấn). Biết ơn những người vợ sống trong thời chiến, giữ trọn tuổi thanh xuân chờ chồng trọn cả hai cuộc kháng chiến trường kỳ: *"Như vậy đó, một mình thầm khóc/ Mà chờ chồng suốt hai cuộc chiến tranh"* (Chị - Mai Bá Ấn). Biết ơn những người phụ nữ trực tiếp hiến cả tuổi thanh xuân của mình cùng cả nước dấn thân vào cuộc chiến:

"Các em mấy năm bám trụ nơi đây/ Gánh đá phá bom tải hàng dựng lán/ Đào sẵn huyệt cho mình khi ngã xuống/ Mà tình yêu không hoá đá bao giờ/ Xe chúng tôi qua các em mừng vẫy tay/ Chắc sau ròn rã tiếng cười/ Nước mắt sẽ thầm rơi/ Trên những gương mặt lành màu nắng gió" (Thử nói về hạnh phúc - Thanh Thảo).

Trong thời bình, những người phụ nữ Việt Nam lại tiếp tục cống hiến cho xã hội trên nhiều mặt, vừa "chăm việc nước" vừa "đảm việc nhà". Đặc biệt, trong suốt thời gian đại dịch Covid diễn ra, những người phụ nữ ngành y được cả nước vinh danh là những nữ "chiến sĩ áo trắng" trên tuyến đầu diệt dịch với tất cả lòng tri ân sâu sắc: *Mái tóc đen dài mềm mượt lưng thon/ Em chăm chút yêu chiều duyên con gái/ Đã bao lần gặp em tôi ngoái lại/ Cứ ngẩn ngơ hương tóc thoảng trong chiều/.../ Mái tóc đen dài từng chăm chút nâng niu/ Em cắt ngắn vào ca cho khỏi vướng* (Thương quá, tóc dài ơi - Cao Xuân Hiệu).

2. Từ lâu, "tôn sư trọng đạo" vốn là truyền thống của một dân tộc hiếu học. Kỷ niệm 38 năm Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/1982-20/11/2020) năm nay lại về trong bối cảnh thầy trò cùng nhau phòng chống đại dịch, ngành giáo dục cũng đang làm hết sức mình để đảm bảo "vừa an toàn vừa đảm bảo chất lượng" dạy và học. Tri ân thầy cô giáo vốn đã trở thành một chủ đề thường trực trong văn học Việt Nam. Từ những người thầy dạy học trong phong trào "bình dân học vụ" của những ngày kháng chiến: *"Thầy giáo dạy em năm trước học vần/ Vẫn chưa vượt quá chương trình cấp một/ Vẫn chật vật trong những bài số học/ Thư viết cho em phải xóa sửa mấy lần"* (Nghe em vào đại học - Giang Nam) đến những người thầy trong suốt chặng dài thời bao cấp khó khăn: *Đất nước trở trăn trong thiếu thốn và nghèo/ Chúng tôi nhiều khi*

phải góp thêm công để các em đủ ghế ngồi và tự sớt đồng lương cho những ngày thiếu phấn/.../ Các em mở ra những trang sách ruộng đồng/ Tôi cúi xuống gieo vào hạt chữ" (Bụi phấn - Đoàn Vị Thượng). Cả trong thời buổi cơ chế thị trường quá nhiều biến động, những người thầy, dù đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn vẫn vững vàng cầm chèo đưa các em đến những bến bờ tri thức:

Bên trang giáo án từng giờ/ Lặng thầm thầy vẫn đưa đò qua sông/ Ngoài sân vương sợi nắng hồng/ Chuyến đò tri thức mênh mông tình thầy (Chuyến đò tri thức - Bằng Lăng Tím).

3. Đã có một mối liên tưởng khá độc đáo giữa nhiệm vụ người thầy và nhiệm vụ người lính từng được thể hiện trong thi ca: *"Cái bục giảng không cao nhưng đã có một đôi người vấp té/ Viên phấn của lòng mình không giữ nổi trên tay/ Buông thả đấy rồi những ngón loay hoay/ Sẽ mỏi mòn đi và rơi rụng/ Như người lính không tự cầm lấy súng/ Vách chiến hào đâu phải dễ ấm lưng"* (Bụi phấn - Đoàn Vị Thượng). Ngày 22/12/2020, chúng ta kỷ niệm 76 năm Ngày Thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam. Với một đất nước, suốt trường kỳ lịch sử phải đối mặt với các cuộc chiến tranh xâm lược, nhất là hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới trước sự xâm lấn của giặc phương Bắc, hình ảnh anh Bộ đội cụ Hồ đã in đậm trong tâm khảm nhân dân với tất cả niềm tin yêu, chở che, đùm bọc. Đó là anh Vệ quốc quân trong kháng chiến chống Pháp:

Chết nằm xuống còn hôn cờ Đảng/ Chết còn trao súng đạn quên đau/ Chết còn trút áo cho nhau/ Bát cơm dành để người sau ấm lòng (Ba mươi năm đời ta có Đảng - Tố Hữu).

Đó là anh Giải phóng quân trong kháng chiến chống Mỹ - Biểu tượng của Dáng đứng Việt Nam trong cuộc đọ đầu lịch sử khiến cả nhân loại phải nghiêng mình: *Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ/ Anh chẳng để lại gì cho riêng anh trước lúc lên đường/ Chỉ để lại cái Dáng đứng Việt Nam tạc vào thế kỷ/ Anh là Chiến sĩ Giải phóng quân"* (Dáng đứng Việt Nam - Lê Anh Xuân). Và khi "Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân" sau thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng tấn công Mùa Xuân 1975 lịch sử, đất nước ta lại đương đầu với cuộc chiến tranh biên giới ở hai đầu đất nước. Người lính cụ Hồ bên cạnh việc bảo vệ biên giới phía Bắc còn trở thành những chiến sĩ Tình nguyện quân cứu nước bạn Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng của bè lũ Pôn Pốt bạo tàn. Đây là người lính giữa thời bình nên có những nét riêng, nhưng chung quy lại vẫn là phẩm chất của "Quân đội ta, trung với Đảng, trung với nước,

hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" với một niềm lạc quan đến diệu kỳ của những người con nước Việt: *Mai mầy về đi dưới phố cây xanh/ Nếu gặp nắng đừng đưa tay che vội/ Hãy nhớ tụi tao trầm mình trong nắng dội/ Khát dòng sông như khát thuở thanh bình/ Phố lên đèn ánh điện sáng lung linh/ Hãy nhớ tụi tao bên này - đêm bóng tối/ Mấy tháng ròng cả một giọt dầu hôi không biết tới/ Nên rất trẻ thơ... mơ trăng sáng bốn tuần"* (Gửi bạn bè làm xong nghĩa vụ - Phạm Sỹ Sáu).

Trong những ngày tháng bình yên của đất nước, người lính cụ Hồ lại dấn thân vào những trận chiến chống thiên tai, địch họa. Sát bên dân trên mặt trận phòng chống đại dịch Covid - 19. Vì mệnh sống của từng con người, các anh đã hi sinh tất cả, không quản ngày đêm, canh giữ ở những khu cách ly tập trung trên khắp đất nước, dấn thân trên vùng biên giới và hải đảo xa xôi để ngăn chặn những kẻ nhập cư, trốn cách ly trái phép, đồng thời canh giữ cả biển trời Tổ quốc trước sự đe dọa của kẻ thù lăm le xâm chiếm biển Đông. Vì nhân dân, các anh dấn thân vào tâm điểm những cơn bão lũ kinh hoàng dù có phải hi sinh cả bản thân mình. Ánh đèn tù mù trong mưa bão của đoàn cứu nạn Rào Trăng 3 trong đêm tạm trú tại Trạm 67 Lâm trường để bàn định kế hoạch cứu nạn cho ngày mai cùng với 13 cán bộ, chiến sĩ đã bị vùi lấp trong phút giây sạt lở kinh hoàng vẫn mãi thao thức trong trái tim người dân Việt. Tiếng gọi tìm đồng đội vang trong tiếng gào thét của gió mưa cứa vào tâm can mọi người một nỗi đau cùng cả niềm thán phục trong tâm trạng thương tiếc bồi hồi. Vì những công nhân của Thủy điện Rào Trăng gặp nạn mất tích, các anh đã vĩnh viễn ra đi hóa thân vào hồn thiêng sông núi:

Trạm 67 ơi!/ Đâu rồi mỗi bình minh chim hót?/ Giờ chỉ còn nước mắt/ Chảy thành dòng lũ tuôn.../ ...Cả mười ba trái tim/ Mới đây thôi còn đập/ Giờ đã bị vùi lấp/ Giữa núi rừng hoang vu/ Về thôi, các anh ơi! cả Tổ quốc đang chờ!". (Về thôi các anh ơi! - Lê Thị Huyền).

Năm 2020 sắp khép lại, đây là một năm có nhiều biến động và không ít khó khăn, nhưng ta vững tin, với lòng yêu nước thường trực, tinh thần đoàn kết vượt khó đã được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử, Tổ quốc ta, nhân dân ta sẽ vượt qua gian khó, hoàn thành tốt nhất trong điều kiện cho phép những chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đặt ra, lập thành tích chào mừng Đại hội lần thứ XIII của Đảng và hân hoan đón chào năm mới 2021◆

Quảng Ngãi, những ngày mưa lũ miền Trung 2020.

Quảng Ngãi - Đến 2025, phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực miền Trung

○ **NGUYỄN ĐĂNG LÂM**

Quang cảnh Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi khóa XX (Nhiệm kỳ 2020-2025). *(Ảnh: Đăng Lâm)*

Có thể khẳng định, đến năm 2020, sau hơn 30 năm tái lập tỉnh, Quảng Ngãi đã đạt nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội và đang đứng trước nhiều thời cơ, vận hội mới, nhưng cũng còn không ít khó khăn, thách thức.

Để nắm lấy thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, quyết tâm đưa Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực miền Trung vào năm 2025, đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và người dân phải chung sức, đồng lòng vượt lên chính mình, đổi mới tư duy, quyết liệt hành động để tạo sức bật phát triển mới

trên tất cả các ngành, lĩnh vực.

5 năm... nhìn lại

Năm 2020, là năm cuối của nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, tuy nhiên do ảnh hưởng trực tiếp từ đại dịch Covid-19 và giá dầu thô giảm mạnh nên đã tác động rất lớn đến kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020; ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư, thu ngân sách nhà nước, các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, xuất nhập khẩu; một số doanh nghiệp buộc phải thu hẹp sản xuất, cắt giảm quy mô, cắt giảm lao động, hoạt động cầm chừng hoặc tạm ngừng sản xuất kinh doanh; đời sống của một bộ phận người lao động bị ảnh hưởng, gặp nhiều khó khăn...

Trước tình hình trên, Đảng bộ, chính quyền tỉnh Quảng Ngãi đã đoàn kết, lãnh đạo quân và nhân dân trong tỉnh nỗ lực thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đạt một số kết quả quan trọng. Kinh tế tiếp tục phát triển; quy mô tổng sản phẩm tăng khá; 3 nhiệm vụ đột phá và 3 nhiệm vụ trọng tâm được tập trung chỉ đạo thực hiện đạt một số kết quả khả quan. Nhiệm kỳ qua đã thực hiện đạt 19/25 nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu trong giai đoạn 2016-2020, có 06 chỉ tiêu không đạt so với Nghị quyết.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2020 ước đạt 55.579tỷ đồng. GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 4,83%/năm; nếu không tính sản phẩm lọc dầu thì tăng bình quân 8,5%/năm. Trong đó, công nghiệp đã đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế. Tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp 5 năm qua ước đạt 584.106 tỷ đồng, chiếm 70% tổng giá trị sản xuất của toàn tỉnh (829.150,12 tỷ đồng). Tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp - xây dựng trong tổng lao động chiếm 32%. Năm 2020, GRDP bình quân đầu người ước đạt 2.791 USD, gấp 1,21 lần so với năm 2015.

Về hạ tầng kinh tế - xã hội có bước phát triển khá. Trong 5 năm, có khoảng 1.240 dự án, công trình được đầu tư, xây dựng. Một số dự án lớn đề ra trong Nghị quyết XIX và các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy đến nay cơ bản đã hoàn thành như: Cầu Cổ Lũy, cầu Thạch Bích, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Quốc lộ 1 (đoạn Dốc Sỏi - Khu công nghiệp VSIP), cảng Bến Đình và một số công trình y tế được đầu tư, đưa vào sử dụng, tạo diện mạo mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đến nay, 98,3% đường tỉnh, 77,2% đường huyện, 68,2% đường xã, 41,6% đường giao thông nông thôn được nhựa hóa, cứng hóa; 100% xã phủ lưới điện quốc gia.

Môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư từng bước được cải thiện, có mặt chuyển biến tích cực. Đã thu hút hơn 780 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký khoảng 320.401 tỷ đồng (13,35

tỷ USD) và 64 dự án đầu tư FDI tổng vốn đăng ký 1,954 tỷ USD; trong đó, có một số dự án đã đi vào hoạt động như Thép Hòa Phát, Doosan Vina, các dự án trong Khu công nghiệp VSIP, góp phần hình thành các sản phẩm mới, tăng quy mô nền kinh tế cũng như giải quyết việc làm, tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

Toàn tỉnh hiện có trên 6.700 doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn, đóng góp hơn 70% vào tổng thu nhập nội địa, là nguồn lực nội sinh vô cùng quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh đó, các chính sách an sinh xã hội được thực hiện kịp thời; xây dựng và phát triển văn hóa, con người được chú trọng; chất lượng giáo dục và đào tạo được nâng lên; sự nghiệp y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển; công tác nội chính, đối ngoại được tăng cường; cải cách hành chính đạt một số kết quả. Quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Những thành tựu đã đạt được trong hơn 31 năm tái lập tỉnh, nhất là giai đoạn 2016-2020, sẽ là tiền đề, động lực cho phát triển kinh tế-xã hội của Quảng Ngãi trong giai đoạn 2021-2025.

Hướng tới tương lai

Với mong muốn đổi mới, khát vọng vươn lên, trong giai đoạn 2021-2025 tỉnh Quảng Ngãi không những xác định năm sau phát triển cao hơn năm trước, mà phải so sánh mức độ phát triển của tỉnh với các tỉnh lân cận và vùng miền Trung, vì vậy quan điểm của Đảng bộ tỉnh trong nhiệm kỳ đến là: *Khơi dậy niềm tự hào, ý chí, khát vọng, niềm tin phát triển trong mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đổi mới mạnh mẽ tư duy; khơi dậy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững. Phát triển kinh tế cả chiều rộng và chiều sâu, lấy tăng trưởng, phát triển theo chiều sâu, bền vững làm hướng chủ đạo. Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Lấy giá trị văn hóa, con người làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, văn minh. Nhà nước làm tốt vai trò kiến tạo để mọi người được trao cơ hội phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới. Lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển bền vững. Mục tiêu tổng quát của 5 năm đến là: Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xứng đáng với niềm tin của nhân dân; khơi dậy niềm tự hào, phát huy truyền thống anh hùng, sức mạnh đoàn*

kết, và khát vọng phát triển; đẩy mạnh đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước.

Để hoàn thành được mục tiêu nêu trên, cùng với việc thực hiện toàn diện, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy phát triển mọi mặt của tỉnh, Quảng Ngãi sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế - xã hội xoay quanh 4 mục tiêu chủ yếu; đồng thời tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả 4 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá chiến lược và phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng kinh tế.

Cụ thể 4 mục tiêu chủ yếu đó là: Phát triển kinh tế đi đôi với bền vững môi trường; Thực hiện công bằng và hòa nhập xã hội; Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; Đảm bảo quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Về 4 nhiệm vụ trọng tâm: Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền và hệ thống chính trị. Cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững ở các huyện miền núi.

Về 3 đột phá: Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo động lực cho phát triển.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã thành công, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được thảo luận sâu và thống nhất thông qua, vấn đề cơ bản là việc triển khai thực hiện để đạt được những mong muốn mà toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Quảng Ngãi đang hướng đến. Năm mới 2021 đã đến, cả nước đang hăng hái thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng. Với truyền thống hào hùng của quê hương cách mạng, với tinh thần đoàn kết, trên dưới một lòng, dựa vào nội lực, tranh thủ thời cơ, chúng ta hoàn toàn tin tưởng vào những bước tiến vững chắc của tỉnh nhà trong năm năm của nhiệm kỳ mới: Phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực miền Trung vào năm 2025◆

Nguyễn Chánh - Nhà chiến lược quân sự tài năng

○ **PHẠM ĐƯƠNG**

Chân dung tướng
NGUYỄN CHÁNH (1914 - 1957)

Nhìn dáng vẻ thư sinh của Nguyễn Chánh, ít ai nghĩ rằng ông là một nhà cầm quân với tài thao lược hiếm thấy của một vị tướng "đánh đâu thắng đó". Ông được đánh giá là một trong những vị tướng tài năng của Quân đội nhân dân Việt Nam. Hôm Nguyễn Chánh qua đời (24.9.1957), tiễn biệt người đồng chí của mình, Đại tướng Võ Nguyễn Giáp viết: "Anh qua đời, quân đội mất đi một vị tướng tài năng, tôi mất đi một người bạn chí thiết".

Nội chuyện đưa ra quyết định chuyển Đội Du kích Ba Tơ về đồng bằng đủ để thấy một nhãn quan chiến lược của Nguyễn Chánh. Chính sự chuyển hướng hoạt động này đã mở ra cơ hội to lớn trong việc phát triển lực lượng vũ trang kết hợp với quần chúng, nhanh chóng giành chính quyền về tay nhân dân, để Quảng Ngãi trở thành tỉnh đầu tiên ở Trung Trung Bộ làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám sớm nhất trong khu vực vào ngày 14.8.1945.

Chọn thời điểm "vàng" để hành động

Như chúng ta đã biết, đêm 9.3.1945, sau một thời gian "gầm ghè" nhau, phát xít Nhật

TP: Giáo dục truyền thống. *(Ảnh: Bùi Đình Ngôn)*

bất ngờ hất cẳng Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Đảng Cộng sản Đông Dương tiên liệu sự kiện này trước sau gì cũng sẽ xảy ra nhưng không ngờ nó lại nhanh đến vậy. Một cuộc họp khẩn của Ban thường vụ Trung ương Đảng mở rộng được tổ chức dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư Trường Chinh. Sau khi nhận định tình hình, ngày 12.3.1945, một Chỉ thị mang tính chiến lược, được xem như "thần chú" lúc bấy giờ ban ra và phổ biến rộng rãi: "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Thời đó đâu có các phương tiện liên lạc hiện đại như bây giờ để mà chỉ đạo sát sao, Đảng Cộng sản lại đang hoạt động bí mật nên tất cả đều thực hiện các chỉ thị từ Trung ương một cách sáng tạo nhất. Nhiều địa phương đã "hành động" ngay sau Chỉ thị này. Riêng Quảng Ngãi, những người tù Cộng sản tại căng an trí Ba Tơ đã khởi nghĩa và ra mắt chính quyền cách mạng trước đó một hôm, tức ngày 11.3.1945.

Trung tướng Nguyễn Đôn, nguyên Đội phó Đội Du kích Ba Tơ phân tích: "Nếu hành động trước mùng 9.3, tức trước ngày Nhật đảo chính Pháp, thì Pháp sẽ đàn áp phong trào vì lúc ấy chúng còn rất mạnh, cả về vũ khí lẫn lực lượng. Còn nếu chúng ta khởi nghĩa muộn

hơn 11.3 thì Nhật sẽ có thời gian để củng cố lực lượng ở Ba Tơ, cuộc khởi nghĩa sẽ gặp vô vàn khó khăn. Một trong những yếu tố để làm nên thành công của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ là ở chỗ, những người tù Cộng sản ở căng an trí này đã chọn đúng thời điểm "vàng" để hành động mà không phụ thuộc vào Chỉ thị của Trung ương "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta".

Về đồng bằng

Khởi nghĩa Ba Tơ là tiền đề để tiến tới giành chính quyền trong toàn tỉnh nhưng có lẽ chính quyền Quảng Ngãi sẽ không thuộc về nhân dân sớm như thế (14.8.1945) nếu như Tỉnh ủy Quảng Ngãi không quyết định chuyển toàn bộ Đội du kích Ba Tơ về trung du và đồng bằng, bám lấy quần chúng, tổ chức vũ trang để khởi nghĩa giành chính quyền. Nguyễn Chánh được xem như "tác giả" của cuộc chuyển quân mang tính chiến lược này.

Ngay sau ngày khởi nghĩa Ba Tơ, Đội du kích vỏn vẹn vài chục tay súng nhưng phải đối mặt với vô vàn khó khăn. Chiến khu Cao Muôn cùng những địa danh Hang Én, Suối Loa... gắn liền với đội du kích. Có những thời điểm, những người du kích rơi vào tình cảnh đói kém cùng cực buộc phải giết thịt con ngựa của mình để làm thức ăn cầm cự. Trước tình cảnh khó khăn đó, chiến lược gia Nguyễn Chánh đã đề nghị chuyển Đội du kích về xuôi. Ông đã bảo vệ quan điểm đó bằng những phân tích thấu đáo để thuyết phục những đồng chí của mình. Phải có một nhãn quan chiến lược vô cùng nhạy cảm trước những diễn biến nhanh chóng của tình hình như Nguyễn Chánh thì mới đưa ra quyết định như thế.

Điều ấy nói lên rằng, vì sao Nguyễn Chánh không phải là người khởi xướng cuộc Khởi nghĩa Ba Tơ, cũng không phải là một trong những lãnh đạo Đội Du kích ngay từ buổi đầu, ấy thế mà, ngay sau khi thoát khỏi nhà lao Thừa Phủ (Huế), trở về Quảng Ngãi đầu tháng 3.1945, ông đã vội vã lên ngay Ba Tơ và được phân công lãnh đạo Đội du kích này!

Nhà chiến lược quân sự tài năng

Tỉnh ủy đã tin tưởng giao cho một anh thanh niên mới 31 tuổi như Nguyễn Chánh để lãnh đạo một đội quân non trẻ của cách mạng đã là một sự tin tưởng lớn. Và Nguyễn Chánh đã không phụ niềm tin đó.

Sau khi quyết định rời khỏi chiến khu Cao Muôn, đội quân non trẻ ấy đã về xuôi để hòa nhập vào dòng thác cách mạng của quần chúng đang sục sôi lúc bấy giờ. Đội du kích đã nhanh chóng tuyển mộ quân để

hình thành hai đại đội Hoàng Hoa Thám với 163 cán bộ và chiến sĩ ở Chiến khu Núi Lớn, Mộ Đức và 220 cán bộ chiến sĩ Đại đội Phan Đình Phùng ở chiến khu Vĩnh Tuy, huyện Sơn Tịnh. Hai "gọng kiềm" ở hai đầu của tỉnh Quảng Ngãi đã dần thít chặt lại cho đến ngày khởi nghĩa thành công 14.8.1945. Gần 400 cán bộ chiến sĩ này không những góp phần vào cuộc giành chính quyền của tỉnh mà nhanh chóng hình thành lực lượng vũ trang ra toàn khu Năm khi thực dân Pháp bắt đầu quay lại xâm lược nước ta một lần nữa. Nguyễn Chánh, một lần nữa lại cầm súng lên đường. Ông trở thành một cán bộ chính trị-quân sự toàn năng khi vào những năm cuối cùng của kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Chánh là Bí thư kiêm Tư lệnh Khu ủy Khu năm!

Có lẽ lớp người trên dưới 90 tuổi còn sống ở Quảng Ngãi không quên chuyến đi dân công "nhớ đời" vào năm 1953 - 1954 tham gia cõng lương thực và vũ khí vượt đèo Violak để đánh đồn Mang Đen. Đây được gọi là "chiến dịch Bắc Kon Tum", nhằm chia lửa với chiến trường Điện Biên. Người chỉ huy chiến dịch ấy là Nguyễn Chánh với tư cách là Tư lệnh Khu 5. Cùng với các cộng sự của mình, Nguyễn Chánh không chỉ là chỉ huy đánh tan cụm Mang Đen, Mang Bút - Kon Rẫy - cứ điểm kiên cố bậc nhất của Pháp tại Bắc Tây Nguyên, mà còn chỉ huy phá tan cuộc hành binh Ac-lăng (Atlante) làm cho viên Tư lệnh quân Pháp ở Tây Nguyên - De Beaufort bạt vía kinh hồn.

Trong một đoạn hồi ký của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhắc lại câu chuyện hôm ông tiễn những viên chỉ huy đầu sỏ của Pháp ở Đông Dương về nước (1955), một trong số đó có đề nghị cho ông ta được gặp người mà đã làm cho ông ta thất điên bát đảo suốt 9 năm ở chiến trường Tây Nguyên. Tướng Giáp đồng ý với lời đề nghị đó. Ông gọi cho Nguyễn Chánh để bố trí cuộc gặp này. De Beaufort - viên Tư lệnh Pháp tại Tây Nguyên vô cùng kinh ngạc khi nghe tướng Giáp nói: "Đây là người mà ngài cần gặp", vì thấy cái dáng bạch diện thư sinh của Nguyễn Chánh - vị chỉ huy từng làm cho ông ta mất ăn mất ngủ suốt một cuộc chiến tranh trước đó không lâu.

Giữa lúc tài năng đang phát tiết đỉnh cao, Nguyễn Chánh đột ngột từ giã cõi thế vào đêm 24.9.1957 trong sự tiếc thương vô hạn của đồng nghiệp và các tướng lĩnh cùng thời. Nhà chiến lược quân sự, vị tướng lĩnh tài năng quê Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi ấy mãi trẻ với tuổi 43 của mình◆

Ngọn đèn dầu

○ **Tản văn THANH TÁNH**

Thời nghèo khó ở Quy Nhơn, thi thoảng có tiền tôi hay rủ Lê Văn Ngăn đi uống rượu. Anh nhiều tuổi hơn tôi nhưng xem nhau là bạn nên không ngại dốc bầu tâm sự. Khi đã ngà ngà say, nhà thơ *"không bao giờ lớn tiếng"* thường rầm rì kể chuyện. Giọng Huế trầm ấm, chậm rãi, anh kể chuyện bằng thứ ngôn ngữ cô đọng, giàu hình ảnh như làm thơ. Lê Văn Ngăn là thế, một cách rất tự nhiên, ngôn từ anh nói ra chắc lọc đậm đặc như thơ. Và thơ anh cũng vậy, không niêm luật vần điệu, đầy chất tự sự, rất giàu xúc cảm và suy tưởng. Có lần anh kể tôi nghe câu chuyện về ngọn đèn dầu đã theo anh suốt cuộc đời. Mẹ anh mưu sinh bằng nghề bán bún dạo nên từ bé hằng đêm lúc trời còn chưa sáng, anh đã thức dậy cầm đèn soi đường cho mẹ gánh hàng qua con xóm nhỏ. Ánh đèn dầu chỉ soi đủ cho đôi chân khỏi vấp ngã nhưng với anh là cả một vầng sáng hướng về phía trước. Gánh bún không chỉ là cơm áo của cả nhà mà còn gánh cả chuyện học hành của những đứa con. Trong đêm sâu, dưới cơn mưa phùn, nghĩ đến việc bán đắt hàng để con có thêm chút tiền ăn học, người mẹ mỉm cười. Ngoảnh nhìn lại, con trai của mẹ lại rưng rưng nước mắt bởi ý nghĩ chẳng biết mẹ sống với mình được bao lâu nữa. Lớn lên, theo dòng đời xuôi ngược, người con đi biền biệt và trở về nhà khi có tin mẹ mất. Chiếc đèn dầu cũ vẫn còn đó giờ lau bụi để đặt lên quan tài người quá cố. *"Bấy giờ ngọn đèn đã từng soi đường cho người sống/ đã được đặt lên phía trên mái đầu người chết"*, sau này đọc thơ Lê Văn Ngăn mới hay anh viết những câu này trong bài thơ Mẹ, con và ngọn đèn dầu. Ngọn đèn dầu đã lặng lẽ theo anh suốt một đời: *"Ngọn đèn ấy đã thắp lên từ lúc tôi mới bước vào đời/ dầu lóng lánh như thể làm bằng mồ hôi của cha của mẹ"*. Những câu thơ đầy ám

ảnh để khi nhớ về anh tôi lại nghĩ về ngọn đèn dầu lúc mờ lúc tỏ nhưng soi rõ những phận người.

Trước thời có điện nhà ai cũng có đèn dầu. *"Sống dầu đèn, chết kèn trống"*, ông bà ta ngày xưa đã nói như vậy. Tra cứu trên Wikipedia tiếng Việt mới biết chiếc đèn dầu xuất hiện đầu tiên ở Baghdah (Iraq) từ thế kỷ thứ 9. Mãi đến năm 1853 nhà bác học người Ba Lan Lukasiewicz mới tạo ra chiếc đèn dầu hình dáng giống như bây giờ. Chiếc đèn dầu theo bước chân thuyền buôn ngoại quốc vào Việt Nam có tên gọi đèn dầu Hoa Kỳ là câu chuyện được báo chí đương thời nhắc tới. Vào những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, hãng Shell buôn bán dầu lửa nổi tiếng của Mỹ đã chọn Việt Nam làm thị trường chính. Để người Việt nhanh chóng làm quen với đèn dầu, bỏ dần thắp sáng bằng dầu đậu phụng có bấc đựng trong đĩa hay thắp nến, Shell tung chiêu khuyến mại cứ ai mua dầu hỏa đều được tặng một chiếc đèn có khắc tên hãng Shell và logo giống hình con sò. Về sau những người Việt sáng tạo cải tiến làm đèn bằng đồng, sứ, thủy tinh gọi là dèn hột vịt, đèn thờ nhưng tên gọi đèn dầu Hoa Kỳ vẫn còn trong dân gian.

Chiếc đèn dầu tuy bé nhỏ nhưng đã gắn bó với biết bao thế hệ và những số phận người. Với riêng tôi, đèn dầu là một phần đời, một vùng ký ức không thể phai mờ.

Nhà tôi nghèo, lại ở quê nên mọi thứ phải tằn tiện, chắt chiu từng chút. Thường khi nắng tắt, hoàng hôn xuống là lúc mọi nhà trong xóm lên đèn. Riêng nhà tôi bóng tối phủ đầy, chỉ thắp đèn khi không còn nhìn rõ mặt người. Hôm nào cũng vậy, khi cơm tối vừa xong, mẹ lại tỉ mẩn lấy giẻ lau kỹ bóng đèn để các con học bài. Chiếc bàn hẹp có ngọn đèn chong ở giữa, mấy anh em mỗi đứa một góc. Học bài phải đọc to mới dễ nhớ, riêng anh em tôi phải đọc thầm vì không thể khác. Ngoài hiên gió xào xạc qua vườn cây trái nhưng trong nhà chỉ có tiếng động rất khẽ của trang vở lật qua lật lại. Mãi sau này trong những giấc mơ của tôi vẫn còn vang vọng cái âm thanh mơ hồ ấy. Khổ nhất là những lúc túng tiền, mẹ không mua dầu trắng mà dùng dầu mazut để thắp đèn. Không chỉ tỏa ra cái thứ ánh sáng đỏ quạch mà khói dầu còn bốc lên mùi khét lẹt. Những lúc như thế, không học được, anh em tôi mỗi người nghĩ ra một cách để tiêu khiển. Tôi xoay người để ánh đèn hắt bóng lên vách và thế là một thế giới của riêng tôi hiện ra như thần thoại, cổ tích. Có lúc tôi như Thạch Sanh cầm búa chuẩn bị nhảy vào chém yêu tinh, lúc lại hiên ngang như Nguyễn Huệ cỡi voi ra trận. Hai

bàn tay tạo hình thành những con vật được ánh sáng mờ ảo, kỳ quái hắt lên vách trông như những thước phim quay chậm rất ngộ nghĩnh.

Bên cái quầng sáng nhỏ nhoi ấy, hôm nào không học bài mẹ lại kể cho tôi nghe nhiều câu chuyện về xóm làng, nội ngoại và ba tôi. Trong những câu chuyện đời thường dung dị ấy, một cách rất ý nhị bao giờ mẹ cũng chen vào câu răn dạy về đạo đức làm người. *Đừng có tham vàng bỏ ngãi, sống phải có thủy có chung. Học là học để làm người/ Biết điều hơn thiệt biết lời thị phi. Đói cho sạch, rách cho thơm*... Đại loại là như thế, toàn những câu trong ca dao, thành ngữ. Mẹ tôi kể cũng lạ, thường ngày không dạy con cái làm điều này điều nọ mà chỉ răn dạy, nhắc nhở qua những câu chuyện kể. Sau này khi đã lớn, tôi mới hiểu người xưa là vậy, lấy đời để huấn đạo và luôn xem đạo lý là căn cốt của đời người.

Suy ngẫm lại có những chuyện bên chiếc đèn dầu không dễ nguôi quên. Có đêm mùa đông giá rét, túm tụm bên ngọn đèn dầu hắt hiu, mấy anh em chia nhau củ khoai lang lùi bếp tro còn nóng hôi hổi. Có đêm hè nóng nực mẹ ngồi trong tối đen bên hiên nhà tước tàu cau bó chổi vì để dành chiếc đèn dầu cho con học bài. Có đêm khuya, trong cơn thảng thốt, mẹ bật dậy se sẽ khêu lại ngọn đèn rồi ngồi một mình đối diện với hư vô lạnh lẽo. Hình như những lúc ấy mẹ nghĩ về ba tôi ở thế giới bên kia xa cách nghìn trùng.

Sau cơn đau nặng, mẹ không còn sức đội nắng mưa làm ruộng nên chuyển sang làm nghề bánh tráng. Nghề này cực nhọc vì phải thức khuya dậy sớm. Gà gáy canh ba mẹ đã dậy để xay bột gạo bằng cối đá. Thương mẹ, tôi phụ giúp mẹ xay bột trước khi đến trường. Thế là chiếc đèn dầu luôn ở cạnh tôi mỗi ngày từ lúc còn tối đen cho đến khi hửng sáng.

Hết thời đèn dầu, điện về miền quê đã làm đổi thay tất cả. Nhà tôi cũng vậy nhưng mẹ vẫn giữ lại chiếc đèn dầu ngày trước. Có lần tôi buộc miệng *"Đã có điện mẹ còn giữ lại chiếc đèn dầu làm gì?"* thì mẹ trả lời: *"Cả đời ông bà và ba con cũng vậy, sống với đèn dầu nên ngày Tết hay cúng giỗ mẹ thắp đèn dầu để mọi người biết đường mà về với con cháu"*. Nghe mẹ nói, tôi thật xấu hổ vì đã không hiểu được những điều tưởng chừng đơn giản nhất trong đạo lý thờ cúng tổ tiên.

Ngọn đèn dầu đã là dĩ vãng nhưng với tôi ngọn lửa bé nhỏ ấy vẫn còn sáng xanh trong ký ức, gợi lại một thời tuổi thơ cơ cực nhưng thật nhiều kỷ niệm. Bởi lẽ đèn dầu không đơn thuần là để thắp sáng ◆

Tìm về chốn cũ

○ **Tản văn NGUYỄN XUÂN DŨNG**

Cũng phải nhiều năm có lẽ, tôi mới có dịp về thăm quê, vùng đất thanh bình, hiền hòa nếp mình bên dòng hạ lưu sông Vệ.

Và bao giờ cũng vậy, mỗi khi ở xa về, điều đầu tiên tôi làm là chạy ngay ra bến sông quê, nhảy ùm xuống dòng nước trong xanh mát lạnh, ngập ngụa, vẫy vùng cho thỏa thích.

Từ ngọn nguồn rừng núi Ba Tơ hùng vỹ, ở độ cao chừng 800 m so với mặt nước biển, dài non 100 cây số, con sông Vệ vượt qua bao ghềnh thác, chảy qua bao làng mạc, ruộng đồng, trước khi về hạ lưu mở vòng tay ôm lấy làng Long Phụng quê tôi. Mà cũng thật lạ, khi chảy qua vùng đất này, con sông trở nên dịu dàng, hiền hòa, xanh biếc màu ngọc bích. Và như thể chẳng muốn rời, như thể nhớ nhung, lưu luyến, con sông cứ dùng dằng, chênh chao. Rồi không thể không tuân theo qui luật của đất trời, sông đành buông mình cho dòng nước trôi đến dôi đất An Mô, cố gắng quay đầu nhìn lại làng quê bé nhỏ một lần nữa, mới chịu đổ ra cửa Lở, nhập vào biển cả bao la, kết thúc hành trình của mình.

Tuổi thơ của tôi gắn chặt với dòng Vệ Giang yêu thương. Nơi ấy lưu giữ biết bao kỷ niệm của thời ấu thơ. Và giờ đây, dù bước chân đã phiêu dạt nhiều nơi, tóc đã quá nửa đầu pha sương, đường đời không biết bao lần vấp ngã, ấy vậy mà ký ức về dòng sông quê vẫn mãi trinh nguyên, lung linh, tươi rói như thuở ban đầu.

Thì này, đây là khúc sông đám trẻ làng chúng tôi trai có, gái có, thường trốn ba mẹ hồn nhiên tồng ngồng tắm chung vào mỗi trưa hè.

Thì đây, khi chiều xuống, vạt bãi cát trắng phau mát mịn chân người trở thành sân bóng tuổi thơ. Trái banh được làm từ mớ rơm rạ cuộn dây

chuối sau vườn, hoặc trái bòng nước hoang dại bờ ao. Và cứ thế chia phe giành giật, đá qua đá lại, tấm thân trần đứa nào cũng đen nhẻm, nhễ nhại mồ hôi, khét nắng.

Rồi mỗi buổi sớm ban mai, khi đất trời còn chìm trong hơi sương, mặt nước là đà sương khói, tiếng gọi đò à ơi í ới của các bà, các mẹ, các chị đi chợ sớm theo gió vang dậy khúc sông. Chợ Long Phụng, trung tâm đầu mối của cả vùng, người từ Đức Nhuận xuống, người từ Đức Lợi lên, người từ Nghĩa Hiệp qua, buôn bán nhộn nhịp vui như hội.

Phía dọc dài triền sông cơ man nào là hoa cải. Hoa nở vàng rực, chói chang dưới nắng, đổ bóng xuống dòng sông. Không hiểu sao trong trăm nghìn loài hoa, với muôn thứ sắc màu mà tôi biết, tôi chỉ yêu mỗi màu hoa cải. Thứ hoa giản dị, mộc mạc, đơn sơ nhưng đầy ắp nghĩa tình. Thứ hoa tự biết mình phải làm gì để tồn tại trong tự nhiên vốn dĩ quá khắc nghiệt này. Tôi đã có nhiều giờ liền đứng nhìn hoa cải ven sông trong im lặng, ngắm cái sắc màu vàng khôi nguyên huyễn hoặc đẹp đến lạ lùng. Rồi thi thoảng tự phương trời xa xôi, bất giác có ngọn gió ngang qua, những bông hoa cải thanh tao khẽ đung đưa, lắc nhẹ, mềm mại tạo sóng nhấp nhô tựa như những vũ nữ trong điệu múa Apsara huyền diệu.

Sau bao năm xa cách, giờ đây tôi đang đối diện với con sông quê nhà, đang lắng nghe từng hơi thở, nhịp đập của sông, chợt thấy tim mình quặn thắt, nhói buốt từng hồi. Con sông tuổi thơ của tôi ngày nào đâu rồi? Sông đã bỏ làng về với biển biền biệt không về! Sông ơi là sông!

Tôi ngơ ngác nhìn dọc dài triền sông, thay cho những vạt cải vui đùa khoe sắc trong nắng gió thuở nào là những mảng đất đen sì, nham nhở đổ ập xuống lòng sông. Những trận lũ lụt kinh hoàng, thất thường trong những năm gần đây đã ngoạm vào bờ sông, ngoạm vào cây cối vườn tược, làm thay đổi dòng chảy, biến con sông thơ mộng trong tôi thành hoang phế. Cứ mỗi mùa mưa bão đi qua, sông lại mang trên mình nhiều thương tích đớn đau.

Cái bến sông nước trong leo lẻo nhìn thấy tận đáy, cát mịn màng dưới chân, tụi con gái con trai làng thường ngày ra tắm giặt, hụp lặn, mò cua bắt ốc giờ chỉ bé như khoảng sân; nước có màu nâu sẫm, chỉ xăm xắp dưới gối, quạnh hiu.

Tiếng gọi đò à ơi í ới vào những sớm tinh sương cũng thưa dần, rớt đơn côi như tiếng chim bìm bịp ngắt quãng trên mặt sông hoang vắng, nghe tồi tội, buồn buồn đến não lòng. Nước sông không còn nhiều vì

ngăn sông đắp đập lấy nước tưới đồng, chợ cũng được xây dựng nhiều hơn ở các vùng quê, chưa kể chợ tự phát, chợ di động mọc lên khắp nơi, những chuyến đò ngang dọc trên sông Vệ để đến chợ Long Phụng mua bán, trao đổi hàng hóa vì thế cũng không còn lý do để tồn tại.

Rời sông, tôi tần ngần về đứng dưới mái hiên nhà xưa, nhìn dáng mẹ lom khom tựa dấu chấm nhỏ nhạt nhòa phía sau vườn mà lòng xót xa vô ngần. Thời gian trôi qua, trông mẹ già và thay đổi nhiều quá. Mái tóc dài, đen mượt với những sợi tóc to, khỏe thuở nào giờ trắng xóa màu mây. Đôi chân từng vượt qua bao sóng gió cuộc đời nuôi đàn con ăn học thành người giờ run run, không trụ vững để đỡ tấm thân gầy yếu. Mẹ như chiếc xe không phanh lao nhanh về phía bên kia sườn dốc. Khu vườn nhà trước đây với đủ loại cây ăn trái trĩu quả; những khóm rau cải, rau ngò, xà lách, bông bí, mồng tơi, giàn mướp... luôn xanh um, tốt tươi là vậy giờ trở nên héo hon, xơ xác do thiếu bàn tay chăm sóc của ba.

Tôi lang thang quẩn quanh nơi xóm làng, hầu mong tìm lại dấu xưa còn vương vấn đâu đây, nhưng không thể, tất cả đều đã đổi thay. Cũng giống như mẹ tôi, những người trong làng tôi gặp đều già đi rất nhiều. Còn đám trẻ con được sinh ra sau này trông lạ lẫm, khác thường, chúng nhìn tôi với ánh mắt ráo hoảnh, trống không, khác xa với đám trẻ con chúng tôi thời đó.

Giờ đây, các con đường làng nắng bụi mưa bùn thời quá vãng đã được bê tông hóa, xe chạy bon bon. Nhà cửa được xây dựng khang trang, bề thế với tường rào, cổng ngõ trông rất đẹp mắt. Không thể không vui vì sự đổi thay, đi lên của một làng quê bao đời nghèo khó. Nhưng tự đáy lòng sâu xa, trong tôi lại dâng lên một cảm giác buồn buồn rất khó lý giải. Hình như đằng sau những cánh cổng to, chắc nịch kia, mối quan hệ trong cộng đồng làng xã phần nào bị ngăn cách, mờ nhạt.

Tôi ngước mắt nhìn ngôi nhà hai tầng xinh xắn phía trước. Nơi đó có rất nhiều hoa ti gôn, những đóa hoa đỏ bầm mang dáng hình trái tim tan vỡ phủ kín cổng tường, bao quanh ban công, leo qua khung cửa sổ màu trắng nằm trên cao. Ngôi nhà này từng có một người con gái xinh đẹp tuổi chớm đôi mươi bỏ làng, bỏ bạn bè ra đi, vội vã theo chồng lên phố thị, mặc cho chàng trai cùng làng chết lặng đứng trông theo, nước mắt rơi thành giọt rớt trên triền sông một ngày cuối hạ. Giờ này em ở đâu? ở chốn xa xôi ấy em có hạnh phúc không?◆

Nơi miền sóng vỗ

○ **Bút ký HOÀNG LAN QUYÊN**

Một ngày cuối Hạ, tôi có dịp trở lại Lý Sơn để nếm trải cái nắng gió và vị nồng mặn của biển khơi.

Lúc ông mặt trời leo lên đỉnh đầu và con bóng xoay tròn dưới mặt đất cũng là lúc chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình. Con tàu cao tốc Hòa Bình hùng dũng vươn mình xé sóng đưa hành khách chu du trên biển. Một chút chênh chao, một chút bềnh bồng giữa trùng khơi len nhẹ trong tôi. Mặt biển bấy giờ như một tấm thảm xanh với muôn nghìn con sóng nối đuôi nhau xa tít tận chân trời. Tôi lên boong tàu hứng từng làn gió biển mát rượi, gom cả cái nắng trưa hè trong cảm giác xôn xao.

Gần ba mươi phút trôi qua, giữa lúc nhiều du khách còn đang mơ màng trong giấc mộng thì bóng dáng mờ ảo của Huyện đảo Lý Sơn đã dần dần hiện ra. Xa xa, bóng dừa thấp thoáng rồi rừng cờ đỏ sao vàng tung bay phất phới cũng xuất hiện trên những con tàu neo đậu dọc bến cảng. Xứ sở của vương quốc hành tỏi đây rồi!

Tàu giảm tốc độ rồi từ từ cập bến. Chúng tôi mang xách hành lý cùng hành khách lục tục bước lên cầu cảng. Tôi đưa mắt nhìn quanh và chợt ngỡ ngàng trước những dãy nhà cao tầng, khách sạn và nhiều công trình xây dựng chẳng biết tự bao giờ đã mọc lên như nấm. Lý Sơn đang đổi thịt thay da, căng đầy sức sống. Một Lý Sơn đang độ xuân thì!

Trên bờ, những chiếc xe điện nối đuôi nhau chờ sẵn để đón đưa du khách hành trình khám phá miền sóng vỗ. Chúng tôi được hướng dẫn viên đưa về khách sạn T.T nghỉ ngơi. Đã gần một giờ trưa. Cái nắng giòn tan của xứ đảo soi xuống mặt biển trong xanh làm ngời lên một thứ ánh sáng diệu kì khiến tôi như quên đi tất cả mệt nhọc.

Chiều. Đảo Bé thật thanh bình. Những ghềnh đá trầm tích nằm phơi mình yên lặng trong làn nước biển trong xanh. Tùy theo độ nông sâu mà nước biển ở đây có những gam màu đậm nhạt khác nhau. Vách đá sừng sững ngàn năm in hình xuống

Minh họa: NGỌC BÌNH

đáy nước lung linh tạo nên vẻ đẹp diệu kì mà tạo hóa đã ưu ái ban tặng. Cây bàng vuông, cây phong ba mượt mà xanh lá mạnh mẽ, kiên cường bất chấp sự khắc nghiệt của thời tiết. Những lùm dứa gai sinh sôi dọc triền núi đá, những dây muống tím chen chúc mọc ven bờ cát trắng gợi cho tôi cái cảm giác như được trở về với bức tranh hoang sơ tự thuở nào.

Bãi tắm Tiên cũng khá đông du khách. Tôi ngụp lặn, hòa mình vào dòng nước mát để tận hưởng cái hương vị mặn mà của nước biển trong veo. Vừa ngâm mình, tôi vừa ngửa mặt hít thở khí trời trong lành, tự nhiên cảm thấy lòng nhẹ nhàng thư thái vô cùng. Mọi vẩn đục, lo toan về cuộc sống thường nhật dường như được gội rửa sạch làu. Nhìn về khơi xa, từng đợt sóng nhấp nhô tung bọt trắng xóa, những con tàu đánh cá ẩn hiện lấp lóa trong nắng chiều sắp tắt. Cảnh vật như một bức tranh yên bình mang hơi thở biển khơi.

Đêm. Tiếng sóng rì rầm như bài ca muôn thuở. Chiếc xe điện đưa chúng tôi đi theo con đường dọc biển. Gió thổi tung những mái tóc lúc chiều gội nước biển chưa được hong khô. Chúng tôi dừng lại ở một quán cóc ven đường, thong thả đếm thời gian qua từng giọt cà phê và ngắm cảnh vật vào đêm. Vầng trăng thượng tuần cùng muôn ngàn tinh tú phản chiếu khiến mặt biển lung linh. Ánh điện đủ màu sắc từ các quán cà phê, nhà hàng, khách sạn ven bờ hắt xuống mặt nước tạo nên những vệt sáng lấp lánh. Ngoài

khơi xa, hàng ngàn ngọn đèn giăng mắc mờ tỏ, chập chờn trên những con tàu đánh cá tựa hồ như dãi Ngân Hà kì ảo. Tôi cứ ngỡ mình đang lạc loài vào chốn mê cung thần tiên đầy sắc màu của thế giới cổ tích hoang đường.

Đêm ở đảo qua nhanh. Trời vừa hửng sáng, chúng tôi lục tục kéo nhau ra Cổng Tò Vò để đón bình minh. Biển buổi sáng nơi đây thật yên ả. Gió thổi mát rượi. Khí trời ban mai thật thanh khiết, trong lành.

Tôi ngẩn ngơ nhìn vòm đá Tò Vò hình cánh cung vô cùng độc đáo bên cạnh bãi ghềnh trầm tích. Vẫn còn đây dấu ấn của hàng triệu năm về trước khi nham thạch gặp nước biển đông cứng lại tạo thành tuyệt tác. Nắng sớm phủ đầy rực rỡ trùng khơi, mặt biển như được dát bạc lấp loáng. Thiên nhiên thật là kì thú, nó ban tặng cho con người những tác phẩm vĩnh hằng. Cách đấy không xa, trên sườn núi Giếng Tiền là Chùa Đục thâm nghiêm, trầm mặc với tượng phật Bà Quan Âm thánh thiện luôn phù trợ cho xứ Đảo yên bình.

Đến với Lý Sơn, chúng tôi không thể không ghé thăm cột cờ Tổ quốc trên đỉnh núi Thới Lới - một trong năm ngọn núi lửa thời tiền sử đã tắt. Chúng tôi vô cùng xúc động và tự hào khi nhìn lá cờ đỏ sao vàng tung bay kiêu hãnh. Đây là minh chứng hùng hồn về chủ quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm mà các bậc tiền nhân thuở trước đã từng khẳng định. Bất giác lời thơ hùng hồn của Lý Thường Kiệt năm xưa lại hiện về trong tâm trí tôi. Nghe như đâu đây tiếng đồng vọng một thời của lịch sử dân tộc oai hùng:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư/ Tiệt nhiên định phận tại thiên thư/ Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm?/ Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư! (Lý Thường Kiệt)

Trên đỉnh Thới Lới hôm nay là cả một vườn hoa rực rỡ sắc màu. Những đóa hoa tươi thắm tỏa ngát hương thơm làm dịu vơi cái nắng gió khắc nghiệt nơi xứ đảo. Trong cảm giác thư thái, ung dung tôi quan sát cảnh vật xung quanh. Từ trên độ cao gần 170m so với mực nước biển nhìn xuống, đảo Lý Sơn gần như bức tranh thủy mặc tuyệt đẹp. Những ruộng hành tỏi, dưa hấu... hài hòa với gam màu xanh đậm nhạt của biển xa khơi cùng bầu trời xanh thẳm tạo nên một tuyệt tác: thiên nhiên - cuộc sống làm say đắm lòng người.

Ngay dưới chân núi Thới Lới là thắng cảnh Hang Câu. Vẻ đẹp tự nhiên của đá núi khiến tôi ngẩn ngơ hồi tưởng về thời kì tiền sử hoang sơ. Hang tựa như một bức điêu khắc khổng lồ giữa mênh mông đất trời. Trên vách đá còn hằn sâu dấu vết thời gian của sóng và gió với những đường nét kỳ lạ. Trước mặt hang là biển xanh trong vắt, những con sóng bạc đầu kéo dài bất tận. Hang

Câu mang một vẻ đẹp kì ảo ở mọi thời điểm nên lúc nào cũng nhộn nhịp bước chân du khách.

Và nếu như Hang Câu là tác phẩm của thiên nhiên hùng vĩ thì chùa Hang lại là tác phẩm điêu khắc đá tuyệt vời của tạo hóa. Chùa cũng nằm ngay dưới chân núi Thới Lới (về phía Đông Bắc). Nơi đây, núi và biển liền kề nương tựa vào nhau tạo nên một bức tranh hài hòa tuyệt mỹ. Tôi thầm nghĩ người xưa cũng khéo tận dụng hang động nằm sâu trong lòng núi, sát bên bờ biển, để tạo dựng cảnh chùa. Đứng từ xa quan sát, ta không thể biết được bên trong động có một công trình kiến trúc mà chỉ nhìn thấy tán lá của những cây bàng biển cổ thụ, tuổi của chúng có lẽ cũng xấp xỉ với ngày ra đời của chùa Hang. Dạo một vòng vãn cảnh chùa, tôi dừng lại dưới bóng của một loài cây lạ gọi là cây phong ba. Cái tên tôi từng nghe trong bài hát "Cây phong ba trên đảo Trường Sa" nên có sức hút đặc biệt. Tán cây không um tùm nhưng xanh um bền bỉ, hương hoa không ngào ngạt nhưng lại rất trong lành. Cây âm thầm góp bóng mát làm dịu đi cái nắng chang chang trên đảo tựa như người lính lặng lẽ ngày đêm góp phần mang lại bình yên cho lãnh hải, biên cương.

Đến với Lý Sơn chúng tôi không chỉ chiêm ngưỡng những danh thắng hoang sơ mà còn được khắc sâu dấu ấn lịch sử về Hải đội Hoàng Sa. Đứng dưới chân tượng đài các tráng sĩ tôi chợt nghe lòng mình thắng thốt. Xúc động vô cùng khi hồi tưởng về những đội Hùng binh dong thuyền vượt biển, không ngần ngại sóng to, gió lớn đi cắm mốc chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa ngày nào. Tinh thần và nhiệm vụ của họ trong những chuyến hải trình đã in sâu trong tâm khảm người dân xứ đảo qua từng câu ca:

"Hoàng Sa lắm đảo nhiều cồn/ Người đi thì có mà không thấy về/ Hoàng Sa mây nước bốn bề/ Lệnh Vua sai phải quyết lòng ra đi"

Những hình nhân, mộ gió và tiếng vọng Khao lề mãi được lưu giữ muôn đời trong sử sách. Đó là những minh chứng sống, khẳng định chủ quyền thiêng liêng đối với hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa của Tổ quốc Việt Nam.

Đang miên man trong dòng hồi tưởng, tôi giật mình khi nghe tiếng chào mời mua hành, tỏi, rong , mứt.... Những món quà tặng mang hương vị đậm đà của biển khơi mai đây sẽ theo chân du khách đi vào đất liền.

Cuộc hành trình NƠI MIỀN SÓNG VỖ đã khép lại nhưng dư âm thì còn đọng mãi. Quê hương của Hải đội Hùng binh Hoàng Sa - nơi đầu sóng ngọn gió vẫn đang từng ngày đổi thịt thay da. Và cây phong ba - hiện thân của người dân xứ đảo, vẫn luôn bền bỉ, âm thầm tỏa bóng bình yên◆

Hết giặc Covid chúng con lại về!

○ **Truyện ngắn DƯƠNG THANH HƯƠNG**

Cả nhà đang xem thời sự, ai cũng cũng bất ngờ khi có tin đại dịch cô-vít quay lại. Ông Hai bảo vợ:

- Bà chạy nhanh xuống chợ mua ít thức ăn và vật dụng thiết yếu cho con. Tình hình này chắc vợ chồng nó lại phải trực chiến rồi.

- Dạ!

Như một thói quen được lập trình, các con bà hay đi công tác dài ngày, bà đã có kinh nghiệm trong việc chuẩn bị. Lần này cũng thế, bà ù xuống chợ rồi về nhanh để cùng chồng sắp xếp.

Bà đi rồi. Ông Hai không biết làm gì, bần thần cầm tờ báo định bụng đọc tin tức mà chữ không đọng vào đầu, tâm trí ông vẫn còn đang để tâm đến bản tin sáng. Giống như sự lặp lại có báo trước. Lần đầu tiên gần được công bố hết dịch thì bệnh nhân số 17 xuất hiện làm tràn lên đợt dịch thứ hai. Lần này đã được chín chín ngày. Chỉ còn một ngày nữa là thế giới tuyên bố Việt Nam hết dịch lại đùng cái có dịch. Mà lại bùng nổ tại Đà Nẵng. Nơi miền Trung đầy nắng và gió nữa chứ. Mà khốn nạn thật! Con vi rút này nó lại chọn nơi cứu người để tác oai, tác quái. Nó biến hàng loạt bệnh viện lớn ở Đà Nẵng thành tâm dịch. Rồi lan tràn khắp nơi. Không biết đến bao giờ mới lại được bình an.

Thời chiến tranh, ông bà đều là lính, gian khổ, thiếu thốn nhưng chẳng bao giờ mất niềm tin vào chiến thắng cuối cùng của Cách Mạng. Giờ cũng thế thôi, các con ông đang ở trận chiến mới. Trận chiến với vi rút, gian khổ nhiều nhưng chắc chắn dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta lại chiến thắng mà thôi. Cứ coi vi rút là giặc thì chẳng việc gì phải sợ. Ông như tự động viên mình và như nhủ thầm với các con. Đoàn kết trên dưới một lòng

thì kiểu gì cũng thắng. Nhưng... Ông tặc lưỡi. Lần này có hơi lo đây. Chưa tìm được F0. Chưa biết lây lan kiểu gì. Lại còn những kẻ tham tiền đưa người nhập lậu vào đất nước tránh cách ly nữa... Mà ngay xóm ông, cũng có F2, F3. Chiều nay chắc thu xếp công việc xong, ông lại phải cùng tổ dân phố đi tuyên truyền người dân mang khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng, dọn dẹp nhà cửa và nhắc các cháu đang cách ly ở nhà hạn chế ra đường. Đầu óc ông cứ nhảy lung tung từ chuyện này sang chuyện khác. Như sực nhớ, ông chạy xuống tủ, may quá ruốc thịt bà làm hai hôm trước vẫn còn. Ký cá khô, mới được người bà con bên biển biếu, ông cũng lấy xuống gói kỹ trong tờ báo chuẩn bị cho các con. Vợ chồng ông lấy nhau muộn sinh được mỗi cậu con trai. Nó học hành lớn lên nhất quyết nối nghiệp bố mẹ vào quân ngũ, cũng ít được về nhà. Con dâu ông là bác sĩ. Bận tối mặt chẳng mấy khi rảnh rỗi nên việc chăm nom các cháu đều một tay ông bà lo liệu. Chỉ có việc dạy các cháu học ông bà không kham nổi nên giao cả cho con dâu.

Như ông dự đoán, con dâu ông từ bệnh viện gọi điện:

- Ba ơi, chắc con phải gửi hai cháu cho ông bà chăm sóc một thời gian. Con phải ở trong bệnh viện trực chiến. Chồng con đơn vị điều ra biên giới hỗ trợ anh em biên phòng từ nửa đêm hôm qua rồi.

- Ừ! Có ghé về nhà được không con? Lấy đồ mẹ chuẩn bị đem theo mà dùng.

Dứt điện thoại, ông giục bà Hai:

- Nhanh tay lên, nó về chừ đó.

- Tôi nhanh hết mức có thể rồi.

Con nhà lính, tác phong quân sự, hai ông bà chuẩn bị một tí là xong: va li quần áo, giỏ xách đầy giấy ăn, giấy ướt và mọi thứ linh tinh.Con dâu lại điện về nói:

- Có xe đơn vị ra chỗ chồng con đóng quân, ba mẹ có gửi gì cho ảnh thì chuẩn bị. Năm phút nữa con có mặt tại nhà.

Hai ông bà lại tiếp tục, ông gói đồ khô, bà gói thuốc men. Con trực ngoài rừng, biết là bộ đội chẳng thiếu gì nhưng ông bà vẫn cứ chuẩn bị: dầu gió chục ve, thuốc bôi chống muỗi hai chục, ông gói luôn cả chiếc võng dù ngày xưa vào túi cho con. Bà gắt:

- Nó có võng rồi mà.

- Mưa rừng, lạnh lắm để nó đắp thêm cho ấm. Ông đáp.

Cá khô, ruốc thịt... ông bà dồn hết cho con trai. Con dâu bà ngay đây, bà làm đem vào cho nó sau. Chuẩn bị xong hai ông bà ngồi thừ ra chẳng biết làm gì nữa. Con dâu ông bà về mang theo cái lạnh của cơn mưa hè. Nó vừa ăn vội miếng cơm vừa nói:

- Lần này nguy hiểm hơn ba mẹ ạ! Nó biến thể, diễn biến lại nhanh. Mà nơi nó phát tán toàn người già, người mắc bệnh

nền nhiều và nặng. Đà Nẵng lại đông dân cư, nhiều khách du lịch, người Quảng Ngãi mình có thói quen khám, chữa bệnh ngoài đó thế nào cũng có người lây bệnh đem về. Trung ương đang cử đoàn công tác vào hỗ trợ miền Trung. Chắc không tránh khỏi thương vong đâu. Nhưng ba mẹ cứ an tâm. Thực hiện tốt mọi chủ trương của nhà nước là không sao. Chúng con quyết đánh thắng bọn giặc vi rút này để trả lại sự bình yên cho đất nước.

- Ử! Các con cố lên.

Hơn mười ngày nay, chung với tâm trạng mọi nhà trong cả nước, vợ chồng ông cũng nín thở dõi theo tin tức. Mỗi ca bệnh mới hay một người mất đi ông bà lại lo lắng, thương tâm. Nhìn hình ảnh các cháu bộ đội ở ngoài rừng mưa ướt, các bác sĩ nằm trong thùng các tông, nằm trên thềm nhà ngủ ông cứ xuýt xoa. Thời ông bà nằm rừng sương gió, thiếu thốn đói khổ là bình thường bởi đó là thời chiến tranh vất vả được xem là môi trường rèn luyện ý chí còn bọn trẻ bây giờ được sống trong hòa bình, cơm bưng nước rót chịu cảnh khổ như vậy chắc là vất vả lắm. Không biết bao giờ mới dứt cái con vi rút đáng ghét này. Thương bọn trẻ, thương con mình, ông nói với bà:

- Tình hình này còn rất căng. Tháng này bà trích từ lương hưu của vợ chồng mình mua thêm nước uống, giấy... các thứ các cháu nữ với con dâu mình trong bệnh viện cần. Làm thêm đồ ăn khô và gửi trái cây vào cho bọn nó nhé. Chúng nó có khỏe mới bảo vệ được đất nước. Mình tiện tặn chút giúp ích được gì thì làm nấy.

- Vâng, để chiều nay tôi mua rồi ông chở tôi đem đi. Bà quay sang hỏi chồng: Có cho bọn trẻ đi không? Hơn mười ngày rồi bọn nó chưa gặp mẹ?

- Thì cho, nhưng dặn kĩ bọn trẻ không khóc lóc, không đòi ôm mẹ nhé!

- Để tôi nói.

Chiều ông Hai, đưa vợ và các cháu vào thăm và tiếp tế đồ dùng cho con dâu. Nó mặc đồ bảo hộ kín mít chẳng thấy mặt mũi đâu, đứng tuốt ở phía trong bảo ba mẹ để đồ ăn ở bàn tiếp nhận rồi các anh ấy đem vào cho con.

Nhìn cái cảnh người đứng ngoài cổng, người trong cổng mà không dám gặp mặt khiến ông Hai rất mủi lòng. Dặn các cháu không khóc mà nước mắt ông tự nhiên tuôn rơi. Hai đứa trẻ thấy mẹ cứ nháo nhào cả lên. Bé Bông đưa hai tay bé xíu ra vẫy vẫy: Mẹ! mẹ ơi! Và khóc nhắng lên. Còn anh hai Toàn mắt cũng ướt nói to:

- Mẹ ơi! Bao giờ mẹ về?

- Hết giặc cô vít mẹ về. Con dâu ông đáp rồi òa khóc chạy vào trong làm ai chứng kiến cũng không cầm nổi nước mắt.

Tối, con trai ông gọi mesinger, động viên các con và nhắc nhở

ông bà giũ gìn sức khỏe. Nó nói:

- Ba mẹ cứ yên tâm. Biên giới đã được chúng con canh phòng cẩn mật. Nơi tuyến đầu vợ con vẫn rất an tâm công tác vì nhờ có ba mẹ làm hậu phương vững chắc. Chắc cũng không lâu đâu, giặc cô vít sẽ thua, chúng con lại về.

Tội nhất là con bé Bông, mới đi lớp chồi có biết con cô vít là gì đâu, nhưng mỗi khi ông mở ti vi, nó lại nói theo tiếng Sài Gòn của cô phát thanh viên:

- Cô dít mười chính kìa ông bà nội.

Làm cả nhà cười vang. Nó nhớ mẹ đến mức trong mơ vẫn cứ gọi: "Mẹ, mẹ! Bông yêu mẹ lắm!", làm ông bà thương xót vô cùng.

Đang yên giấc, ông bừng tỉnh vì nghe tiếng bà thút thít. Ông ngồi dậy, hỏi bà sao vậy, bà chẳng nói gì đưa điện thoại cho ông xem. Thì ra bà đang xem facebook. Con dâu bà viết: "Chiều nay chỉ được nhìn con qua hàng rào bệnh viện. Mình khao khát biết bao được ôm hai cái dáng người nhỏ bé ấy vào lòng. Nhìn thấy ba mẹ chồng khệ nệ tiếp tế đồ ăn. Nhìn cái lưng còng, khuôn mặt đầy nếp nhăn của ba mẹ mình khao khát được ôm hôn họ xiết bao. Đáng lẽ phận con dâu mình phải chăm sóc họ vậy mà giờ này họ không chỉ chăm sóc mình còn phải lo cho cả con mình nữa. Mẹ ơi, con thèm được ăn bữa cơm gia đình có món canh chua mẹ nấu. Thèm được tắm một trận thỏa thích trong hồ bơi. Thèm được nhìn cảnh ba đọc báo, mẹ lúi húi viết sách... Chồng ơi vợ nhớ chồng, vợ thèm được chồng hôn. Thèm cái cảm giác gia đình ấm áp. Thèm tiếng vui cười. Thèm cuộc sống ồn ào, xô bồ ngày cũ. Nhưng chỉ là giấc mơ. Chưa biết bao giờ mới chiến thắng. Chưa biết bao giờ lại bình yên."

Ông đưa điện thoại và nói với bà:

- Bà nói với nó: Thèm canh chua mai bà nấu đem vào. Bảo nó phải lạc quan, không được nản lòng, chùn chí. Ba mẹ luôn là điểm tựa vững chắc cho các con.

Con dâu bà nhắn lại:

- Con chỉ tự sự chút thôi ba mẹ ạ! Con chỉ buồn lúc này khi với ba mẹ thôi nhưng với kẻ địch con kiên cường lắm.

Bé Bông thức dậy theo ông bà tự bao giờ, bi bô hỏi mẹ:

- Bao giờ mẹ về?
- Hết giặc cô vít mẹ về.
- Ngày mai hở mẹ?
- Ờ!

Thời gian qua mau. Mới mà đã hai mươi ngày. Mỗi ngày đài lại đưa tin vui. Đã khống chế được ổ dịch. Đã có thêm người khỏi bệnh. Chúng ta nhờ lòng quyết tâm, sự đoàn kết và trí tuệ tuyệt vời đã chiến thắng. Con dâu và con trai ông bà chỉ cần cách ly mười bốn ngày nữa là về. Ông Hai thở phào nhẹ nhõm, giờ được nghỉ ngơi rồi đây◆

Nước mắt long lanh

○ **Truyện ngắn MAI DUY QUÝ**

Trời chớm hạ. Giọt nắng vàng rực rỡ cuối ngày níu thời gian chậm lại, lưu luyến với tháp cao ngất trời của nhà máy, với những tòa nhà cao tầng. Nó mắc lại thật lâu mà không chịu đậu xuống người, xuống xe cộ tấp nập lại qua. Nó thích thú nhảy múa trên đỉnh tháp để ngọn lửa cháy đỏ hơn, rực rỡ và lung linh huyền ảo. Ngọn lửa trên đỉnh tháp của nhà máy lọc dầu Dung Quất có bạn, quyện vào nhau, lấp lánh. Ngày ngày, bà ngồi nhìn về phía ngọn lửa để mặc cảm xúc dâng tràn. Để thương ông đã ra đi, không sống mà nhìn quê hương ngày càng thay da đổi thịt.

Từ ngày ông mất, bà thương ông đến biếng ăn, mất ngủ. Bệnh tai biến ập đến với bà. Đôi chân bà bị tê liệt, đi lại khó nhọc. Sáu năm trời bà chưa ra khỏi nhà. Chiều chiều, bà ngóng trông về phía mộ ông. Thương ông một đời lo toan, vất vả. Một thời dọc ngang oanh liệt. Cứ thế, thời chiến tranh lửa đạn lại hiện về, kết thành thước phim cận cảnh, chầm chậm diễn ra trước mắt bà...

Ngày ấy, bà là một chiến sĩ binh trạm đường Trường Sơn. Một cô gái ở chiến trường là niềm vui, là mơ ước, là bông hoa rừng tỏa hương thơm sắc thắm giữa chốn ba quân toàn "đực rựa". Trái tim cô chiến sĩ Trường Sơn thời ấy khó rung động trước những lời âu yếm ngọt ngào, trước những ánh mắt rực lửa cháy bỏng hay những nụ cười tha thiết như van lơn. Trái tim họ dành cho Tổ quốc mà quên đi chuyện riêng tư. Có chăng đêm nằm suy nghĩ, chúm chím cười một mình.

Ngày kia, binh trạm được tăng cường một anh lính dong dỏng cao, nước da ít sạm nắng, dáng vẻ thư sinh, giọng người xứ Quảng. Hai người nhìn nhau thân thiết như đã quen biết tự lâu rồi. Anh lính mở lời:

- Cô ở miền Trung à?

- Dạ, em người Quảng Ngãi.

Anh lính nghe lòng rộn ràng, thân thương xứ mía ngọt đường thơm. Anh chuyển cách xưng hô, tò mò hỏi thêm:

- Em ở huyện nào?

Cô gái nhìn vào mắt anh, đôi mắt thẳm sâu như hút cô về phía ấy. Cô nhoẻn cười để lộ hàm răng hạt lựu trắng lóa đều tăm tắp. Cô không trả lời thẳng mà thả giọng oanh vàng thỏ thẻ, ngân nga lời thơ của nhà thơ Tế Hanh: "Quê hương tôi có con sông xanh biếc/ Nước gương trong soi tóc những hàng tre..."

- Anh sẽ dang tay ôm nước vào lòng, để em là sông, mở nước ôm anh vào dạ nhé! - Anh cười mà nghe tim mình thổn thức, rạo rực niềm vui có được người cùng quê hương huyện Bình Sơn.

Nàng chúm chím, đôi má lúm đồng tiền ửng hồng, đôi môi cắn chỉ đỏ thắm tự nhiên cho duyên lại càng duyên. Từ đấy, hai người thường bên nhau. Và, anh lính yêu cô! Một tình yêu cháy bỏng, bất chấp gian nguy, vượt lên tất cả. Họ yêu nhau với trái tim của tình yêu thuần khiết.

Một hôm, hai người đi công tác thì bị máy bay địch oanh tạc. Họ dìu nhau trú ẩn ở một căn hầm ven đường. Tiếng nổ nện ngay trên đầu họ. Bằng phản xạ tự nhiên anh nằm lên trên người nàng để che chở. Quả đạn pháo không nổ tung căn hầm nhưng tim anh như nổ tung vì đụng chạm xác thịt, vì tình yêu bị dồn nén bởi thời gian. Anh định làm cái chuyện mà tình yêu đến đỉnh điểm thường xảy ra. Cô chiến sĩ vẫn giữ vững lập trường, không cho anh đi quá giới hạn.

Lúc đó, bất chợt một câu chuyện tình thời chiến tranh lóe lên trong đầu anh. Anh bèn kể câu chuyện mà mình đã nghe được từ lâu, đã xót thương đến chảy nước mắt dù chưa bật thành tiếng khóc. Chuyện kể rằng, có hai người yêu nhau trú chung ở một hầm tránh đạn. Căn hầm chật hẹp tạo sự va chạm xác thịt. Chàng trai không kìm nén nổi, lột phăng quần áo hai người. Họ vật lộn, giằng kéo nhau trong căn hầm chật chội. Bằng sức mạnh của lý trí, để giữ trinh tiết, cô gái đã đẩy chàng trai ra khỏi hầm. Chàng trai bất ngờ trước sự bị cự tuyệt dữ dội. Còn đang ngỡ ngàng, hổ thẹn chưa kịp chui vào hầm, một quả đạn pháo nổ ngay nơi ấy. Chàng trai vĩnh viễn ra đi không một lời trăn trối. Cô gái nghẹn ngào, đau xót ôm lấy thi thể người yêu. Nàng phát hiện dương vật chàng còn cứng nóng. Không đắn đo do dự, nàng cầm lấy dương vật để vào âm đạo của mình. Mặc mưa bom bão đạn, thời gian ngừng trôi trước sự dâng hiến cao quý dù đã muộn màng!

- Thương cho họ quá phải

không anh?

- Chiến tranh, mọi thứ có thể xảy ra nào ai biết trước được! - Anh thở ra nghe buồn tê tái tận vành tai.

Anh biết câu chuyện mình kể đã làm nàng xúc động. Trái tim yêu bao giờ cũng vị tha và dâng hiến nhưng ta phải biết khơi dòng yêu thương. Lúc này anh siết chặt nàng. Nàng ngoan ngoãn nằm yên trong vòng tay ấm áp, yêu thương. Không phải nàng mềm lòng mà nàng vị tha vì chiến tranh đang bủa vây lấy họ, ranh giới của sự sống và cái chết mỏng manh như sợi tóc. Giá đừng có chiến tranh cuộc đời này sẽ giảm đi biết bao tang tóc, đau thương, bao điều bất hạnh.

Từ ngày ấy, cô chiến sĩ biếng ăn, cổ nổi nhiều gân xanh, da vàng vọt. Nhìn cô, người ta ái ngại lo lắng. Sợ cô sốt rét hay bệnh nặng gì, không biết có sống nổi qua mùa trăng này không! Cô không sốt. Đêm đêm, cô không khóc mà nước mắt cứ trào ra. Chiến tranh, yêu nhau cũng có tội sao? Chiến tranh mọi thứ đều có thể mang họa vào thân sao?

Cây kim bọc giẻ lâu ngày cũng lòi ra. Bụng cô ngày càng lớn. Cô không thể giấu anh, giấu đơn vị được nữa. Cô đành thú nhận tội "ăn cơm trước kẻng". Dù phải xử lý như thế nào nhưng rồi đám cưới cũng được tổ chức. Nói đám cưới cho đỡ xót xa, buồn tủi. Thường ngày, đơn vị có khi không đủ cơm ăn lấy gì làm đám cưới. Những phong lương khô ít ỏi thay thế bánh hồng. Tiệc cưới không trà, không rượu, bia. Cô dâu, chú rể ôm bó hoa rừng mặt cũng ngời rạng rỡ, cũng trang trọng, thiêng liêng lắm. Tuần trăng mật là những phút giây yên lặng sau đợt oanh tạc của địch. Vầng trăng cũng vàng úa bởi nhuốm màu bụi đất do đạn bom xới tung.

Bốn tháng sau ngày cưới, cô được chuyển về hậu tuyến để làm những công việc nhẹ nhàng, để chờ ngày sinh nở. Những ngày đầu tháng ba, tiếng súng tấn công giòn giã của quân ta vang dội khắp nơi. Địch ngày càng thất bại từ trận này đến trận khác. Không được tham gia nơi chiến trận lòng cô như có lửa đốt, cứ đứng ngồi không yên. Cô nhận ra rằng ở chiến trường mà không được tham gia nơi chiến tuyến là điều bất hạnh lớn lao.

Đất nước được thống nhất, vang khúc khải hoàn ca. Những người lính được đoàn tụ gia đình. Ông bà bồng bế về quê hương, nơi tuổi thơ ông lớn lên cùng những trò chơi bên đồi cát đêm trăng. Dưới bóng tre cỗi cằn, đêm ngày nghiến răng kẽo kẹt trong rì rào tiếng gió. Bên những ụ cát của trận địa pháo cỏ dại thi nhau mọc dày, phủ kín. Ông lớn lên trong tự hào

là dân xóm Đồng Tre của xã Bình Trị này. Thời chống Mỹ, nơi đây được xem là "vùng đất chết" của cả lính Mỹ lẫn lính Đại Hàn. Nơi đây, lũ trẻ chơi trò ú tim quanh những căn hầm chữ A hoang phế. Ngày xưa, dân Bình Trị đào hầm trốn dưới cát như những chú còng thoắt ẩn, thoắt hiện. Họ đã bám trụ cùng cát để làm cuộc cách mạng kiên cường dài dằng dặc phần tư thế kỷ.

Ông đưa vợ và con ra đồi cát sau nhà. Trăng lên khỏi lũy tre làng đẹp quá! Lâu rồi ông lại cảm nhận được thế nào là vằng vặc ánh trăng. Ngồi trên đồi cát mới thấy được trăng sáng mông lung đến dường nào. Ánh trăng như dát bạc. Trăng phủ thảm vàng mềm mại lên đồi cát. Từng chuỗi ký ức trong ông tuôn tràn như ánh trăng không gì che chắn.

Làng ông, từng túp nhà núp dưới rặng tre ken dày. Làng có nghề đan tre được cha truyền con nối. Nghề này giờ đã bắt đầu rơi rụng theo thời gian năm tháng. Có ai chịu khổ để làm cái nghề đòi hỏi tỉ mẩn, trau chuốt công phu rồi nheo, rồi đan, uốn cong cong phải tròn trịa, cân đối mới đẹp. Đến tuổi xế chiều lưng còng vẫn nắn từng vành rổ... Mỗi một sản phẩm hoàn tất, mắt ông vỡ òa niềm vui khôn xiết. Ông bàn với bà cố gắng vượt qua gian nan, khổ cực để quyết tâm gìn giữ nghề đan. Bà nhìn vào mắt ông lấp lánh yêu thương dâng trào khóe mắt.

Ngày ngày, bà đi khắp hang cùng ngõ hẻm để mua vật liệu cho ông. Nghề đan của ông đâu chỉ có tre trong vườn. Bà mua nứa cho ông đan sàng. Tìm mua giang đan giần. Lặn lội mua trập để đang rá. Muốn đan rế phải tìm đỏ cả mắt để mua từng sợi dây mây... Chưa bao giờ ông chê vật liệu bà mua. Trời khéo cho ông bà, gặp nhau thành đôi thành cặp. Nơi xóm nghèo này vật dụng ông bà làm ra chủ yếu để tặng. Số bán cũng chỉ lấy đủ tiền mua vật liệu tái sản xuất mà thôi. Sống ở làng quê tình làng, nghĩa xóm nó nặng như hòn thái sơn.

Ông say sưa với công việc và yêu nghề như yêu chính bản thân mình vậy. Có hôm, ông vừa làm vừa nhâm nhi ly nước trà xanh cùng bọn trẻ ngồi xem, ông bảo: "Đố các cậu, ai biết tre nào là tre đực, tre nào là cái?".

- Tre làm gì có đực cái. Đừng có xúi dại chúng cháu không nghe đâu - Lũ trẻ nhao nhao, cuộc trò chuyện rôm rả...

- Đừng bảo là tre đực không đẻ măng đó nha. Vườn cháu cây tre nào cũng đẻ măng hết ông ơi!

Ông cười hồn nhiên, này nhé: "Tre nào mà chẳng đẻ măng. Tre cái mắt thưa, dễ chẻ vì thẳng hơn. Tre đực dày mắt, ruột đặc". Nghe vậy cả bọn mới

ngẩn ra, cười nắc nẻ.

Một ngày kia, dân xóm Đồng Tre này nghe mà không tin ở tai mình. Nơi đây sẽ xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất. Nhiều người không muốn rời xa lũy tre, đồi cát mà cả cuộc đời đã gắn bó. Tre đã cùng dân đánh giặc để giữ nước, giữ làng. Sống nhờ tre mà chết cũng nhờ tre. Nơi đây đã thấm đẫm máu xương của ông cha trong từng tấc đất. Anh bộ đội cụ Hồ năm xưa lại phải gõ cửa từng nhà động viên, khuyên bảo. Ông là niềm tin, là ân nhân của bao gia đình nên ông nói họ nghe. Ông thu xếp đồ nghề lỉnh kỉnh như dụng cụ của một bác sĩ ngoại khoa dùng để mổ xẻ. Nào đục, chàng, nào khoan, nào đủ loại bào, nào dao, cưa... ông xếp gọn gàng , ngay ngắn vào rương. Ông tiên phong tháo dỡ cửa nhà.

Hôm sau, dân xóm Đồng Tre này xôn xao gồng gánh rời quê. Dòng người hối hả từ tinh mơ rời làng về nơi định cư mới. Dòng người mang niềm hy vọng tràn trề dù còn xa tít mù tăm. Rồi tháng, rồi năm cứ trôi đi mà nhà máy lọc dầu chẳng thấy mọc lên, vẫn nằm im trên giấy. Khu đất giải tỏa vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt. Mặc cỏ dại thi nhau mọc đầy, xanh tốt. Đêm đêm, ông trở trăn, thổn thức. Ông về thăm lại quê cũ. Con đường xưa gió đưa cát lấp nhạt nhòa. Đường nằm lỳ dưới chân mà nổi nênh ký ức bồng bềnh. Những mảnh ghép trong đầu ông thi nhau nhảy múa. Người dân ra đi mà lòng thì trĩu nặng đợi mong.

Ông trông mong nhà máy lọc dầu mọc lên như tuổi thơ trông mẹ đi chợ về. Ông nén tiếng thở dài vẫn không sao nén nổi. Hằng ngày ông ngồi thừ ra chẳng ai biết ông nghĩ gì. Ông ngày một tóp teo như cây củi khô mùa đốt rẫy.

Ông theo tổ tiên về cõi vĩnh hằng đúng vào ngày Thủ tướng phát lệnh "khởi công lại" gói thầu số một của nhà máy lọc dầu Dung Quất. Xóm Đồng Tre này trở nên đông đúc, xôn xao. Cả ngày lẫn đêm, tiếng người rộn rã, tiếng xe, tiếng máy ầm ào. Những con người trên công trường cần mẫn như những con kiến ngày đêm không lùi bước. Những cần cẩu, cần trục vươn cánh tay dài lên trời xanh không mệt mỏi.

Bà nghĩ thương ông quá đỗi. Ông không sống mà nhìn quê hương phát triển từng giờ. Lối mòn xưa cát lấp dấu chân giờ là đường nhựa thênh thang, thẳng tắp, dọc ngang như bàn cờ. Các cảng biển nối tiếp nhau: cảng dầu khí, cảng Dung Quất, cảng Doosan... rì rào tiếng sóng dịu êm như hòa bản tình ca cùng gió. Thành phố công nghiệp Dung Quất mọc lên từ hình hài của một khu kinh tế...

Chiều chiều. Bà ngồi thừ, thở

ra nghe mà não nuột. Kí ức cũ trong bà cựa quậy. Bà cứ ngồi, đến trời sụp tối. Khi tiếng máy xoèn xoẹt cắt tre cuối ngày vang lên hối hả, giòn giã hơn làm bà sực tỉnh. Ánh mắt anh con trai nhìn bà càng trìu mến. Anh thương mẹ mình hơn. Ánh nhìn khao khát vươn ra thị trường lớn vẫn nguyên trong đáy mắt. Con bà đã phát triển nghề làm ống hút bằng tre. Ban đầu, con trai bà bàn tính phát triển nghề mà quê hương sẵn có vật liệu tre. Bà đã gạt phắt như người ta giật mảnh băng bịt mắt mình ra. Bà bảo, thời đại công nghệ 4.0 rồi mà con còn tính chuyện làm ăn xưa như trái đất, không được đâu con ơi! Không khéo thiên hạ cười toe toét vô mặt mẹ đã sinh ra con nửa khùng, nửa điên. Anh ôm mẹ vào lòng, thương mẹ hơn lúc nào hết. Anh nghĩ và ôm ấp giấc mơ áp dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất nhưng thân thiện với môi trường là điều cần thiết. Nó cần như hơi thở đối với sự sống này. Anh bắt tay vào làm ngay, nói và làm. Làm gấp rút như sợ ai đó ăn cắp báu vật của nhà mình. Ban đầu lòng anh cũng chênh vênh quá đỗi. Biết bao đêm, anh chòng chành giấc ngủ giữa những cơn mê.

Giờ đây, từng công đoạn cắt, ngâm, tiện...xếp, đóng gói được con người sử dụng công nghệ liên hoàn cho ra sản phẩm thấy mà ham. Cả chục công đoạn được mười con người thoăn thoắt đôi tay, hăng say lao động, phát huy sáng tạo nghề truyền thống của làng quê Việt.

Bà quay sang nhìn về phía mộ ông. Miệng bà lẩm bẩm điều gì đố ai biết được. Bà nhẩm tính còn hai mươi mốt ngày nữa là giỗ ông. Bà giật mình, thời gian giỗ ông cận kề quá. Sợ không kịp, bà thảng thốt réo gọi con:

-Con ơi! chở mẹ lên Sở Địa chính đi con.

- Chi vậy mẹ?

- Mẹ nhờ vẽ tấm bản đồ!

- Hôm nay mẹ làm sao vậy? tấm bản đồ gì?

-Tấm bản đồ để bố con biết đường về nhà ngày giỗ, ngày tết... Ngày bố con mất, khu kinh tế Dung Quất mới bắt đầu "khởi công lại". Bây giờ nhà cửa mọc lên như nấm sau trận mưa rào. Các nhà máy công nghiệp cao ngất trời, san sát. Quê hương đổi thay quá đỗi, con đi hoài còn lạc, bố con lạc đường về là cái chắc!.

Trời chiều, lộng lẫy sắc vàng pha tím. Bà ngồi ở mộ ông, mặt người rạng rỡ. Bà đốt tấm bản đồ cho ông biết đường về mà hạnh phúc dâng trào. Trong những tàn lửa của tấm bản đồ giấy đang tan vào hư vô. Nhảy múa. Mừng rỡ. Những giọt nước mắt lăn dài trên gò má nhăn nheo của bà trong ngần long lanh như hạt châu.

Chắc mai ngày giỗ, ông sẽ về cùng bà, cùng con cháu!◆

Lên đường

○ **Truyện ngắn PHẠM VĂN HOANH**

Ông Khoa trở mình, mồ hôi chảy ướt chiếc chiếu trúc. Dạo này sao ông thấy nhức mỏi toàn thân, hình như sức khỏe của ông có vấn đề. Nhưng ông không nghĩ đến chuyện bệnh tật mà lan man nghĩ đến chuyện khác. Từ hôm nghe bài hát: "Việt Nam ơi, Việt Nam ơi! Cùng đoàn kết đánh bay covid!..." trên ti vi khiến ông không ngủ được. Đêm nào, ông cũng nghĩ về trách nhiệm của một người thầy thuốc, trách nhiệm của một người công dân đối với đại dịch covid 19. Bây giờ ông phải làm gì để tiêu diệt con vi rút covid 19 này. Đang suy nghĩ bỗng bà vợ gọi:

- Khuya rồi anh. Ngủ đi để giữ gìn sức khỏe!

Ông đằng hắng để lấy lại giọng, trả lời:

- Mấy đêm nay không ngủ được. Anh lo quá!

- Anh lo gì? Về hưu rồi thì ăn no ngủ kỹ chứ lo gì nữa.

- Nói như em đâu có được. Đại dịch này làm sao có thể ngồi yên.

- Anh không nghe Bộ Y tế khuyến cáo sao? Người trên sáu mươi tuổi không được ra ngoài. Anh ở trong nhà cũng là chống dịch rồi.

- Ừ, em nói cũng phải. Muốn thắng con covid 19 là mọi người phải ở trong nhà, tránh đến chỗ đông người, có việc cần thiết ra đường phải đeo khẩu trang... Nhưng anh là một bác sĩ, anh phải có trách nhiệm chung tay với các bác sĩ khác để tiêu diệt con covid 19 chứ em.

Biết tính của chồng, vợ ông làm thinh.

Tính ông Khoa là vậy đấy. Những năm mới ra trường ông đã tình nguyện lên miền núi khám chữa bệnh cho đồng bào. Ông đi hết miền núi Tây Bắc rồi lại đến miền núi Đông Băc. Khi mỏi gối chùn chân ông mới về phục vụ ở bệnh viện gần nhà. Hơn ba mươi năm trong ngành y, ông làm việc không biết mệt mỏi. Với bản lĩnh và

phong cách của người con Quảng Ngãi, ông đã mạnh dạn học tập, áp dụng nhiều kỹ thuật mới vào việc điều trị những bệnh nan y. Nhiều đồng nghiệp của ông đã nhận xét: "Bác sĩ Khoa không những có tài năng mà còn có đức độ". Bệnh nhân có nặng đến mấy ông cũng tìm cách chữa cho khỏi. Ông phục vụ bệnh nhân hết mình miễn sao cứu được bệnh nhân là ông hạnh phúc. Có lần một phụ nữ sinh con được chuyển lên Khoa Gây mê hồi sức phẫu thuật cấp cứu; trong quá trình mổ lấy thai nhi, máu ra nhiều, sản phụ thiếu máu; nguồn máu dự trữ trong kho cùng nhóm với sản phụ không còn; bệnh viện kêu gọi các cán bộ, nhân viên y tế, bác sĩ cùng nhóm máu với sản phụ hiến máu đề cứu người; bác sĩ Khoa đã sẵn sàng hiến những giọt máu của mình để cứu sản phụ. Đây không phải là lần đầu tiên ông có nghĩa cử cao đẹp như vậy. Đối với bác sĩ Khoa, việc hiến máu cứu người như trường hợp của sản phụ này kể sao cho hết.

Vợ ông nhớ lại, năm bà mới ra trường bị sốt xuất huyết rất nặng, ông đã điều trị và chăm sóc bà rất chu đáo. Cảm phục tài năng và phẩm chất đạo đức của ông, bà đã đem lòng yêu ông. Ông cũng không phụ tình yêu của bà nên đã kết tóc xe duyên với bà. Ông và bà sống trong khu tập thể của bệnh viện. Kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nhưng ông không bao giờ để cái tâm của mình bị vẩn đục. Có lần vợ ông khuyên nên về thành phố. Ông bảo là ở miền núi đồng bào đang cần ông nên không thể đi được. Khi gần về hưu ông mới về phục vụ ở quê nhà. Ông làm ở bệnh viện tỉnh được mười năm rồi nghỉ hưu.

Những ngày về hưu, ông mở phòng khám từ thiện để khám chữa bệnh cho nhân dân. Ông không phân biệt giàu nghèo, ai có bệnh là ông chữa. Mấy năm gần đây sức khỏe ông không được tốt nên ông không khám chữa bệnh nữa. Hàng ngày ông phải tập thể dục dưỡng sinh, đi bộ, đạp xe quanh khu phố để nâng cao sức khỏe...

Sáng dậy ông Khoa mở ti vi ra xem. Ông theo dõi số người nhiễm covid 19 trên thế giới nói chung Việt Nam nói riêng. Ông vô cùng cảm phục các bác sĩ, y tá, điều dưỡng, cán bộ nhân viên y tế đã ngày đêm túc trực ở bệnh viện khám chữa bệnh cho bệnh nhân, ngăn chặn không cho dịch lây lan. Xem thời sự xong, ông Khoa chế bình trà, rồi gọi vợ lên uống cùng để bàn việc chống dich. Bàn xong ông bưng chén trà lên uống một hớp, để lại xuống bàn rồi ngâm mấy câu thơ ca ngợi người thầy thuốc trong bài "Sen trắng hương đời" của nhà thơ Hoàng Thân: "Như một

đóa hoa sen/ Cánh hoa - tà áo trắng/ Biết hy sinh thầm lặng/ Ươm mạch sống cho đời". Ông dừng lại bình mấy câu thơ vừa ngâm cho vợ nghe. Vợ ông chăm chú nghe như nuốt lấy từng lời. Bỗng ông dừng lại nói:

- Trong thời buổi đại dịch, những người trong ngành y khổ lắm em. "Chống dịch như chống giặc". Anh sẽ tình nguyện góp một phần công sức của mình vào trận chiến này. Em có ủng hộ không?

- Em rất hoan nghênh. Nhưng chỉ sợ sức khỏe của anh thôi. Bảy mươi tuổi rồi có làm nổi không?

- Không sao đâu em. Anh sẽ làm theo sức khỏe của mình.

Ngoài cổng có tiếng chuông reo. Vợ ông chạy ra mở cửa. Một người đeo khẩu trang bước vào lịch thiệp chào rồi hỏi:

- Bác sĩ Khoa có nhà không chị?

- Dạ, chào anh. Nhà em ở trỏng mời anh vào.

Ông khách vừa đi vừa nói:

- Hồi tối bác sĩ Khoa có gọi điện cho tôi bảo là sáng nay lên tỉnh tham gia Đội tình nguyện chống dịch covid 19. Ảnh có nói chị chưa?

- Dạ, có. Anh bảo sáng nay chờ bác sĩ Bình đến chở đi lên tỉnh. Anh là bác sĩ Bình?

- Đúng, tôi là bác sĩ Bình.

- Em xin lỗi! Anh đeo khẩu trang kỹ quá em nhận không ra.

- Không có chi. Chống dịch ra đường phải như thế này chứ. Mọi người như tôi thì con covid 19 nào dám tới.

Bác sĩ Bình xách va li vào, đánh tiếng hỏi:

- Anh Khoa chuẩn bị xong chưa?

- Tôi chuẩn bị hồi tối rồi. Chú ngồi xuống đây uống chén trà rồi hãy đi.

Bác sĩ Bình ngồi xuống ghế bưng chén trà uống một hớp, nói:

- Anh đã dặn vợ chuẩn bị tinh thần chưa? Chứ chuyến này lên đường ở lại bao giờ tiêu diệt được con covid 19 mới về.

Quay sang vợ ông Khoa, bác sĩ Bình nói:

- Chị thông cảm cho anh Khoa. Chị chịu cô đơn ít hôm, thắng giặc covid anh Khoa sẽ về với chị.

Vợ bác sĩ Khoa vui vẻ nói:

- Em sẵn sàng mà. Chỉ cầu mong hai anh được bình an. Cầu mong cho đất nước mình cũng như cả thế giới nhanh tiêu diệt con covid 19.

Uống hết bình trà, bác sĩ Bình bảo:

- Đến giờ rồi phải lên đường thôi!

Ông Khoa đứng dậy dặn vợ đôi điều rồi nói to:

- Khi Tổ quốc cần chúng mình phải biết hy sinh.

Rồi ông xách va li lên đường cùng bác sĩ Bình◆

Về phía mặt trời mọc

○ **Truyện ngắn SƠN TRẦN**

Ông Toan xốc liên tục chiếc bao tải sau lưng vì cảm thấy nó cứ tụt dần khi đôi tay ông mỏi nhừ, rệu rã. Đã qua ba cái dốc cao, nghĩa là gần về đến nhà. Phải cố gắng thôi, ông nhủ lòng và dấn bước. Hai chân ông cũng mỏi lắm rồi, mồ hôi chảy ròng, lưng đẫm ướt. Chiếc bao tải mỗi ngày một nặng. kéo mãi xuống, khiến ông muốn khuỵu chân. Đành ngồi nghỉ bên gốc cây săng lẻ ven con đường rừng lởm chởm đá nhọn và bụi gai mọc chằng chịt. Chai nước đeo bên hông trơ đáy nhưng ông vẫn mở nắp, như vô thức, chốc ngược chai. Ông khẽ lắc đầu, vặn nắp chai lại rồi đỡ bao tải lên vai. Và tiếp tục đi.

Con Vện thấy ông vừa vào cổng đã kêu ăng ẳng như báo tin. Thế nào vợ ông cũng chui ra từ sau chái bếp, hay đang lọ mọ ở chuồng gà, chuồng heo nói với ra, sao ông về muộn thế. Nhưng điều thường xảy ra nay không có. Con Vện cứ quấn chân, khìn khịt mũi lúc ông ngạc nhiên đứng sững trước sân. Hay là bà đi đâu rồi? Trời sắp tối, đi đâu nhỉ? Cửa nhà tối om, bếp núc lạnh tanh. Mấy con heo ngoài chuồng nghe tiếng người đòi ăn kêu loạn, bầy gà cũng mổ nhau chí chóe khi giành chỗ đứng trong chuồng. Linh cảm có điều gì chẳng lành trước thái độ lạ của con chó, ông Toan ném bao tải gồm măng, nấm và mấy cây thuốc chiều nay ông kiếm trong rừng xuống đất và chạy bổ vào nhà. Bà Thiệt, vợ ông đang thiêm thiếp ngủ. Ông càng chột dạ, sao giờ này mà ngủ rồi lay gọi bà. Tay chân bà nóng rẫy khi ông chạm vào, hơi thở thì mệt nhọc. Bà Thiệt bị sốt cao. Ông Toan lo lắng, cứ đi ra rồi đi vào, không biết bắt đầu làm việc gì trước. Nhưng rồi kinh nghiệm những năm tháng bên chiến trường K giúp ông phải làm gì. Ông lật đật xuống bếp nhóm lửa, nấu nước. Ông băng ra vườn hái nắm tía tô. Ông đến bên dây phơi rút chiếc khăn mặt. Ông trở vào bếp, mở cửa chạn

lấy cái thau nhôm con con. Con Vện cứ theo ông. Có lẽ nó cũng đói rồi. Ông vuốt ve , bảo mày ráng nhịn tí nữa đi. Tao đang rối lắm đây . Bà Thiệt chợt mở mắt, trở mình. nhìn quanh. Ông Toan chạy lại, đỡ vợ. Bà thều thào trong cổ họng, ông về từ bao giờ, sắp tối rồi hả ông? Vừa nói, bà vừa cố gắng ngồi dậy. Ông Toan bảo vợ cứ nằm im. Bà lại thều thào, tui dậy đi nấu cơm cho ông ăn! Ông Toan lại ấn vợ nằm xuống, bà cứ yên tâm, tui nấu xong nồi nước rồi sẽ nấu cháo cho bà. Bà sốt cao quá. Bà Thiệt gật đầu, lim dim mắt.

Vợ chồng ông Toan bà Thiệt không phải dân vùng núi rừng này. Nghe đâu họ là người miệt dưới, gần biển. Họ lên đây từ bao giờ, những người ít tuổi hơn họ ở cái bản sâu nhất xã này cũng không ai biết. Hình như họ là người đầu tiên lên khai hoang, dựng nhà, trồng tỉa ở sườn núi này. Mãi sau này, khi đứa con nuôi, lên tìm ông bà, người dân ở đây mới hiểu chuyện.

Ngày ấy, hơn mười lăm năm về trước, tại xóm nghèo ven biển, vợ chồng ông Toan bà Thiệt sống vui vẻ, thuận hòa cùng cậu con trai nuôi trong một ngôi nhà nhỏ. Ông hàng ngày đan lưới thuê, bà xuống bến mua sọt cá đem lên chợ bán lại. Còn cậu con trai nuôi vừa tốt nghiệp phổ thông, đợi kết quả đại học. Cuộc sống không lấy gì khá giả nhưng yên bình. Bên mâm cơm, họ nói chuyện với nhau rất vui vẻ. Cậu con trai nuôi tên Nghĩa nói nhiều về dự định tương lai. Cậu hùng hồn tuyên bố sẽ lo được bố mẹ sống sung túc trong ngôi nhà đầy đủ tiện nghi trên phố. Ông bà chỉ cười nhưng trong lòng ấm áp bởi đứa con biết nghĩ, sống tình nghĩa như vậy.

Nhưng rồi, đùng một cái, công an tới nhà lập biên bản bắt tạm giam đứa con nuôi. Hai vợ chồng há hốc mồm không tin đó là sự thật. Người ta bảo thằng Nghĩa giết người cướp tài sản. Lúc người dân nghe tiếng kêu cứu trong tay của nó còn cầm con dao dính máu. Không thể nào chối cãi được, không thể kêu oan được vì chứng cứ phạm tội rành rành. Nghĩa bị kết án hai mươi năm tù. Đó là những ngày đen tối nhất của ông Toan bà Thiệt. Suốt ngày cửa nhà im ỉm đóng. Ông bà không dám đi đâu. Muốn mua thức ăn hay đồng mắm đồng tiêu bà Thiệt đều ra ngoài vào ban đêm. Nhưng vẫn không tài nào xóa đi cái vết nhơ nhà có con giết người. Người làng xa lánh, khinh bỉ ra mặt. Trời ơi, sao tôi không chết đi cho rồi, nhục quá! Bà Thiệt từng ngửa mặt lên trời than khóc. Còn ông Toan nhiều lần uống rượu rồi khóc rưng rức. Chiến tranh, loạn lạc không chết vì bom đạn mà đời thường lại chết vì nhục nhã vầy, hỡi trời!

Không thể sống mãi trong

hoàn cảnh này mãi được, ông bà nhất quyết ra đi. Mà đi đâu bây giờ, trong khi họ ít bà con thân thuộc, lại đa số nghèo khổ cả. Nhưng rồi họ vẫn đi, nhằm hướng mặt trời lặn, cứ thế mà bước. Họ đi vào lúc nửa đêm về sáng, vào tiết đông, cái rét như cắt vào từng thớ thịt. Mặc, họ vẫn dắt díu nhau đi. Đêm, ngủ tạm nơi xó chợ góc đường nào đó và ngày tiếp tục hành trình không biết đâu là điểm dừng. Nhiều lần kiệt sức, bà Thiệt kéo tay chồng , thôi ông ơi, quay về đi, tui đi không được nữa rồi. Ông Toan nhìn vợ, lòng đau như xát muối nhưng vẫn cố trấn an. Mình đi một đoạn nữa là tới nơi thôi. Lúc ấy họ đã đến bìa rừng. Xung quanh tịnh không một bóng người. Ngoảnh đầu nhìn lại chỉ thấy những ngọn đèn thắp sáng, mờ nhạt nơi một làng xóm xa xa. Và rồi họ đã đến đây, cái sườn núi đầy đá tảng và bụi gai mọc chắn lối đi.

Những ngày đầu, phải nói rằng, đó là chuỗi cực hình, nỗi đau tích tụ khiến thân hình hai con người mới qua bốn mươi xơ xác, còm cõi. Một chút tiền dành dụm mang theo đã hết, lương thực dự trữ không còn. Hai vợ chồng phải đi mót củ mì, khoai lang, bắp ở các rẫy gần đó. Lại xa xóm làng, đường sá khó khăn nên hai người cứ tằn tiện qua ngày. Chừng nửa năm, họ bắt đầu thu hoạch hoa màu. Lúa cũng được gieo chỗ mấy đoạn trũng. Một căn nhà bằng gỗ và đá, tre pheo được dựng lên khang trang hơn túp liều tạm bợ trước kia. Họ nuôi gà, nuôi lợn và đưa nước bằng ống tre từ núi về. Mấy hộ gia đình lên sau, cứ nghĩ rằng họ là người dân bản địa chứ không phải từ nơi khác lưu lạc đến. Có người còn hỏi sao không thấy con cái đâu cả, có mụn con cho vui cửa vui nhà. Nhắc đến con ông Toan bà Thiệt lại thấy lòng quặn đau từng chặp. Ông trời không công bằng với họ. Đã tước đi quyền làm cha của ông, rồi lại gieo đau khổ cho bà. Mấy năm ở chiến trường K, bệnh sốt rét triền miên đã trở thành một giấc mơ hãi hùng với ông. Rồi những di chứng của nó đeo đẳng ông khi ông đến với bà. Vị bác sĩ đã lắc đầu lấy làm tiếc trước một người đàn ông khỏe mạnh, phương phi. Người đàn ông ấy đã từng băng rừng, lội suối, ngủ hầm suốt đêm dưới mưa lạnh. Tất cả điều ấy không đánh gục được ông. Còn bây giờ... Ông chỉ biết ôm bà và khóc. Họ yêu thương nhau, không thể rời nhau khi ông bảo bà nên đi tìm hạnh phúc mới. Bà lắc đầu, đấm vào lưng ông thùm thụp. Cảnh sống hiu quạnh, không có tiếng khóc tiếng cười con trẻ khiến ông bà cảm thấy có lỗi, và trở nên lạnh nhạt với bà con xung quanh. Thực ra họ mặc cảm. Dĩ nhiên, có nhiều lời xì xầm rằng cây độc

Minh họa: LÊ VĂN QUÝ

không trái, gái độc không con. Ông bà nghe, quay mặt không kịp, đành giấu nuốt nước mắt vào lòng, để đêm về bà dụi vào lòng ông rưng rức khóc.

Họ nhận thằng Nghĩa làm con. Thực ra là nhặt được nó ở cổng chợ vào một buổi sáng. Hôm ấy bà mua được cá sớm, tranh thủ lên chợ kiếm chỗ ngồi thuận tiện cho việc buôn bán hơn. Khi đến cổng chợ, sau đống rác chất chồng chưa kịp dọn, một tiếng khóc yếu ớt vang lên. Ban đầu bà cứ nghĩ là tiếng mèo kêu nhưng khi lại gần thì bà thấy đứa bé còn đỏ hỏn ngằn ngặt khóc. Một luồng điện chạy dọc sống lưng, một cảm giác khó tả dội lên lồng ngực, nơi trái tim đang đập thình thịch. Bà đặt sọt cá xuống đất, ôm lấy đứa trẻ một cách vồ vập, nhanh chóng như sợ ai tranh cướp. Bà ôm thằng bé về nhà. Ông Toan bỏ bữa đan lưới thuê, cứ lăng xăng chạy ra chạy vào. Mắt ông ngời lên niềm vui sướng.

Con Vện sủa lên mấy tiếng rồi lùi dần vào sân. Nhà có khách rồi. Ông Toan đứng dậy, ra hiên. Hai bóng người chờn vờn trên vách, một cao một thấp. Thì ra trưởng bản và công an viên. Họ đến vận động quyên góp hay họp hành gì đây. Ông Toan nghĩ vậy, vì thường thế. Ông lại là cựu chiến binh. Rót nước mời khách uống, ông Toan khẽ liếc xem chừng vợ đang thoi thóp thở. Sau khi lau người, xoa lá thuốc, bà Thiệt có vẻ đỡ ra.

Anh công an viên hớp một ngụm trà rồi từ tốn. Bác à, hôm kia có người đến xã ta liên hệ tìm người nhà thất lạc, họ bảo bố từng là bộ đội bên K nên... Không đợi anh công an nói hết câu, ông Toan giật mình, cướp lời, cái gì, cậu nói lại đi? Một niềm cảm xúc dâng trào trong lòng ông Toan. Đúng là Nghĩa rồi. Ông chắc chắn là vậy, bởi ông đã từng mơ về nó. Nó bảo nó không có tội. Nó bị oan. Bố mẹ phải minh oan cho nó. Hình ảnh đứa con nuôi thiệt thà, hiếu thảo cứ trở về với ông trong những đêm đầy thao thức. Bà Thiệt cũng thế, bà không quên được nó, bà tin thằng Nghĩa không có tội. Nhưng ông bà không biết kêu ai. Nhà nghèo, sống ở vùng ven biển dân trí thấp, nhà ai có cái ti vi là cả xóm kéo đến coi, rồi chỉ trỏ bàn luận đẩu đâu. Có người còn bảo thành phố nhiều nhà tầng, nhiều xe hơi và chen chúc người là trên trời nữa là...

Thằng Nghĩa bị oan! Ông Toan ngước nhìn hai vị kháchh chờ đợi. Ông trưởng bản cũng rất nhẹ nhàng. Cậu ta trông hiền và lễ phép lắm, chừng trên dưới ba mươi. Tôi có hỏi người thân vì sao lưu lạc nhưng cậu ta không nói, chỉ cúi đầu.

Đúng là thằng Nghĩa, con nuôi của ông bà rồi. Ông Toan như muốn hét lên, định chạy lại kêu vợ dậy. Nhưng bà đang ngủ. Ông mím môi, như muốn hỏi

thêm câu gì nữa hoặc trả lời, đúng là con tôi đấy nhưng cảm thấy cổ họng nghẹn lại. Mà rồi sẽ nói với hai vị khách bắt đầu từ đâu, không lẽ bảo con đi tù, bố mẹ bỏ trốn. Ai sẽ hiểu ngay được nguồn cơn câu chuyện, không khéo họ nghĩ rằng cả gia đình ông là tội phạm cũng nên. Trời cuối mùa, trăng soi vằng vặc không gian núi rừng. Từng cơn gió từ thung sâu thổi ngược lên, mát rượi nhưng ông Toan cảm thấy ngột ngạt, nóng ran, người hâm hấp như bị sốt vậy. Tuy thế ông tự trấn an mình bằng một câu hỏi, thế cậu ấy giờ đang ở đâu vậy? Có gì tôi liên hệ thử giúp được gì không!

Chủ nhà vừa nói xong, hai vị khách bảo cậu ta đang ở ngoài ủy ban xã rồi ra về. Tiếng chó sủa theo, xa dần. Ông Thiệt khấp khởi trong lòng. Ngồi bên vợ, nửa muốn kêu bà dậy báo tin, nửa lại sợ bà sốc, mà đang bệnh thì rất nguy. Ông nằm bên bà, suốt đêm trằn trọc mong trời mau sáng.

Thằng Nghĩa con ông thật rồi. Từ xa, dưới dốc, khi ông đứng trên này, đã nhận ra nó. Trông nó trắng trẻo, hồng hào chứ không phải bộ dạng của kẻ mới ra tù. Hay mắt ông đã mờ nhòa hoặc mừng quá mà đâm ra nhìn không rõ? Hay cậu trai đang mang túi du lịch trên vai đang hối hả bước kia không phải là Nghĩa. Ông chưa nói gì cho vợ ông biết cả. Cũng may, nếu nói rồi, giờ không phải đứa con nuôi ông bà nhặt ở chợ, chăm bẵm lo lắng thì biết ăn nói thế nào. Ông thỏng tay, lắc đầu, thất vọng khi ông nghĩ đến thời gian hai mươi năm thụ án, còn nếu tính từ ngày ông bà bỏ đi khỏi làng thì mới gần mười lăm năm. Không phải thằng Nghĩa rồi, một tiếng nói bên trong cất lên. Nó đấy, con trai đang tìm ông đấy. Một giọng nói đầy tự tin liền sau, thôi thúc.

Bố.... Tiếng gọi kéo dài, khiến ông Toan sực tỉnh. Thằng Nghĩa đã đứng trước mặt, nhìn sững sờ. Ông Toan như muốn quỵ xuống. Con....! Và ông đã nằm gọn trong vòng tay săn chắc của đứa con trai nuôi sau gần mười lăm năm biệt xứ.

Thì ra thằng Nghĩa bị oan. Nó được minh oan chỉ sau đó chưa đầy hai năm khi công an điều tra một nhóm chuyên đi cướp ở xã bên. Thằng cầm đầu đã khai nhận toàn bộ tội ác mà bọn chúng gây ra. Đêm ấy, trời trở, gió biển mang hơi nước làm mình mẩy rin rít, khó chịu. Nghĩa lững thững thả bộ dọc theo bãi, tìm chút sự yên ắng cho tâm hồn. Nó đi, và nghĩ về việc học đại học nay mai. Trong lòng ngập tràn bao cảm xúc về những dự định tốt đẹp ở tương lai. Biết mình đi quá xa làng chài, nó quay lại, rẻ vào con đường chia rừng dương thành hai, lên đường xóm cho đỡ mỏi chân. Và tại rừng dương,

nó nghe tiếng kêu cứu. Nó chạy về phía ấy, khi chưa kịp suy nghĩ gì cả. Một nhóm ba tên cướp đang giằng chiếc túi xách của một cô gái. Thằng Nghĩa la cướp và chạy đến. Nhưng chưa kịp đến thì một tên cướp đã vung dao đâm vào ngực cô gái. Nạn nhân vừa gục ngã là có tiếng người xôn xao, tiếng chân chạy càng lúc càng gần. Mấy tên cướp lúng túng tìm cách thoát. Thằng Nghĩa gạt chân một tên nhưng vấp phải gốc dương ngã nhào. Một tên cầm dao nhảy bổ đến. Nghĩa nghĩ mình sẽ bị đâm, nhưng không tên cướp dúi vào tay Nghĩa con dao rồi vùng chạy. Dân làng ập đến. Thằng Nghĩa đang run lẩy bẩy với con dao trong tay.

Ông Toan châm thêm điếu thuốc nữa. Còn bà Thiệt thì ôm mặt khóc. Tội cho con quá con ơi. Lúc đầu bố mẹ cũng buồn con, trách con, phải lưu lạc xứ người cũng vì nhục nhã... Nghĩa đến ôm vai mẹ an ủi. Giờ con đã về với bố mẹ rồi. Cả nhà ta được đoàn tụ rồi. Mẹ phải vui lên chứ. Bà Toan gục gặc, bóp lấy bóp để tay con. Trông bà còn yếu lắm. Ông Toan phả một hơi thuốc dài, tỏa khói mù mịt rồi nhìn con trai như chờ nghe tiếp câu chuyện. Nghĩa ngước nhìn về phía dãy núi cao, nơi có những vì sao sáng ngời, trông như thể đậu trên đỉnh núi. Cảnh rừng núi thâm u và đầy bí ẩn. Thỉnh thoảng vài tiếng mang tát gọi đàn cất lên thê thiết. Có những sườn đồi cỏ tranh gần hơn, lửa đốt rẫy vẫn còn bén, rực lên giữa màn đêm. Khung cảnh ấy khiến con người dễ bộc lộ tâm sự. Nghĩa đã kể lại hành trình trần ai chẳng khác nào nỗi khổ của bố mẹ suốt thời gian qua.

Ra tù, Nghĩa về quê. Nhưng cửa nhà ỉm đóng. Cát bị gió thổi, tấp cao hơn bậc cửa. Hàng rào bằng cây dương xiên ngã, cánh cổng tre hai cha con lụi hụi làm suốt một ngày trời cũng nằm chỏng chơ. Hỏi hàng xóm, họ chỉ trả lời qua loa hoặc không biết một cách cục cằn, đầy khinh ghét. Biết tìm bố mẹ đâu bây giờ với một người vừa bước vào tuổi trẻ, lại thêm từ ngày bố mẹ đón về nuôi, có bao giờ Nghĩa nghe nhắc về bà con ruột thịt nào đâu. Nghĩa nghĩ, phải ra đi. Đi vào Nam, vào Sài Gòn kiếm việc dễ lắm, miễn sao có việc để có tiền đi tìm bố mẹ. Nghĩa đón xe vào Sài Gòn trong túi còn dư vài ngàn bạc. Sống lay lất, xin phụ việc lặt vặt kiếm cơm qua ngày. Rồi Nghĩa có việc làm ổn định hơn, trông xe cho một nhà hàng. Tại đây nó gặp nhiều người giàu sang, chức quyền, nó ước ao được ngồi cùng bàn với họ, đi cùng xe với họ. Đôi lúc ngồi ngoài cửa trông vào, nó không kiềm chế được dòng nước dãi nhểu ra, thèm thuồng. Nó đã khóc không biết bao nhiêu lần trong căn trọ chật hẹp nơi tận cùng con hẻm. Sức

trẻ, niềm tin không gì đánh gục được. Nó lao vào làm việc, kiếm tiền. Nó phải tìm được bố mẹ, nó rất nhớ bố mẹ, vì nó mà bố mẹ bị người đời xua đuổi, khinh rẻ. Và người mẹ đẻ đã gặp nó khi đến nhà hàng ăn tối cùng người đàn ông, một đại gia bất động sản. Thật ở đời, đôi khi chúng ta không lý giải được, tại sao giữa muôn người xa lạ lại gặp đúng người của mình mới lạ. Cái vết chàm lớn, sậm màu chì, ở cánh tay Nghĩa giúp mẹ đẻ nhận ra nó. Nó không tin điều đó. Xin lỗi, cô đã nhìn nhầm. Mẹ đẻ con chắc cũng ở ngoài Trung thôi. Không, con đúng là con của mẹ rồi. Đi với mẹ đi. Thoáng giật mình, Nghĩa rụt tay lại. Lúc này người đàn ông đi cùng mẹ đẻ đã bước vào nhà hàng, chọn bàn rồi. Con không tin thì mẹ có chứng cớ. Con ơi... Một nhóm người hiếu kì bu lại. Ông chủ nhà hàng tưởng Nghĩa làm gì không phải với khách cũng chạy ra đe nẹt. Người mẹ đẻ, chưa hết xúc động, nó là con trai tôi, thật đấy. Cái gì? Cô mà cũng có con à? Câu nói dường như không kiểm soát được bật ra từ miệng ông chủ nhà hàng. Mẹ đẻ nhướn cặp mắt sắc, được kẻ chì đậm nhìn ông chủ nhà hàng, khó hiểu. Ông chủ rụt vai, bỏ đi. Nghĩa, lúc này thực sự xúc động, cúi mặt đợi người đàn bà sang trọng kia nói thêm vài lời xác thực.

Mẹ sinh Nghĩa lúc mới mười tám tuổi. Còn có con với ai thì chịu vì mẹ làm gái. Nhiều lần muốn bỏ nhưng khi biết mình mang bầu thì cái thai quá lớn nên đành để. Những ngày nằm nhà mẹ chỉ ăn bánh mì nhạt, ăn cháo mà thôi vì không đi làm thì lấy tiền đâu, mà về với gia đình, một căn nhà hai tầng ở thị trấn có bố mẹ luôn chửi bởi nhau vì tiền thì không dám. Đành chấp nhận cuộc sống đói khát chờ ngày sinh con. Đứa con trai khá khỉnh ba kí rưỡi cười toe sau mấy tiếng khóc to làm người mẹ tránh mặt, giấu vội dòng nước mắt tủi hờn, đau khổ. Con được chừng hơn tuần, mẹ quyết định đem bỏ để được phước lành khi có người khác nhặt về nuôi. Còn mẹ thì phải dấn thân vào cái nghề mạt hạng, nhơ nhớp đấy. Rồi xui khiến, mẹ đã gặp một người con trai yêu mẹ bất chấp tất cả, ngay cả việc gia đình khước từ vẫn giữ vững lập trường cưới đĩ về làm vợ còn hơn lấy vợ về làm đĩ. Người đàn ông đi cùng mẹ đấy! Lúc này, Nghĩa cảm thấy nhẹ lòng, chắc rằng mẹ đẻ đã giã từ cuộc sống tăm tối kia và làm lại cuộc đời. Nhưng liền sau đó, một luồng suy nghĩ khác ùa về, cày xới khiến nó uất ức, sao mẹ không trở lại tìm con? Làm sao được con ơi, để có ngày nay mẹ phải vất vả đủ đường, làm việc, kiếm tiền, miễn đừng phạm pháp hay bất chính. Mẹ có về cái chợ ấy mới đây thôi. Người làng kể

cho mẹ nghe cả rồi. Họ nói nếu con mẹ có cái vết chàm ở cánh tay là đích thị thằng Nghĩa con nuôi ông Toan bà Thiệt rồi. Mẹ hỏi gia đình ông bà chuyển đi đâu. Họ ngậm ngùi rằng con bị oan đi tù, bố mẹ xấu hổ biệt xứ. Mẹ trở lại Sài Gòn đau đáu một tâm nguyện sẽ đi tìm con, tìm ân nhân nuôi nấng con nên người.

Có điều gì, như niềm tin vững vàng mà Nghĩa từng lấy nó để mạnh mẽ hơn, nhất là khi bị buộc tội giết người. Nó lặng ngắm người đàn bà, một thoáng thôi rồi cúi mặt, lí nhí, con muốn có mẹ, có một cuộc đời lành lặn.

Nghĩa được sống trong sung túc từ đó. Mới đây mẹ đẻ theo chồng, thuyết phục nó đi cùng nhưng nó không chịu, vì nó còn đi tìm bố mẹ nuôi. Mẹ đẻ đồng ý vì đây là lý do chính đáng, còn việc bà ra đi là vì chồng, vì cái ơn mà gia đình chồng đã dành cho bà. Mẹ đẻ đã giao toàn bộ công ty và nhà cửa cho Nghĩa. Sau khi sắp xếp lại công việc, điều hành nhân sự đâu vào đấy, Nghĩa trở về quê lần tìm manh mối bố mẹ nuôi.

Trời đã khuya lắm rồi. Bà Thiệt đã vô nằm từ lâu vì còn mệt, lưng lại đau. Trông dáng nằm khắc khổ của mẹ, Nghĩa mím chặt môi, muốn khóc. Nhưng khi nhìn gương mặt mẹ dưới ngọn đèn hắt bóng, thanh thản, đằm dịu thì Nghĩa an tâm chút ít. Còn bố thì ít nói, lầm lì ngồi trong bóng đêm nhìn ra, điếu thuốc lập lòe trên môi. Ông bảo hút thuốc bệnh lắm, nhưng ở cái chốn heo hút này, buồn biết làm gì đâu. Buổi đầu lên đây, xung quanh là núi với rừng, có khi cả tháng mới thấy người. Giờ thì khá lắm rồi. Dự định nay mai ông bà về quê, bởi việc thụ án của con cũng gần hết thời hạn, nhưng trong lòng vẫn bất an làm sao đấy.

Nghĩa chồm tới ôm lấy tấm thân gầy guộc của bố. Cái con người khi mới lên đây, mỗi chiều cứ trèo lên cây săng lẻ đầu dốc nhìn về phía biển, về phía cội nguồn nông sâu, lòng đau nhưng chỉ biết chém dao sắc ngọt vào cây, cố thêm mấy luống đất trỉa bắp, cho quên đi cái điều tồi tệ từng xảy ra. Nghĩa thấy tay mình nóng rẫy. Thì ra bố đang khóc. Bóng đêm phủ đầy ngôi nhà, nhưng ngoài trời bắt đầu tản sáng, gà rừng đã lên tiếng gáy, mấy con gà sau chái bếp cũng đã rộ lên. Nghĩa ôm chặt vai bố hơn nữa, gia đình mình về dưới quê nghen bố!

Hừng đông ló dạng ở chân trời đằng đông. Những rẽ quạt màu hồng tia lên trời lấp lánh, điểm xuyến cùng màu sắc ấy là màu lá cây xanh thẫm ướt hơi sương, trông xa như một bức tranh khổng lồ, đẹp mắt. Nghĩa dắt bố đứng dậy, hướng mắt về phía đó, lòng bỗng thấy rưng rưng◆

Rồi nắng cũng lẻ loi

○ **Truyện ngắn NGUYỄN CHÍ NGOAN**

Trời mưa rả rích làm con đường đến khu nhị tì càng trở nên khó khăn hơn. Đám sậy hai bên đường cứ cứa vào thịt da rát buốt. Chị Hai cứ trừng mắt lên mỗi khi thấy tôi và chị Ba chuẩn bị quay đầu bỏ chạy về nhà. Tấm cao su run lên bần bật lúc tôi và chị Ba nghe thấy tiếng động đâu đó quanh mình. Chị Hai thì chẳng sợ trời sợ đất, cứ thế mà đi về phía trước. Khu nhị tì là chỗ mà không phải đứa trẻ con nào trong xóm Mốc cũng dám bén mảng tới. Ở chỗ đó lổm chổm mồ mã, cây cỏ bịt hù với mấy con mèo hoang có đôi mắt phát sáng trong đêm luôn được những người phụ nữ xóm Mốc mang ra dọa bọn trẻ con trong lúc đút cơm cho chúng.

Tôi nắm chặt tay chị Ba, đôi chân nhấc từng bước nặng nhọc, miệng vẫn không ngừng nói với theo dáng người nhỏ thó của chị Hai.

- Thôi mình về nhà đi chị Hai, em sợ quá.

Chị Ba cũng bắt đầu mếu máo, tiếng tu hú phát trong bụi rậm càng khiến không gian trở nên ghê rợn hơn. Nhưng điều đó đâu làm chị Hai động lòng, chị nắm chặt tay tôi lôi đi xồng xộc.

- Ma ơi, có về bắt thì bắt tui chứ đừng có bắt em tui.

Câu nói của chị Hai đâu có làm nỗi sợ vơi đi. Ngang qua những chòm mã nhấp nhô, chị Ba cứ giục tôi niệm Phật liên tục. Chị Hai tiến lại gần bụi rậm rồi đưa đầu ngó vào bên trong, chị Hai nhảy cẫng lên làm chúng tôi sợ ngồi bệt xuống đất, miệng vẫn không ngừng niệm Phật. Chị Hai dỡ tấm keo su ra, cú vào đầu tôi cái cốc, ma cỏ gì giờ này.

Chị Hai lấy cọng dây luộc trong túi ra làm thành nút thòng lọng rồi phân chia cho tôi và chị Ba đứng ở một góc khác nhau. Đoạn bứt chị Ba ra khỏi người tôi cũng y như một cuộc chia tay "muôn dặm sầu giăng" trong mấy tuồng cải lương buồn ác chiến. Chị Hai ra hiệu cho tôi và chị Ba từ từ

Minh họa: NGỌC BÌNH

tiến vào bên trong, con heo con nghe động tĩnh cũng giật mình đứng sát vào trong. Tôi cầm một khúc cây dứ dứ về phía con heo, khi chị Hai đứng cách con heo tầm một sải tay thì chị đã nhảy vào đút mối thòng lọng vào cổ con heo. Tôi và chị Ba đứng bên ngoài nắm sợi dây luộc kéo về phía trước, con heo kêu eng éc một lúc rồi lại nằm dịu dàng trong lòng chị Hai. Chị Ba chỉ thật sự buông vạt áo tôi ra khi chúng tôi bước ra khỏi khu nhị tì ma quái. Bỏ lại tiếng mèo kêu, tiếng gió hú trong bờ sậy xôn xao, chị Ba chạy một mạch về nhà, bỏ lại tôi với sợi dây luộc lạnh lùng trên tay. Chị Hai vẫn đi phía trước với con heo con nặng nì, chốc chốc chị lại sốc sốc con heo lên, thở hổn hển rồi

nhanh chân bước về phía trước.

- Có nặng không chị Hai? Hay mình bỏ nó xuống rồi lùa nó về nhà. Em cầm dây nè.

- Thôi đi, ôm về cho chắc. Lỡ tuột dây mắc công lắm.

Vừa về đến nhà, tôi đã thấy chị Ba ngồi trước hàng ba cầm cũ khoai lang nhai nhóp nhép. Chị Ba vừa nhai vừa nói với theo tôi.

- Nãy tao kêu chạy về trước mà không chịu.

Tôi chẳng thèm đoái hoài gì đến câu nói của chị Ba, lẳng lặng đi theo chị Hai vào chuồng heo. Con heo vừa mới thả vào chuồng đã nằm im thin thít, hơi thở của nó dường như nặng nhọc hơn với đoạn đường "cùng chị Hai về nhà". Lúc hay tin người ta đem thả con heo ở chỗ nhị tì, chị Hai đã chạy về nhà lùa chúng tôi ra đó, để bắt cho bằng được con heo. Người ta đồn khi bà chủ trại heo phát hiện con heo không có lỗ đít, bà đã xanh mặt mày, tay chân đứng không vững. Dân làm ăn nên bà chủ trại heo tin dị đoan đến sái cổ, người ta nói đó là điềm không lành. Bữa đó bà mướn đò dọc chở con heo ra bỏ ở nhị tì. Ở xóm Mốc lâu lâu người ta lại nghe tin, có người thả con heo 5 móng, con chó ba chân hay con mèo 2 đuôi ở khu nhị tì mà câu chuyện nào cũng nhuốm màu huyền bí. Bà con xóm Mốc dậy động từ lúc nghe bà thầy mù ở xóm lật sách ra coi, con heo 5 móng là do người đầu thai lên, con mèo 2 đuôi do hồ ly tinh tái thế. Những câu chuyện ấy cứ theo ngọn khói cơm chiều mà tỏa đi mải miết. Ba ngồi trong nhà mặt quạu đeo mỗi khi có câu chuyện nào tượng tự vút lên.

- Ở không, không có chuyện gì làm hay sao, mà tin vào mấy chuyện tào lao bát xế đó.

Chị Hai cũng đứng về phía ba, chỉ có tôi và chị Ba là nhảy tấm tê lên khi ba má sai đi đâu đó qua ngang khu nhị tì. Tôi đưa mớ tỏi mang theo "trừ ma" lại cho chị Hai mang đem vào bếp. Chị Ba và tôi đều phải bỏ tỏi vào túi mỏi khi đi ngang qua khu nhị tì, nghe đâu mùi tỏi lấn át được ma quỷ. Chị Ba đứng trong nhà chống nạnh nhìn chị Hai.

- Lẹ vô dọn cơm ăn. Em đói bụng quá chừng rồi.

Chiếc vỏ vừa cập bến cũng là lúc chị em tôi đứng sẵn trên bờ đón ba má về nhà. Cứ mỗi chiều chiều, ba chị em tôi đều lóng tai tìm tiếng máy xập xình quen thuộc để chạy ra, xuống phụ ba má xách đồ lên. Ba cười ngất khi nghe tôi thuật lại chuyện đi bắt heo về nhà. Má tôi thì lắc đầu nguầy nguậy.

- Người ta sợ đem thả rồi mà mình bắt về làm chi?

- Hơi sức nào bà tin vào mấy chuyện ba khơi đó. Chẳng phải bầy heo đợt trước có con heo giống vậy, tôi với bà mổ cho nó rồi nó cũng sống nhăn răng đấy sao?

Má với chị Hai giữ chặt con

heo cho ba lấy lưỡi lam rạch chữ thập dưới đuôi con heo. Con heo la dậy làng mỗi khi ba lấy lưỡi lam cắt vào thịt nó. Sau một hồi vật vả, cuối cùng ba cũng lôi được một đoạn ruột của nó ra rồi lấy kéo cắt lìa. Phân từ chỗ ba cắt như chỉ chờ có cơ hội được thoát ra, đợi phân ra hết ba rửa sạch đít cho nó. Tôi rọi đèn cho má lấy kim may lại chỗ ruột vừa mới cắt cho con heo. Lúc này con heo không còn sức để la nữa, nó nằm xụi lơ sau một hồi chiến đấu. Má lấy cỏ mực cầm máu lại cho nó rồi đem thả vào chuồng. Má ngồi dưới cây nước nhìn lên.

- Không biết nó có sống được không?

Hừng sáng tôi đã nghe tiếng chị Hai chạy ục ịch ra chuồng heo, ngó vào xem con heo con ra sao. Chị Hai chạy vào dỡ mùng từng đứa nhe răng cười hề hề.

- Còn sống nhăn mày ơi.

Tôi kéo mền lên đắp lên mặt như thể điều đó chẳng liên quan gì đến tôi. Tôi và chị Ba chỉ thật sự bừng tỉnh lúc nghe tiếng ba má dọn đồ chuẩn bị lên ruộng. Ba má thường lên ruộng năm ba bữa hay thậm chí cả tuần mới về một lần. Tôi vùi đầu vào lòng má, nước mắt nước mũi chảy dài, má lau nước mắt cho tôi.

- Ngoan, ở nhà với mấy chị đi. Nào má về, má bắt ổ trứng cút về cho.

Tôi đứng nhìn chiếc vỏ lãi khuất dần sau rặng bần già hiu hắt, căn nhà giờ chỉ còn lại ba chị em bóng đổ dài trên vách. Lần nào, ba má đi tôi cũng nằm lì suốt cả buổi chẳng nói chẳng rằng, ngó thấy bộ dạng buồn buồn của tôi, chị Ba dúi vào tay tôi mấy trái cốc mới hái "ăn đi". Chiều đó, tôi phụ chị Hai xắt chuối cho heo ăn, con heo con trong chuồng dường như đã "tỉnh tuồng", nó cứ nhảy nhảy lên thành chuồng đưa mỏ ra. Mỗi lần nhìn nó, chị Hai đều cười.

- Đương không có con heo nuôi mà không phải tốn tiền.

Hàng xóm lần nào gặp má tôi cũng nói "con nhỏ lớn nhà chị y như con trai". Mấy lần đầu, tôi cũng chẳng thèm để ý đến câu nói đó. Sau dần, tôi lại thấy đúng, chị Hai mặc cái quần cụt mỗi khi đi ruộng, hay rượt mấy con heo xổng chuồng. Đám trẻ con trong xóm Mốc đứng thò lõ mắt nhìn chị Hai ngồi cạo lông heo sồn sột y như ông Chín lái heo. Bữa đó, tôi với chị Ba núp trong nhà, chị Hai có sai biểu cái gì chúng tôi đều lắc đầu lia lịa. Con heo con nhà bác Sáu không biết bị gì mà lăn ra chết tươi. Bác Sáu vừa mới hú một tiếng chị Hai đã ôm thau nhảy xuống sông lội qua. Chị Hai để con heo vào cái thau rồi lội một mạch về nhà. Tôi với chị Ba mắc cỡ đứng trong nhà nhìn ra đám bạn hè nhau cười.

- Nhà ông Sáu sợ heo bệnh ăn vô chết, đem đi bỏ vậy mà con Mùi cũng không tha.

Chị Hai dửng dưng è ạch lôi

con heo lên bờ. Đoạn chị Hai lấy cái ấm đổ nước sôi lên con heo rồi xắn tay áo lên lấy muỗng cạo lông, ông Mười Bốn đi ngang như muốn tỉnh rượu đứng cười không ngớt. Ông Mười bốn ngắc ngứ.

- Chú làm tiếp cho. Chút chia chú một ít làm mồi nhậu được rồi.

Chị Hai lựng khựng một hồi mới đồng ý cho ông Mười Bốn làm chung. Ông Mười Bốn xách bộ lòng heo đi kiếm "đối thủ" mà giọng vẫn còn văng vẳng lại "nữa chú cưới mày cho con chú, có con dâu làm mồi nhậu cho ông già chồng rồi". Chị Hai lấy một ít thịt kho, số còn lại đem đi muối sả nghệ để dành ăn từ từ. Tôi với chị Ba chỉ thật sự buông tay ra khỏi cửa lúc ngửi thấy mùi thịt kho thơm lừng. Ba má đi chỉ để lại ít tiền, cá mắm đều do chị Hai đi kiếm về ăn. Bữa đó, tôi với chị ba vét sạch nồi cơm mà không thèm nhớ đến câu nói của đám bạn gần nhà. Đến tối vô mùng, chị Ba nằm lăn qua lộn lại nói với tôi.

- Ăn rồi không biết có sao không nữa. Mày có thấy sao không?

- Có. Em thấy... buồn ngủ.

Sau vụ cạo lông heo, chị Hai nổi như cồn. Đám trẻ trong xóm Mốc còn đòi tôn chị Hai làm "đại ca". Thằng Bấu xóm trên nghe được tức anh ách, nó chặn đường đòi đánh tôi với chị Ba, để coi chị Hai ra mặt như thế nào. Đám thằng Bấu đứng chống nạnh, nhướng mắt về phía tôi. Chị Ba đứng nép sau lưng tôi bỏ luôn mấy trái bần chín xuống đất. Giọng chị Ba cứ lí nhí "tao về méc chị Hai tao đó". Thằng Bấu cười khanh khách tỏ vẻ đắc ý, nó ra hiệu cho thằng Tóc Vàng kéo lỗ tai tôi lên. Thằng Bấu nghinh mặt về phía tôi, để tao coi chị Hai mày làm gì được tao. Cái nhéo tai của thằng Tóc Vàng khiến tôi đau điếng, nó như nhấc bổng tôi lên khỏi mặt đất. Tép tỏi trong túi quần không biết có chống lại được ma quỷ hay không nhưng chắc rằng chẳng thể nào làm gì được với tụi thằng Bấu. Tôi đã không khóc từ cái hôm má cạo gió, ba ngồi quạt cho tôi miệng cứ thều thào mỗi lần má đưa thẻ bài lên cạo "con trai thì dù có gì cũng không được khóc". Thằng có bàn tay dư một ngón cứ chu mỏ ra nhá nhá định phun nước miếng vào chị Ba.

Chị Hai lấy cây củi trâm bầu đánh lên đầu thằng Bấu một cái như trời giáng. Hai thằng đi theo dạt ra khi thấy đầu thằng Bấu bê bết máu. Chị Hai cầm cây khúc cây chỉ thằng vào phía tụi nó "muốn thử thì nhào vô". Thằng Bấu đưa tay ôm đầu, nó điên tiết lên khi thấy máu bắt đầu chảy xuống mặt. Thằng Bấu giơ tay cho thằng còn lại xông vào, chị Hai nhanh chân phóng lên gò đất lấy đá chọi liên tục. Chị Ba buông vạt áo tôi ra, vơ vội khúc cây lên xông vào đánh tới tấp vào người thằng Tóc Vàng. Tôi nhảy vào vật thằng Dư Ngón

xuống đất. Thằng Bấu đưa tay đập xuống đất nghiến răng khi chị Hai cắn vào tai nó không buông. Bộ móng tay của chị Ba thường ngày chẳng có ích lợi gì vậy mà hôm nay hữu dụng đến lạ kỳ. Tôi với thằng Dư Ngón thi nhau nắm đầu, bứt tóc. Cuộc chiến chỉ thật sự kết thúc lúc ông Mười Bốn buông chai rượu, nhảy vào can ngăn. Thằng Bấu nắm tay ông Mười Bốn hậm hực.

- Chị em nó ăn hiếp con.

- Mày có phải là con trai không. Ba thằng mày lớn tồng ngồng vậy mà chặn đường đánh em tao.

Ông Mười Bốn kéo mạnh lỗ tai thằng Bấu, giọng nhừa nhựa nặc nồng mùi rượu.

- Tối ngày tụ tập phá làng phá xóm không. Ai cho mày đụng tới con dâu tao. Từ nay không được kiếm chuyện với chị em con Mùi nữa. Đợi nó lớn chút, tao cưới nó cho mày.

Thằng Bấu trợn mắt nhìn ông Mười Bốn.

- Ai mà thèm lấy Bà Chằn Lửa này.

- Ủa, bộ mày có cửa với tao?

Bọn tôi không thể nhịn được cười với thái độ của chị Hai và thằng Bấu. Ông Mười Bốn nắm tay thằng Bấu đi về, mặc kệ ánh nhìn đăm đăm của nó. Ba chị em tôi ngồi bệt xuống đất, mình mẩy trầy xể đủ đường. Chị Ba ngồi khự da trong móng tay trong khi chị Hai cứ xuýt xoa nhìn tôi ôm đầu ê ẩm. Chị Hai nói, còn trả thù tụi thằng Bấu dài dài cho bõ tức. Ba chị em tôi dắt díu nhau về nhà mà quên cả tia nắng chiều lấp ló dưới nhánh trâm bầu xanh mướt, con bìm bịp thắc thỏm trong bờ lá vẫn một lòng một dạ với quê...

Đám trẻ trong xóm Mốc gọi chị Hai là Bà Chằn Lửa, cho nên chẳng đứa nào dám động tới tôi với chị Ba. Chơi bất cứ trò nào, tụi nó cũng không dám ăn hiếp tôi. Có khi tụi nó còn phải đứng về phe tôi để lấy "tiếng" của chị Hai ra mà đỡ. Chị Hai thì chẳng mảy may đến chuyện người ta gọi mình là gì, tối ngày chị chỉ lui cui với heo cúi vịt gà, cơm nước giặt giũ. Nhiều khi, tôi thấy chị Hai như một người hùng mà chẳng cần vũ khí. Tôi nằm gác tay lên trán, ngó nóc mùng nhớ má. Bên ngoài trời vẫn mưa tầm tã, lâu lâu chị Ba lại rúc đầu vào mền mỗi khi có sấm chớp. Chị Ba hoảng hồn ôm chặt lấy tôi khi sấm đánh đùng đùng trên cây dừa trước cửa, bầu trời đêm phút chốc sáng dới. Chị Ba trùm kín đầu không dám ló mặt ra nhìn. Có một dạo người xóm Mốc kể, ma thường ở trên đọt cây nên trời thường đánh vào đó. Chị Ba ở trong mền giọng run run.

- Không biết con ma đó chết chưa? Nó có vô đây không chị Hai.

Chị Hai ngồi bật dậy nói vọng ra y như lời má hay nói "ma ơi, có thịt thì ăn thịt tui nè, thịt tui béo lắm. Đừng có ăn thịt em tui".

Chị Ba hé mền ra nhìn, bầu trời đêm đen hun hút. Thím Năm nhà bên lại cầm đèn bơi xuồng qua coi ba chị em như thế nào. Câu nói "có gì qua kêu cửa thím nghen" cứ dắt chị em chúng tôi đi qua những tháng ngày không có ba má ở nhà. Mưa vừa tạnh, gió đêm cứ xạc xào bờ lá, ba chị em tôi nằm trong mùng mà không tài nào chợp mắt được. Chị Ba giật bắn người khi tiếng ai đó cầm đất chọi vào vách nhà. Những cú chọi càng lúc càng nhiều, chị Hai dỡ mùng chun ra, chạy xuống nhà sau xách cây chĩa(*) ra đứng trước nhà.

- Đứa nào ngon chọi cái nữa. Tao lụi cho chết bà. Núp trong đó một hồi trời đánh cho mày nhăn răng.

Vừa đóng cửa, tôi đã nghe tiếng chạy lịch bịch. Thằng bị bỏ lại la bài hãi làm chị Ba không nhịn được cười. Giữa lúc đó, tôi chỉ mong có ba má bên cạnh mấy chị em. Miếng ruộng ba má đi hỏi vàng mướn lại của người ta trúng thất không biết đường mà lần. Mà chủ nợ thì đâu có bận tâm đến vụ rầy nâu hay được mùa mất giá nơi nơi. Tiếng ngái ngủ của chị Ba đều đều bên tai, chị Hai dường như cũng chìm sâu vào giấc ngủ. Tôi khẽ trở mình, một giọt nước ấm nóng lan dần trên má. Đêm đó, tôi chẳng còn nhớ hình dáng con ma thế nào để mà sợ.

Chiếc đò Khánh Hội ghé lại trước nhà. Tôi với chị Ba đứng trên bờ khóc ngất nhìn theo dáng chị Hai bước xuống đò. Tuyệt nhiên tôi chẳng thấy chị Hai quay mặt lại dù chỉ một lần. Má kéo vạt áo lên lau nước mắt, ba ngồi im trong nhà không ra tiễn chị. Không biết đoạn đường đến Sài Gòn bao xa, nước mắt chị Hai có rơi suốt dọc đường đi. Ba má cho chị lên Sài Gòn giúp việc cho con nhà bác Chín, sau năm lần bảy lượt chủ nợ cứ kéo đến nhà đập phá. Thất mùa, lãi mẹ đẻ lãi con. Ba má đành bấm bụng nghe người xóm Mốc gièm pha, cho con đi "ở đợ". Chị Ba nhét gần hết nồi khoai luộc vào cặp cho chị Hai, tôi ngồi xếp lại mớ sách vở ngổn ngang mà lòng dạ bời bời. Chị Hai cười nói tỉnh bơ "lên Sài Gòn vui gần chết". Má ôm chị vào lòng căn dặn đủ chuyện trên trời dưới biển. Chuyến đi xa đầu tiên của con gái, ba má thức thâu đêm, tiếng con thạch sùng tặc lưỡi như nói hộ lòng người. Bọn thằng Bấu bị chị Hai hăm mẻ răng "đứa nào đụng tới em tao, nữa về tao đốt nhà đứa đó". Tôi với chị Ba chạy băng qua khu nhị tì, đuổi theo chiếc đò xa lắc, những tiếng gọi cứ va vào nhau chấp chới. Liệu lúc đó chị Hai đã quay đầu nhìn lại...◆

CHÚ THÍCH:

(*) Chĩa: dụng cụ có cán dài, đầu có một hoặc vài ba răng nhọn, sắc, thường dùng để đâm bắt cá.

○ **TRẦN THU HÀ**

Bật khóc Trà Leng

Mùa dịch... em "gùi rừng xuống phố"*
Bát canh măng thấm đẫm tình người
Gương mặt lấm lem em nhoẻn miệng cười
Bầu bí thương nhau có chi mà day trở

Bão số 9 quần qua núi lay đất lở
Nam Trà My tang tóc một vùng
Em có ở Trà Leng không
Nóc ông Đề hay ông Việt
Em ơi!

Ngàn giọt nước mắt rơi
Trên những nấm mồ đắp vội
Em đang kiếm người thân hay đang chìm vào bóng tối
Em có nghe rừng núi khóc vang trời!

Trà Leng nơi tôi chưa từng đến
Vẫn nghe nhói buốt tim mình....

** Ý thơ của Lê Long*

○ **TRẦN CAO DUYÊN**

Sơn Tây sau bão

Bão lũ tạm yên rồi, trường gọi em đi học
Khi chân em còn tươi những vết bùn
Đôi "săng đan" có quai sau đã trôi theo dòng nước
Thì em cứ mang đôi dép tổ ong

Gọi là "đôi dép" nhưng có khi dép chẳng thành đôi
Còn sống là may, nói gì thẩm mỹ!
Sau giờ phút kinh hoàng băng qua lũ dữ
Thì dép guốc tinh tươm là câu chuyện tầm phào

Chẳng thầy cô nào nhắc nhở nội quy đâu
Tan tác hết rồi, đâu còn gì để đắn đo suy nghĩ
Áo trắng quần xanh giờ thành xa xỉ
Em mơ chiếc lá lành che chiếc lá tả tơi

Cùng em tới trường là quyển vở vừa khô
Sách bút, đồ dùng... bỏ em đi trong bão
Ba mẹ bận bới tìm nồi niêu, xoong chảo
Em rời nhà cùng chiếc áo hở lưng

Cái mũ mềm mới tinh trôi mắc ngọn lộc vừng
Chưa biết khi nào về tay chủ cũ
Cái cặp sách cũng theo dòng nước lũ
Nên vở và mì tôm nằm gọn túi ni lông

Giờ mỹ thuật sáng nay em vẽ núi và sông
Sông và núi cần xanh mà chì màu đã mất
Đừng buồn nghen, những mảng màu trên giấy
Không thực bằng ngoài kia trời xanh lại rồi em.

○ **KHÔI NGUYÊN**

Nhắn bạn

Bạn muốn về thăm mảnh đất miền Trung?
Mảnh đất đau thương chịu nhiều gian khổ
Hạn hán, lũ dâng, bão mưa sạt lở...
Giờ lại thêm dịch bệnh hoành hành.

Những người thân yêu lần lượt lên đường
Nơi tuyến đầu chiến công thầm lặng
Lều bạt đơn sơ, mưa rừng, muỗi, vắt
Áo đẫm mồ hôi, ăn đứng, ngủ ngồi

Lối mở đường mòn chằng chịt vùng biên
Bước tuần tra suối sâu, đèo cạn
Đêm xuống vội đóm lửa chong làm bạn
Nỗi nhớ nhà cháy cả ruột gan...

Có những người xung phong vào trại cách ly
Ngày phục vụ bữa ăn, đêm canh chừng giấc ngủ
Rồi hậu phương dốc lòng chia sẻ
Lá rách, lá lành đùm bọc khắp nơi...

Và thương lắm những anh hùng áo trắng bạn ơi
Cuộc chiến này chưa phút giây ngơi nghỉ
Túc trực ngày đêm phạc phờ, rời rã
Chữa trị chăm nom... đôi mắt thâm quầng

Những ngày này miền Trung đang gian nan
Bạn có nhớ cũng xin ráng đợi
Khi dịch bệnh không còn đeo đuổi
Tôi sẽ đưa bạn về
Sống trọn những ngày vui.

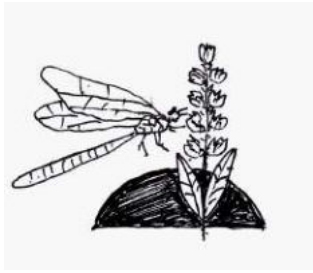

○ **NGUYỄN NGỌC HƯNG**

Hãy yên lòng miền Trung ơi

Ơi những đứa con của mẹ Âu Cơ
Từ thuở khai thiên lên rừng xuống biển
Đất nước nở ra trăm người trăm tiếng
Trăm xứ trăm miền vẫn một quê hương

Không cách ngăn nào ngăn cách nổi tình thương
Như máu chảy về tim như sông tìm ra bể
Cơn hồng thủy dữ muôn lần hơn thế
Miền Trung ơi! Cả nước vẫn bên Người...

Nhóm lửa tin yêu mà thắp nụ cười
Trên nền cũ ta sẽ xây nhà mới
Những đồng lúa lại lên xanh rời rợi
Giàn trái sum suê vui chuyện bí bầu

Mọi công trình có thể bị cuốn trôi
Không bão lũ nào có thể xóa tình người ruột thịt
Quả bầu tiên đâu chỉ là cổ tích
Miền Trung ơi! Cả nước mãi bên Người...

Một cánh bay không nâng nổi mặt trời
Chín mươi triệu cùng chung lòng chung sức
Đầy hơi ấm trái tim trong lồng ngực
Những đàn chim Lạc Việt chở xuân về!

Sau Cơn bão số 09-2020

○ **NGUYỄN HOÀI ÂN**

Bản dạ khúc tâm hồn

Thả sợi nắng vàng
Ta buộc vào em như một định mệnh
Đưa tay níu thời gian
Thảng thốt giấc mơ phía xa ngụp lặn
Chỉ còn một nỗi nhớ chờ đợi

Đôi bờ núi non hùng vĩ, rạo rực
Ta si mê, cuồng đắm bao lần
Chiều tím rịm gió luồn qua ô cửa
Thả một vầng mây trôi lạc giữa phiêu bồng

Còn không?
Mối duyên tình thuở ấy
Dòng sông vẫn chảy như lúc mới hẹn hò
Trên cánh diều từng chiều cõng gió
Ta vẫn thèm uống một ánh hoàng hôn

Đôi mắt em vẫn cứ xa vời vợi
Cơn bấc lạnh lùng về giữa hư không
Nhập nhoạng phố xưa ánh đèn khuya hiu hắt
Buồn không?
Bản dạ khúc tâm hồn.

○ **THANH LƯƠNG**

Có một mùa đông không lạnh

Có một mùa đông bắt đầu từ lời bài hát rất hay
Bên khung cửa rêu phong mùi ẩm ướt
Đêm giáng sinh lối đi người xuôi ngược
Tuyết cũng rơi bước nhẹ một tiếng cười.

Để đêm đó ta thấy hạnh phúc giữa bao người
Chiếc áo khoác thêm nơi bàn tay ấm áp
Một cái nắm tay nhau nghe khoảng không rào rạt
Chảy dưới chân người say đắm cả giấc mơ.

Đó là mùa đông thêu dệt những vần thơ
Chúa sinh ra trong ngỡ ngàng sự sống
Lời yêu thương đón mình nơi đồng vọng
Hạnh phúc trở trăn giữa ấm áp tình người

Cũng đêm ấy ta ở tuổi đôi mươi
Có một người ghé sát tim ta hỏi nhỏ
Hãy chung đường với tôi ngày nào đó
Cho mùa đông chẳng lạnh lẽo bao giờ.

Và đêm ấy trở thành ngày đông ấm nhất
Đêm giáng sinh với tình yêu có thật
Ngôi sao sáng mãi quay vòng trái đất
Chẳng đổi thay giữa một quỹ đạo vô ngần.

Mùa đông đó nghe vị ngọt người ấy rất thân
Quen hơn mọi thứ chạm vào da thịt
Nghe tiếng chuông ngân lời yêu mải miết
Hai nhịp tim đập đến rộn ràng.

Ừ! Ta đang sống giữa mùa đông không lạnh.

○ **PHẠM THẢO**

Về với Cao Muôn

Về với đại ngàn
Về với Cao Muôn
Ngược dòng Sông Liêng
Ta về với núi.

Tiếng chim hót lao xao bên suối
Tiếng gà rừng gọi bạn râm ran
Đỉnh Cao Muôn sừng sững hiên ngang
Đã ghi dấu một thời oanh liệt.

Đây thác Cao Muôn-
Dải lụa mềm giữa một màu xanh biếc
Như ân tình, như thì thầm da diết
Dòng thác mân mê, ta thoả chí tang bồng.

Con cá niêng tung tăng lội ngược dòng
Như uốn lượn điệu ca lêu ai hát
Cô gái Hre đắm mình trong suối mát
Cổ tích xưa bỗng chốc thoáng hiện về.

Xin một lần đắm trong cõi đê mê
Thác ôm ta bằng tình yêu Thác Mẹ(*)
Thác ru ta điệu Ca lêu, Ca choi rất nhẹ
Cao Muôn ơi! Đất mẹ mãi trong tôi.

(*) Thác Mẹ là tên gọi khác của thác Cao Muôn.

○ **PHAN BÁ TRÌNH**

Vẫn thức cùng nỗi nhớ

(Tặng quý Thầy, Cô giáo đã nghỉ hưu)

Treo nỗi nhớ trên từng viên phấn
Mắt học trò lúng liếng phía bờ tôi
Bục giảng ngày xưa giờ đã xa rồi
Nghe tiếng trống xốn xang lòng dạ

Kỷ niệm còn vương trên từng mắt lá
Em có còn như thuở tuổi hoa niên?
Thuở vô tư chân sáo hồn nhiên
Chạy khắp sân trường nhặt từng hoa nắng

Trong tiếng gió nghe chừng văng vẳng
Tiếng gọi: "Thầy ơi!" như xé cõi lòng
Tôi vẫn đi về trong nỗi nhớ mong
Lục ký ức vá kín niềm tâm sự

Ở nơi ấy em có còn cất giữ
Những buồn vui trong cái tuổi học trò
Mùa thi về tất bật những âu lo
Để giọt nắng dỗi hờn thiêm thiếp ngủ

Mai xa cách vẫn nhớ về lối cũ
Nhớ gốc phượng già ghi dấu kỷ niệm xưa
Nhớ ngôi trường ngày tháng dưới nắng mưa
Bao dấu ấn... vẫn thức cùng nỗi nhớ.

○ **HOÀI NAM**

Tuổi bảy mươi

Thời gian được mấy nữa người ơi!
Bảy chục xuân qua thấy rõ đời
Lúc trẻ hăng say đi khắp chốn
Khi già phấn khởi đến muôn nơi
Sông sâu cá lội theo nguồn nước
Đất rộng chim bay hướng cuối trời
Hãy để tâm hồn không vướng bận
Đâu cần nhọc trí chuyện đua bơi.

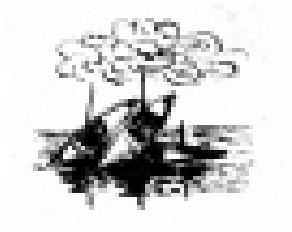

○ **NGUYỄN VĂN QUYỀN**

Vòng tay Thi bút

Kết bút giao tình ý vị thơ
Vòng tay trân trọng đón đưa chờ
Văn chương trí tuệ không ranh giới
Kiến thức thơ ca khó cập bờ
Bể cả tay chèo đùa với mộng
Rừng sâu chân bước giỡn trong mơ
Bốn phương hội tụ trao tình bút
Thế hệ ngàn sau khó nhạc mờ.

Nguyễn Tài Đạt - Nhà điêu khắc của các công trình nghệ thuật ngoài trời

○ **HUỲNH THẾ**

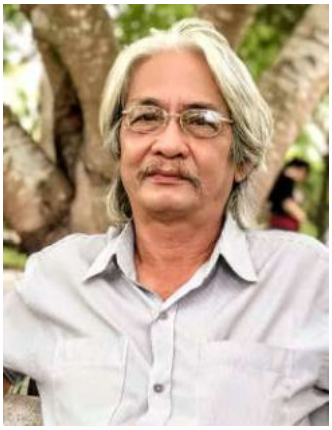

NĐK NGUYỄN TÀI ĐẠT

Sinh ra và lớn lên ở vùng quê nghèo xã Bình Nguyên huyện Bình Sơn, từ nhỏ, NĐK Nguyễn Tài Đạt sớm bộc lộ năng khiếu mỹ thuật, và anh đã quyết định chọn ngành điêu khắc để gắn bó suốt quãng đời của mình. Anh hiện là Hội viên Hội Mỹ thuật Việt Nam; Hội viên Hội Văn học nghệ thuật Quảng Ngãi. Chi hội trưởng Chi hội Mỹ thuật Việt Nam tại Quảng Ngãi.

Năm 1981, Nguyễn Tài Đạt tốt nghiệp chuyên ngành điêu khắc, Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế. Sau một năm công tác tại Công ty Mỹ thuật Quảng Nam - Đà Nẵng, anh nhập ngũ và được phiên chế vào một đơn vị chủ lực của Quân khu V. Năm 1985, anh xuất ngũ về nhận công tác tại Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Bình Sơn. Sau ngày tái lập tỉnh Quảng Ngãi (1989), anh được điều chuyển về công tác tại Trung tâm Văn hóa Thông tin tỉnh Quảng Ngãi, và gắn bó với nơi này cho đến ngày nghỉ hưu.

Vừa đảm nhận mảng mỹ thuật của đơn vị, vừa thai nghén và cho ra đời những "đứa con" tinh thần, tham gia

Tượng đài Khánh Giang Trường Lệ tại xã Hành Tín Đông, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. *(Ảnh: Tài Đạt)*

các Kỳ Triển lãm mỹ thuật Nam miền Trung - Tây nguyên; Triển lãm mỹ thuật toàn quốc; Triển lãm điêu khắc toàn quốc... Và anh cũng đã đoạt nhiều giải thưởng các loại;

Gắn bó với mảnh đất Châu Ổ, cái nôi của nghệ thuật làm gốm, nơi tuổi thơ anh có nhiều kỷ niệm đẹp. Từ nguồn cảm hứng đó, Nguyễn Tài Đạt đã cho ra đời nhiều tác phẩm điêu khắc bằng chất liệu gốm, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người xem.

Trong nghệ thuật, đòi hỏi phải luôn có sự đổi mới, trong nhiều tác phẩm điêu khắc của mình, anh đã tìm tòi, sáng tạo để tìm lối đi riêng cho mình, hầu hết những sáng tác của anh vừa hiện đại, vừa chịu ảnh hưởng sâu sắc nghệ thuật điêu khắc Chăm-pa. NĐK Nguyễn Tài Đạt làm việc rất cẩn trọng và nghiêm khắc với chính mình. Tượng, phù điêu của anh thể hiện phong phú về chất liệu, đa dạng về đề tài. Các tượng như: "Lễ hội Tây Nguyên", "Yên bình", "Mẹ con và hoa", "Hai người bạn", "Đi học"... "Dung Quất", "Nỗi đau Khánh Lệ"... được bạn bè trong giới đánh giá cao.

Trải thời gian, NĐK Nguyễn Tài Đạt đã hình thành nên một

phong cách rất riêng, vừa dân gian, vừa hiện đại, anh khai thác triệt để nền tảng nghệ thuật dân tộc. Càng về sau này, phong cách của anh càng được bạn bè đồng nghiệp và giới mỹ thuật trong và ngoài tỉnh đánh giá cao. Nói về anh, nhà điêu khắc Bùi Nam, cho biết: NĐK Nguyễn Tài Đạt có duyên với các công trình nghệ thuật ngoài trời, hầu hết các công trình mỹ thuật ngoài trời ở trong tỉnh, anh Đạt được giao để đảm nhận thiết kế, phác thảo và thi công những công trình lớn ở trong tỉnh; bao gồm cả tượng đài, phù điêu hoành tráng; với nội dung thể hiện cuộc đấu tranh cách mạng, giải phóng dân tộc ở tỉnh Quảng Ngãi và một số tỉnh khác.

Theo NĐK Nguyễn Tài Đạt, tiếng nói của nghệ thuật điêu khắc là hình và khối, đặc trưng ngôn ngữ điêu khắc là khối, một khi xử lý khối tốt sẽ tạo được hiệu quả nghệ thuật. Mỗi một nhà điêu khắc đều có một cách tiếp cận hiện thực và xử lý khối riêng, không nắm vững ngôn ngữ, không tinh thông chất liệu, mà mỗi một chất liệu đều có một vẻ đẹp đặc thù luôn đòi hỏi một kỹ thuật riêng.

Cũng theo NĐK Nguyễn Tài Đạt, nghệ thuật điêu khắc bao gồm tượng và phù điêu. Ngôn ngữ đặc thù của tượng là dùng khối chiếm lĩnh không gian 3 chiều. Còn ngôn ngữ đặc thù của phù điêu là dùng khối chiếm lĩnh không gian trên một mặt phẳng. Trên cơ sở lý thuyết đó, Nhà điêu khắc Nguyễn Tài Đạt đã giải quyết mảng hình khối của tác phẩm một cách khéo léo, vừa thể hiện hiện thực, vừa khái quát nội hàm thông điệp mình muốn gửi gắm; Khắc hoạ một hiện thực tâm trạng, một triết lý nhân sinh thể hiện khá sinh động. Cái khái quát ấy làm cho người xem tập trung vào ý tưởng, đòi hỏi người xem phải thẩm thấu, đồng cảm thì mới lĩnh hội được cái hay, cái sáng tạo của tác phẩm.

NĐK Nguyễn Tài Đạt còn có khá nhiều tác phẩm tham gia triển lãm khu vực và triển lãm toàn quốc. Trong đó, có nhiều tác phẩm được giới thiệu Dự giải của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam như Dung Quất, Nỗi đau Khánh Lệ... Nguyễn Tài Đạt cũng là tác giả của nhiều tượng đài, di tích thắng cảnh trong tỉnh như: Cụm tượng đài bia bảng di tích cuộc Khởi nghĩa Ba Tơ, Di tích Khánh Giang Trường Lệ...;

Tiêu biểu trong số đó, có thể kể đến Cụm phù điêu Khu tưởng niệm Anh hùng liệt sĩ Đức Phổ. Đây là Công trình tưởng nhớ công ơn của các anh hùng liệt sỹ đã chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và

bảo vệ Tổ quốc của quân và dân Đức Phổ, từ ngày thành lập Đảng cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30.4.1975. Công trình này vừa thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, vừa góp phần giáo dục truyền thống cách mạng vẻ vang của địa phương cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau. Cụm phù điêu là biểu tượng của sức mạnh, ý chí quyết thắng, tinh thần vươn lên vượt qua mọi gian khổ, hiểm nguy của bao lớp người đi trước, đồng thời nhắc nhở các thế hệ hôm nay luôn nêu cao ý chí và tinh thần vượt khó, để gìn giữ và xây dựng thị xã Đức Phổ ngày càng phát triển.

NĐK Hồ Thu, một người anh đồng nghiệp thân thiết với Nguyễn Tài Đạt, cho biết: Hai anh em cùng học mỹ thuật ở Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế, cùng về công tác ở Quảng Ngãi. Trong những đợt sáng tác mỹ thuật, Nguyễn Tài Đạt tích cực tham gia phong trào mỹ thuật chung của Quảng Ngãi cũng như của trung ương. Sự giúp đỡ của anh em đồng nghiệp đã tạo cho anh có những bước trưởng thành. Trong các kỳ triển lãm, Nguyễn Tài Đạt có nhiều tác phẩm tham gia. Sau khi được kết nạp vào Hội Mỹ thuật Việt Nam thì anh có nhiều tác phẩm đoạt giải thưởng, và nhiều tác phẩm có giá trị.

Nói về nghề, NĐK Nguyễn Tài Đạt chia sẻ: Vấn đề là chúng ta phải biết lắng nghe, lắng nghe những anh em trong nghề, cũng như những người ngoài cuộc nhưng họ hiểu về nội dung, lịch sử của giai đoạn đó người ta góp ý cho mình, mình lắng nghe và từ cái lắng nghe đó, mình chọn lọc những ý kiến hay nhất để đưa vào tác phẩm của mình... Tôi nghĩ rằng khi nào mình còn sức, mình sẽ cố gắng làm một số tác phẩm nào đó, nếu được tin tưởng, tôi sẽ cố gắng hết sức mình, mặc dù tôi biết khả năng mình có mức độ, nhưng tôi sẽ cố gắng học hỏi nhiều để mình sẽ có những tác phẩm tốt hơn.

Lăn lộn với nghề hơn 30 năm, NĐK Nguyễn Tài Đạt đã đứng vững trên mảnh đất hiện thực của dân tộc, có tiếp thu chọn lọc các yếu tố tạo hình của phương Tây và là nhà điêu khắc có uy tín hàng đầu của Quảng Ngãi hiện nay. Khiêm tốn, kiệm lời và giản dị trong cuộc sống thường nhật, anh vẫn âm thầm sáng tạo, và cho ra đời nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao.

Nguồn mạch sáng tạo của NĐK Nguyễn Tài Đạt vẫn dồi dào, mạnh mẽ. Anh vẫn lặng lẽ sáng tác, cần mẫn đi trên con đường nghệ thuật, con đường mà anh đã chọn từ nhiều năm trước◆

Lòng trắc ẩn trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh

○ TRẦN NGỌC HỒ TRƯỜNG

Hồ Biểu Chánh (1885 - 1958) là nhà tiểu thuyết lớn nhất trong văn học Việt Nam thời kỳ chuyển tiếp từ văn học trung đại sang văn học hiện đại, đặc biệt ở mấy thập niên đầu của thế kỷ XX. Một trong các giá trị lớn trong tiểu thuyết của ông là giá trị nhân đạo. Nếu như "tình thương là trụ cột trong các sáng tác của các nhà văn Nam Bộ"[1] thì điều này cũng hoàn toàn đúng đắn với tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Tình thương, lòng trắc ẩn ấy được truyền tải qua chủ đề, mô thức nhân vật, quan niệm về nhân sinh, cuộc đời và con người. Khảo sát phản ứng của độc giả khi tiếp xúc với tiểu thuyết của ông cũng có thể làm phát lộ lòng trắc ẩn này. Sở dĩ tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh mang đậm diễn ngôn nhân đạo là bởi vì ông có tinh thần dân tộc, có cái nhìn nhân đạo về cuộc đời và con người và đã tiếp tục / chịu ảnh hưởng của tư tưởng nhân đạo trong truyện Nôm - một thể loại văn học nằm kề sát với văn học hiện đại.

Vấn đề chính yếu mà Hồ Biểu Chánh đề cập đến trong tiểu thuyết của ông mang nhiều thông điệp. Việc lựa chọn khía cạnh nào trong cuộc đời, xã hội để kể, trình bày, phân tích là có lý do và có ý định. Hồ Biểu Chánh không thuần túy viết về những hạnh phúc, hân hoan, sung sướng mà chủ yếu kể về những khổ đau, u tối, bất hạnh của đời người. Số phận con người được nhìn ở khía cạnh của cái bất trắc, thiệt thòi, kém may mắn. Đó có thể là Chi Thiện *(Bỏ chồng)* bị người vợ bội bạc, bỏ đi theo người đàn ông khác, buồn đau ôm con bùi ngùi; là hình ảnh vợ Võ Như Bình mang con thơ đi tìm chồng mà bị chồng hất hủi *(Bỏ vợ)*; là cảnh Như Thạch và vợ *(Tại tôi)* bị mẹ xua đuổi, không chấp nhận... Hồ Biểu Chánh hết sức cảm thông với những cảnh

đời như thế. Ông là nhà nhân đạo bởi ông biết lựa chọn những số phận, những cảnh đời đáng thương xót, ngậm ngùi để kể. Tất cả các nhân vật trung tâm trong các sáng tác của ông đều có cuộc đời chua xót. Có thể ở kết thúc tác phẩm, số phận họ có khi khác nhưng đây chỉ là mong muốn của nhà văn, không logic nếu so đo với hiện thực khắc nghiệt đương thời. Thương đời, thương người, thương những ai không may nên trong tiểu thuyết của mình, Hồ Biểu Chánh luôn đề cập đến cái bi thương, hẩm hiu. Và đây là đặc điểm lớn nhất trong chủ đề tiểu thuyết của ông. Cốt truyện tiểu thuyết ông do đó thường có các sự kiện đáng thương, đứt gan đứt ruột. Trong khi đồng cảm với những số phận thương khó, Hồ Biểu Chánh còn muốn nói với nhân sinh rằng, đời hãy còn bao kẻ đáng được thương xót, chia xẻ và bênh vực. Và do thế, ông đã đứng về phía những kẻ thất thế để thương cảm và mong mỏi, khát khao. Việc lựa chọn chủ đề do vậy đã cho biết Hồ Biểu Chánh là nhà nhân đạo luôn biết nhìn vào những khổ đau của nhân sinh.

Lòng trắc ẩn đối với nhân sinh của Hồ Biểu Chánh còn có thể được nhận biết qua phản ứng của độc giả khi tiếp xúc với tiểu thuyết của ông. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh phần lớn có tính bi thương, do đó, chúng thấm đẫm nước mắt, đầy những số phận, những sự kiện thê thảm, bi thiết, éo le, ngang trái và đau lòng. Tất cả những yếu tố này làm động lòng độc giả, gây thương cảm, xúc động, bùi ngùi trong lòng họ, làm họ không thể không rơi nước mắt. Điều này có nghĩa là độc giả đã có phản ứng với các thành tố của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, như cốt truyện, thế giới nhân vật..., đặc biệt là với diễn ngôn nhân đạo mà ông phát đi. Độc giả đã cùng nhà văn đồng cảm, chia xẻ, thương xót nhân sinh hay lòng trắc ẩn dành cho nhân sinh của nhà văn đã được truyền dẫn sang họ. Hồ Biểu Chánh như thế đã lôi kéo được độc giả về phía mình qua trung gian là các cuốn tiểu thuyết mang các giá trị nhân đạo. Giữa độc giả và tác giả "có một tình liên đới"[(2)]. Sở dĩ giữa hai phía có được sự đồng điệu này là do cả hai đều có lòng thương, có tình yêu mến dành cho những kẻ cơ khổ bị cô lập, hất hủi, từ chối... Đây cũng là đặc điểm tâm lý của người Lục tỉnh - độc giả chủ yếu của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Tâm lý này là lý do giải thích tại sao tiểu thuyết của ông được ưa chuộng, nhất là ở thời đại ông.

Tình cảm nhân đạo của Hồ Biểu Chánh còn được hiển lộ trong cách thức ông sáng tạo ra các nhân vật và miêu tả, nhất là miêu tả lòng thương của họ. Hầu hết các nhân vật chính trong tiểu thuyết của ông đều là những

nhân vật giàu lòng thương xót, đặc biệt là đối với những ai kém may mắn, gặp phải rủi ro, có số phận khác lạ. Yến Tuyết *(Tỉnh mộng)* tội nghiệp cho thân phận kẻ hoạn nạn, "hễ thấy ai hoạn nạn thì cô thương xót" (tr. 27); Trọng Quí, Năm Đào *(Vì nghĩa vì tình)* nâng đỡ, vỗ về, trợ giúp Chánh Tâm vì anh ta là kẻ khổ đau trong tinh thần, trong đường đời... Tiêu chí để nhân vật Hồ Biểu Chánh trở nên đẹp đẽ, được độc giả, người đời trân trọng, quí mến là ở chỗ họ có lòng nhân đạo đối với tha nhân. Bên cạnh những kẻ xấu xa, độc ác trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, còn có rất nhiều những kẻ lòng lành, tốt bụng tốt dạ. Họ là hy vọng, là kẻ mang niềm tin đến cho những ai phải tủi phận trong đời. Như vậy, nhân đạo còn nằm ở chỗ Hồ Biểu Chánh bao giờ cũng nhìn thấy trong cõi đời vẫn còn hiện hữu những người đẹp đẽ, giàu lòng trắc ẩn, biết thương yêu, đùm bọc kẻ yếu, thất thế và bé nhỏ. Trong tiểu thuyết của ông, có một môtif nhân vật phổ biến, đáng chú ý, đó là môtif nhân vật mồ côi. Họ là Phan Văn Quí *(Mẹ ghẻ con ghẻ)*, Hà Tấn Phát *(Ăn theo thuở, ở theo thời)*, Như Thạch *(Tại tôi)*, em nhân vật Hoàng *(Bỏ vợ)* và hàng loạt các nhân vật khác. Điều này cho thấy nhà văn không quan tâm đến nhân sinh trong thế giới phồn hoa, sung túc. Ông chủ yếu và chủ tâm kể về những số phận thiệt thòi, đáng thương, tội tình. Đời họ, dù không phải ở mọi quãng, là đầy xót xa, u buồn. Tuy vậy, họ được nói là luôn có chí tiến thủ, luôn nỗ lực để phát triển, có đạo đức, nhân cách và vì thế hầu hết đều có tương lai viên mãn. Hồ Biểu Chánh kể về các nhân vật mồ côi một cách xúc động, bùi ngùi, đến rơi nước mắt và bằng những mong ước đẹp đẽ. Chính lòng thương đối với những ai bất hạnh là động lực, là nguồn cảm hứng thôi thúc nhà văn viết về các nhân vật mồ côi và kể những câu chuyện đời như cổ tích, như giấc mơ về họ. Đây là sự tiếp tục môtif mồ côi trong truyện cổ tích và truyện Nôm. Nhà văn lo âu khi họ lao đao, cơ khổ; vui sướng, hả hê khi họ thành đạt, dù ông ít khi bộc bạch thái độ, cảm xúc một cách trực tiếp. Lòng trắc ẩn đối với kẻ thương khó trên cõi đời này của Hồ Biểu Chánh qua đó đã được tỏ bày khá cụ thể, rõ ràng. Môtif nhân vật mồ côi trở thành một thành tố quan trọng trong thế giới tiểu thuyết của ông.

Ở tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, lòng thương yêu con người được căn cứ/ dựa vào các chuẩn mực luân lý. Nếu vợ chồng biết son sắt, bạn bè chân tín, chức nghiệp có đạo đức, nhân sinh công chính, tự trọng, không tham dục... thì được người đời, tác giả, độc giả yêu quí, thương cảm. Giá trị đáng quí của nhân sinh theo Hồ Biểu Chánh nằm

ở khía cạnh đạo đức. Điều gây ra tai họa cho họ là do luân lý bị xâm hại. Tiểu thuyết của ông là diễn ngôn văn học kêu gọi nhân sinh quay về đường ngay lối thẳng, khuyến thiện trừng ác. Chúng hầu hết ngắn, có tính luận đề, bàn về vấn đề chính yếu là luân lý, nhân nghĩa, lợi danh, có một số nhân vật là biểu tượng của đạo đức *(như Hà Tấn Phát trong Ăn theo thuở, ở theo thời)*; các cảnh ngộ, tình huống, cốt truyện, đối thoại và độc thoại đều xoay quanh luân lý. Chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Biểu Chánh cũng thế, phát lộ xung quanh các vấn đề luân lý, từ góc nhìn luân lý mà thương yêu hay phẫn nộ. Luân lý trở thành chuẩn mực để từ đó nhà văn bày tỏ lòng thương. Nói như Edmund Fuller thì, "không có lòng trắc ẩn có giá trị nào lại có thể tồn tại bên ngoài khung khổ đạo đức"[3]. Ai biết bảo vệ, giữ gìn luân lý thì được hạnh phúc, ngược lại thì phải luôn đau khổ, lao đao, day dứt, dằn vặt. Tác giả và độc giả phán xét nhân sinh, yêu mến, động lòng hay chê bai, phê phán họ đều xuất phát từ điểm nhìn luân lý. Luân lý, trong đó có lòng nhân ái, là phương châm xử thế của con người trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Do vậy, con người ở đó trở nên hết sức vị tha, bao dung. Đây cũng là một biểu hiện của lòng nhân đạo. Một phần nhân sinh trong các sáng tạo văn học của nhà văn tuy ác độc, vong ân bội nghĩa nhưng một khi đã biết sám hối, ăn năn, hổ thẹn thì đều được tha thứ. Sám hối là một môtif trong tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh. Có thể kể đến sự sám hối của mẹ Như Thạch *(Tại tôi)*, Võ Như Bình *(Bỏ vợ)*, vợ Chi Thiện *(Bỏ chồng)*... Tha thứ, bao dung là đặc điểm tâm lý của người Lục tỉnh và người Việt nói chung. Họ "đánh kẻ chạy đi chớ không đánh người chạy lại", không nỡ lòng nào không bỏ qua cho kẻ ác một khi họ đã hối cải. Do vậy, trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, không có cái cực đoan, kẻ ác không ác đến tận cùng mà biết dừng lại; sự ghét bỏ cũng vậy, không dai dẳng. Người ta biết nghĩ lại, biết dung tha. Ở kết thúc các tiểu thuyết của nhà văn, bên nào cũng được an lòng, nhẹ nhõm, nguôi ngoai trong lương tâm. Hồ Biểu Chánh như vậy, luôn tin vào thiên tính thiện, vào chân tâm vốn vô nhiễm, thường trụ của con người. Nhân vật Thượng Tứ *(Con nhà giàu)* dù có lầm lạc, sa ngã mấy cũng biết qui chính, hối cải. Độc giả do đó hầu như không có cảm giác ghét bỏ hay quá phẫn nộ khi đọc tiểu thuyết của ông. Hồ Biểu Chánh như vậy là nhà nhân đạo đích thực bởi ông đã có một cái nhìn nhân hậu đối với con người. Điều này chứng tỏ ông chịu ảnh hưởng của tư tưởng nhân đạo của dân tộc, đặc biệt là của người bình

dân và Phật giáo mà ở đó, lòng bao dung là một đặc điểm quan trọng. Chắc chắn do có tiếp xúc với kinh luận của Phật giáo nên nhà văn nhiều lần vay mượn các môtif trong chúng. Đó có thể là môtif kể chuyện Phật Như Lai nhiều lần đi ra khỏi thành do đó hiểu đời, hiểu người và trở nên giác ngộ. Môtif này có mặt trong các cuốn tiểu thuyết của nhà văn như *Con nhà giàu, Ăn theo thuở, ở theo thời*... Mặc dù xã hội trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh được ông kể là suy vi về đạo đức, vị danh lợi, "muốn có chức phận phải tốn tiền", nhiều kẻ bất lương, ác độc... nhưng cũng chính trong xã hội đó, những ai hiểu đời đều có lòng nhân đạo và bao dung. Chi Thiện *(Bỏ chồng)* tha thứ cho người vợ bội bạc còn là vì tình đời, tình người, vì lòng bao dung, sự thông hiểu. Dung thứ đã trở thành đạo lý sống của nhiều nhân vật trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Do vậy, ông viết trong một cuốn tiểu thuyết của mình: "Phải quảng đại, phải dung kẻ thất thế, phải thương xót kẻ sa lầy, nên lấy đức mà báo oán" (*Bỏ vợ*, tr. 248). Đây là triết lý về lòng rộng lượng, chín bỏ làm mười, là lời kêu gọi hãy biết "tội nghiệp cho kẻ đã ăn năn tội lỗi" (*Bỏ vợ*, tr. 233).

Chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Biểu Chánh có ba nguồn ảnh hưởng. Đó là tiểu thuyết Pháp thế kỷ XVIII - XIX, với giá trị lớn là giá trị nhân đạo; những trải nghiệm trong cuộc đời ông, đặc biệt là các ám ảnh thời thơ ấu và quan trọng nhất là từ truyện Nôm - bộ phận văn học cuối cùng của văn học trung đại, tiếp giáp với văn học hiện đại. Có những yếu tố cho biết Hồ Biểu Chánh chịu ảnh hưởng của truyện Nôm. Ông từng viết U tình lục (1909), một truyện thơ chỉ khác với truyện Nôm về mặt ngôn ngữ mà thôi. Trong khi đó, tiểu thuyết hiện đại Việt Nam khởi đi từ Nam Kỳ được cho là "phôi thai từ truyện Nôm và tiểu thuyết phương Tây"[(4)]. Hồ Biểu Chánh cũng viết tiểu thuyết trong thời kỳ mà "Phiên âm Nôm ra quốc ngữ và dịch thuật truyện Tàu chiếm gần hết thị trường chữ nghĩa"[(5)]. "Phiên âm Nôm" chủ yếu là phiên âm truyện Nôm. Có thể nói, tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh là sự tiếp tục truyện Nôm trong những kỹ thuật văn học mới. Có thể thấy giữa hai bộ phận có cùng các môtif như môtif mồ côi, môtif cải trang, khung khổ, kết thúc có hậu, nhân vật nữ chính xinh đẹp, nết na... Tuy nhiên, do văn cảnh xã hội thời đại Hồ Biểu Chánh đã khác, với xe hơi, hỏa xa, tư bản, nhật trình, càphê... nên tiểu thuyết của ông cũng khác với truyện Nôm trên nhiều bình diện, như không còn yếu tố thần linh, ngẫu nhiên, đã xuất hiện kỹ thuật trì hoãn trong kể chuyện để giữ độc giả lại với sự đọc, nhân vật được miêu tả một

cách chi li... Điều quan trọng cần được nhấn mạnh ở đây, đó là Hồ Biểu Chánh đã thừa tiếp, chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng trung tâm trong truyện Nôm - tư tưởng nhân đạo. Ông và các tác giả truyện Nôm đều thương cảm, bênh vực, an ủi, nâng đỡ, xẻ chia, đồng cảm với những kẻ bất hạnh và có cùng các quan niệm như thiện giả thiện báo, ở hiền gặp lành, ác giả ác báo, ông trời có mắt... Hơn thế, cả hai đều đứng về phía đạo lý, lấy đạo lý làm tiêu chí để phán xử và yêu thương con người, đồng thời cũng chịu sự tác động mạnh của tư tưởng nhân đạo của các tôn giáo và của người bình dân.

Hồ Biểu Chánh là nhà văn có tinh thần dân tộc. Ông mượn lời một nhân vật trong tiểu thuyết Mẹ ghẻ con ghẻ của mình để hô hào rằng, hãy tiếp nhận công nghệ và tư tưởng Pháp "để leo lên đài văn minh mà đứng cùng các dân tộc khác trên địa cầu này" (tr. 330). Ở một chỗ khác trong tiểu thuyết *Bỏ vợ*, các nhân vật ông khát khao "muốn làm sao cho nước Việt Nam giàu, cho dân Việt Nam mạnh, sánh ngang hàng với các dân tộc khác" (tr. 153). Tinh thần dân tộc này là điểm tựa cho chủ nghĩa nhân đạo của nhà văn bởi chính nhờ có nó mà ông có tư tưởng, lòng thương người - một đặc điểm tinh thần của người Việt. Ông cũng xuất phát từ tinh thần dân tộc mà khuyên bảo cần phải giữ bản sắc dân tộc qua lời của một nhân vật: "Dẫu con học chữ Tây, con cũng là người An Nam, phải ăn ở theo An Nam coi mới được" (*Con nhà giàu*, tr. 78).

Hồ Biểu Chánh còn có những quan điểm cụ thể về lòng nhân đạo là thứ cần phải có trong ứng nhân xử thế ở đời. Thương người với ông là thương những kẻ có tình cảnh đen đủi; ai không biết xót xa trước cảnh ngộ không may của tha nhân đều là đáng trách: "Thấy người ta có chuyện buồn rầu đã không biết thương xót, giúp lời mà còn dị nghị, cười chê" (*Ăn theo thuở, ở theo thời*, tr. 101). Trong tiểu thuyết Con nhà nghèo, nhà văn còn nhấn mạnh thêm rằng bác ái là tình cảm cần có, nên có ở đời, thiếu vắng nó, đời như "địa ngục": "Nực cười cho con người, cứ ham muốn những điều không nên muốn rồi xung đột nhau, ganh ghét nhau, hiếp đáp, xu phụ nhau, làm cho địa cầu thành địa ngục, vắng vẻ tiếng yêu thương" (tr. 131). Yêu thương như vậy, có địa vị quan trọng bởi nó có thể hóa giải thù ghét, nhân ái hóa con người, từ đó con người mới có thể vị tha cho nhau. Cũng trong *Con nhà nghèo*, ông viết: "Tình nghĩa của nhà giàu sang là vậy đó sao? Cái tiếng nói "thương" của họ chẳng phải có nghĩa là trọng yêu mến, nâng đỡ, bảo bọc. Cái "thương" của họ chỉ là bóc lột, lợi dụng, dẫu ai tan nhà nát cửa, dầu ai khổ thân lao lực, dầu ai ô danh thất

tiết. Họ gạt để lấy hết điền thổ của người ta, trả giá không đầy phân nửa, cũng gọi là "thương". Họ bắt người ta làm cháy da xém thịt, phỏng trán, sinh lợi ba phần, họ lấy hết hai, cũng gọi là "thương". Họ sai khiến người ta dầm mưa dãi nắng để họ ăn no ngủ ấm, cũng gọi là "thương" (tr. 29). Rõ ràng, ở đây, nhà văn đã bất bình, chỉ trích, chê bai lòng thương giả dối. Nhân đạo đối với ông phải chân thành, vô tư lự, là phải nâng đỡ, bảo bọc, trân trọng danh tiết kẻ khác, là không được ác độc, vô tâm, xô đẩy tha nhân xuống vực sâu của sự đau khổ về thân thể và tinh thần. Toàn bộ chủ nghĩa nhân đạo của Hồ Biểu Chánh đều được triển khai, xây dựng và phát triển trên cơ sở các quan điểm về nhân đạo ở trên. Đó là một chủ nghĩa nhân đạo chân chính, đích thực, dựa trên những quan sát về những cuộc đời bị tước đoạt, hẩm hiu, không may mắn nhưng "ham nhân nghĩa, trọng danh giá" và luôn tin rằng "ai ăn ở bất nhân thì trời hại họ". Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh dài lắm cũng chỉ vài ba trăm trang khổ nhỏ, nhân vật không nhiều, không có các sự kiện phi lý, kết thúc có hậu, cốt truyện tuyến tính, người kể chuyện ít xuất đầu lộ diện nhưng phong phú về mặt tư tưởng, đặc biệt là tư tưởng nhân đạo. Với sự chi phối của tư tưởng này, nhà văn và các nhân vật của ông buồn đau trước sự suy sụp về thân thể và linh hồn của con người, coi chúng như là nỗi đau, sự suy sụp của chính mình; đã tha thứ cho tội lỗi của nhân sinh bằng tấm lòng bao dung. Dấu ấn ảnh hưởng của tư tưởng nhân đạo trong cổ tích và truyện Nôm là đậm đà trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh. Ông viết về khổ đau của con người, do đó tiểu thuyết ông khó lòng bị mai một. Đặc biệt, độc giả đại chúng mà ông hướng đến đã tìm thấy được lòng thương, các giá trị tinh thần, tâm lý, cuộc sống, cách ứng xử của họ trong tiểu thuyết của ông. Điều này lý giải tại sao đương thời và hiện nay chúng được đón nhận bằng lòng say mê. Nhiều cuốn tiểu thuyết của ông đã được dựng thành phim và có đông đảo khán giả◆

CHÚ THÍCH:

[1]. Nguyễn Q. Thắng, *Tiến trình văn nghệ Miền Nam*, Nxb. Tổng hợp An Giang, 1990, tr. 26.

[2]. Nguyễn Q. Thắng, *Tiến trình văn nghệ Miền Nam*, Sđd, tr. 313.

[3]. Edmund Fuller, *The new compassion in the American novel, trong Five approaches of literary criticism*, Wilbur S. Scott ed., Collier Books, New York, 1962, tr. 61.

[4]. Bùi Đức Tịnh, *Những bước đầu của báo chí, tiểu thuyết và thơ Mới*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1992, tr. 132.

[5]. Bằng Giang, *Văn học quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865 - 1930*, Nxb. Trẻ, 1998, tr. 71.

Chân dung văn nghệ sĩ trong hồi ký Tô Hoài

○ BÙI VIỆT THẮNG

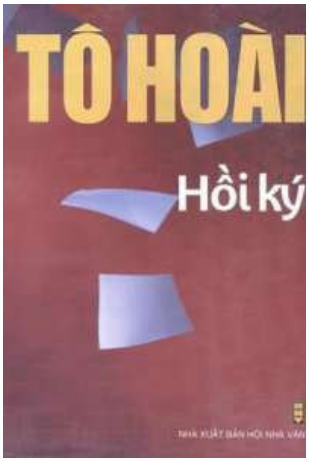

TRONG DÒNG THÁC HỒI KÝ

Đang có một "cơn sốt" hồi ký trong đời sống văn hóa của người Việt thời đương đại. Đủ các kiểu hồi ký của các nhà hoạt động chính trị, các tướng lĩnh, các chính khách, đặc biệt các văn nghệ sĩ cũng đều hăm hở viết hồi ký (có loại xuất bản chính thống, có loại tự xuất bản, có loại đưa lên mạng). Độc giả đang bị "hớp hồn" bởi những hồi ký. Nhưng ở đây tôi muốn nói đến hồi ký của các nhà văn Việt Nam hiện đại từ Đặng Thai Mai, Tố Hữu, Lưu Trọng Lư, Anh Thơ, Huy Cận, Nguyên Hồng, Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Đăng Mạnh, Bùi Ngọc Tấn, Vũ Bão, Đào Xuân Quý,... Nhưng đắt khách nhất vẫn là hồi ký của Tô Hoài với *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều* (đều do nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành). Đọc thấy hay nhưng ít người đặt câu hỏi "vì sao?". Đành rằng muốn có nhiều "thượng đế" thì phải là chuyện lạ, là chuyện "nhạy cảm", thậm chí "húy kị", nhưng rơi vào tay người này hay người khác thì đôi khi thấy nhạt, thấy nhàm. Thậm chí thất vọng vì qua hồi ký chỉ thấy người viết khư khư "mình thì trong thiên hạ thì đục". Nhưng với hồi ký của nhà văn Tô Hoài thì có cái ấn tượng khác hẳn. Riêng tôi có cái cảm giác về độ tin cậy cao khi đọc hồi ký của nhà văn Tô Hoài. Phải chăng sự chân thành của ngòi bút đã quyến rũ độc giả?

Quang cảnh Tọa đàm "Tô Hoài - Nhà văn của mọi lứa tuổi" với sự tham gia của đông đảo nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học, các nhà sư phạm... do Nhà xuất bản Kim Đồng tổ chức ngày 25/9/2020, tại Hà Nội. *(Nguồn:dangcongsan.com)*

Tôi không muốn nói đến phần trăm độ chính xác của sự việc mà muốn nói đến niềm tin và quan điểm của chính tác giả về những sự việc, con người ấy trong một không gian và thời gian cụ thể. Một triết gia đã viết: "Thà phải thức suốt đêm để tìm hiểu sự thật còn hơn nghi ngờ nó suốt đời" (Ăng-ghen). Sự chân thực mà tác phẩm mang tới cho độc giả xuất phát từ sự chân thành của tác giả, đã đành, cao hơn còn là nhờ ở sự tiết tháo của ngòi bút. Viết, như ai đó nói, là đối diện với "pháp trường trắng". Lối viết hồi ký của nhà văn Tô Hoài, theo tôi, thường "gây hấn cảm xúc", có thể chia đôi dư luận, và dễ làm "mất lòng" ai đó vì tác giả đã "nhúng bút vào sự thật". Trong hồi ký của Tô Hoài chuyện "đời" và chuyện "đạo" ở thế cân phân nhìn từ phương diện tổng thể, cũng như chuyện "đời" và chuyện "nghề" đan cài, quấn quýt ở từng hiện tượng cụ thể. Trong *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều* Tô Hoài đã hồi cố đủ thứ chuyện bao đồng, trên trời dưới bể. Nhưng đậm đặc và ấn tượng nhất vẫn là những trang viết về các văn nghệ sĩ. Tô Hoài đã "điểm danh" gần như đủ mặt anh tài làng văn Việt Nam hiện đại. Mỗi người một vẻ, tuy nhiên mười phân chưa thể vẹn mười. Trái lại đầy những khiếm khuyết, thậm

chí là tì vết, nhưng rất lạ là chính nhờ nhìn vào những hao khuyết đó mà độc giả thấy họ đời hơn, thật hơn, gần gũi hơn. Tôi nghĩ đó cũng là những kiếp người trong những cuộc bể dâu tang thương ở chốn trần gian. Hơn nữa lại là những kiếp người nghệ sĩ thì cái bất bình thường đôi khi lại nổi trội hơn cái bình thường.

KHÔNG PHẢI TRUYỀN THẦN

Không cố gắng vẽ lại cho đúng theo kiểu truyền thần, Tô Hoài có cái cách của một nhà tiểu sử học, tâm lí học, xã hội học và đôi khi như một luật sư khi dựng chân dung bạn văn nghệ sĩ. Chẳng hạn như với Nguyễn Tuân thì sách vở báo chí lâu nay vẫn tụng là người "ngông" cả trong đời cả trong văn, uyên bác tài hoa, là xảo thủ ngôn từ,...Tô Hoài nhìn Nguyễn Tuân từ góc độ nhân cách: "Nguyễn Tuân không nhiều tâm trạng và băn khoăn thời sự như Nguyễn Huy Tưởng. Con người ấy quan niệm về tự do là "không bờ bến", không chính trị, cũng không lung tung". Nguyễn Tuân là một cách thế tồn tại của người nghệ sĩ trong bối cảnh như ở Việt Nam thời đại cách mạng và chiến tranh. Nghệ sĩ vốn yêu tự do và coi tự do là điều kiện tiên quyết cho sáng tạo. Nhưng tự do lại tất yếu, tự do là kỉ luật. Nguyễn Tuân cho một bài học về cái tự do bên trong của nghệ sĩ. Nghệ sĩ tài năng là những cá tính sáng tạo độc đáo, những phong cách nghệ thuật có một không hai. Tô Hoài cũng là nhà văn "tiền chiến" như Nguyễn Tuân nên ông đánh giá bạn văn chính xác: "Thời ấy, thời Tây, mới thực Nguyễn Tuân, những nông nỗi, những vang bóng của Nguyễn Tuân". Định vị Nguyễn Tuân theo cách của Tô Hoài mới đúng vì tài năng và sắc đẹp là những thứ Trời cho con người, mỗi người có một khoản nào đó, phát tiết lúc này hoặc lúc khác, không thể cả đời được. Cái phần văn của Nguyễn Tuân sau 1945, khách quan mà xét cũng có nhiều phần thành công như Sông Đà, Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi. Nhưng so với phần văn trước 1945 của Nguyễn Tuân thì quả thực "lép" hơn. Có những tác phẩm một thời bị phê bình như Phở, Tình rừng, Tờ hoa. Nhưng trong mắt Tô Hoài thì: "Xem lại những bút ký Phở, Tình rừng, Tờ hoa, có thể đọc một lần rồi đọc lại lần nữa. Không phải vì thích thú mà vì ngạc nhiên. Đấy chỉ là những áng văn vẫn bộc lộ những nét riêng với cái nhìn đáo để và trang nhã, mài những cái ấy đi thì còn đâu phong cách Nguyễn Tuân". Không phải ngẫu nhiên trong *Cát bụi chân ai*, Tô Hoài dành rất nhiều trang cho Nguyễn Tuân. Dường như qua Nguyễn Tuân, Tô Hoài muốn

kí thác tâm sự của văn nghệ sĩ Việt Nam nói chung đã sống và sáng tác khó khăn như thế nào, tồn tại như thế nào và vượt lên như thế nào. Dường như có một ẩn ý về cái gọi là "tiết tháo" của kẻ sĩ, đặc biệt của nghệ sĩ cùng với tài năng làm nên thành công của sáng tạo là khó khăn vô bờ bến. Tôi chú ý đến những trang viết của Tô Hoài về Nguyễn Tuân trong đó nhà văn tài năng này đã nói đến cái gọi là "chuyện ta mộng thành nhà văn quốc tế ấy mà", đó là "chuyện đâu đâu của người ta". Hóa ra các nhà văn tài năng không ảo tưởng như những nhà văn hạng trung bình. Hiện chúng ta đang có những chiến dịch quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới. Hội Nhà văn Việt Nam đã tổ chức được nhiều cuộc hội nghị quốc tế quảng bá văn học Việt Nam ra thế giới, đã thành lập Trung tâm Dịch thuật trực thuộc Hội Nhà văn Việt Nam. Nhưng như nhà văn Lê Minh Khuê đã viết về "sự cô đơn của tiếng Việt", văn học Việt Nam muốn đổ bộ vào thị trường văn học thế giới còn "ba chìm bảy nổi chín lênh đênh".

Với Nguyên Hồng, Tô Hoài có cái nhìn khác: Nhìn vào cái tâm của nhà văn theo lối cụ Nguyễn Tiên Điền viết "chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài". Nguyên Hồng "như người ốp đồng" và vì thế: "Chúng tôi quen với những cảm hứng giữa đường giữa chợ của Nguyên Hồng". Ai cũng biết Nguyên Hồng là người hay khóc: khóc lúc viết bởi những buồn khổ của nhân vật, khóc lúc người khác không hiểu công việc của mình: "Tôi ngồi cạnh Nguyên Hồng. Kiểm điểm Nguyên Hồng một buổi vẫn chưa xong (...). Nguyên Hồng xòe bàn tay lên chồng báo, vuốt vuốt, mếu máo nói, nước mắt như trút... tôi thức đêm thức hôm... tôi bỏ hết sáng tác, ngày đêm tôi chỉ nghĩ đến tờ báo... bài này đề tài công nhân... bài về kháng chiến... bài về thống nhất... bài về sửa sai cải cách ruộng đất... tôi không... tôi không... Rồi chẳng mấy lúc Nguyên Hồng khóc hu hu". Nguyên Hồng là người tốt nhưng luôn thua thiệt, là người nhạy cảm dễ bị tổn thương nên cái sự hay khóc của ông là có cái căn nguyên sâu xa của nó. Nhưng đừng tưởng Nguyên Hồng hèn. Trái lại ông là người tiết tháo, từng trải, từng ra tù vào tội: "Tôi được Trần Quang Huy kể rằng trước chiến tranh thế giới lần thứ hai, bộ phận hoạt động công khai của Đảng chuẩn bị rút vào hoạt động bí mật. Trần Quang Huy được phân công đưa Nguyên Hồng đi công tác thoát li. Nguyên Hồng đã ra ngoại ô Hải phòng ở bí mật được vài hôm. Nhưng mà cậu ta nhớ nhà hay sao ấy, hôm nào cũng

khóc. Thế là lại mò về. Ít lâu sau mật thám Pháp bắt rồi bị đày lên trại tập trung Bắc Mê".

Với Xuân Diệu, lần đầu tiên Tô Hoài đem đến cho độc giả một cảm nhận về phần "người" của Ông Hoàng tình yêu trong thơ ca. Xuân Diệu là một "ca" đặc biệt. Xuân Diệu với "tình trai" vốn chưa quen với thuần phong mỹ tục Việt Nam. Có người nhận xét những trang viết về quan hệ giữa Tô Hoài và Xuân Diệu hồi kháng chiến ở chiến khu là "ghê răng" nhất trong hồi ký *Cát bụi chân ai*. Nói theo cách của Nguyễn Trọng Tạo "tin thì tin không tin thì thôi". Xung quanh chuyện này cũng chia làm hai phe phê phán hay đồng tình với cách viết của Tô Hoài những chuyện động trời như trong *Cát bụi chân ai* (các trang từ 185 đến 188). Tô Hoài viết cứ như không: "Xuân Diệu yêu tôi". Bây giờ những mối tình trai không còn làm thiên hạ ngạc nhiên nữa. Nhưng vào thời điểm những năm chín mươi thế kỉ trước, ở Việt Nam mà ra "sách trắng" về chuyện này theo cách của Tô Hoài thì quả là như một quả bom nổ giữa thanh thiên bạch nhật. Tô Hoài cũng viết về thói quen ăn uống và sinh hoạt "rất Xuân Diệu". Nhưng khi hạ bút viết Xuân Diệu như là "con ma ăn" thì độc giả cảm thấy hơi bùi ngùi, tội nghiệp và thương hại. Nhưng có thể đó là cách viết riết róng của Tô Hoài, đi đến tận cùng sự thật. Tôi nghĩ Tô Hoài không có ý hạ bệ thần tượng, chắc cũng chỉ muốn độc giả nhiều thế hệ gần xa hiểu rõ hơn con người thi nhân vốn không phải là thần thánh. Tô Hoài thường có cái nhìn rất gần như lối "cận cảnh" trong điện ảnh, làm cho nổi hình nổi khối, thậm chí có thể ngửi thấy mùi vị, đường nét, âm thanh, màu sắc.

NHỮNG GÓC KHUẤT ĐỜI NGƯỜI

Trong hồi ký của mình, Tô Hoài thường nói đến những khuất lấp sự kiện, những góc khuất của cuộc đời nghệ sĩ. Chẳng hạn Tô Hoài viết về cái cảnh ngộ "chui" của Phùng Quán gói trong 6 chữ 3 chui: "Câu chui. Rượu chui. Viết chui". Sáu chữ này thâu tóm cảnh ngộ, thân phận và thần thái Phùng Quán. Nhờ Tô Hoài mà độc giả biết một Phùng Quán rất thạo việc nhà nông: "Biết gặt, biết bó, biết gánh, gánh không đổ, làm được ba cái biết ấy mới là thợ gặt". Phùng Quán là người thực tiễn, thạo việc nhà nông nên mới giảng giải cho Tô Hoài: "Anh viết văn phải giàu tưởng tượng lắm, mà anh chưa phân tích được bùn là cứt của trời ném xuống thì nhất định hảo hạng rồi". Đó là chuyện ngày đi cải

tạo Phùng Quán phải đi gắp phân để bón tưới cho lúa ngô, khoai sắn: "Cái việc khó nhọc nhất vẫn là quang gánh Quán đi gắp phân sớm, lỡ muộn là bị nhặt tranh hết". Những hôm không gắp được phân thì ông nạo bùn về thay thế và lí sự với bạn văn Tô Hoài. Có cái gì đó tủi phận của một kiếp người trong những góc khuất cuộc đời. Việc Phùng Quán làm nằm trong cái chính sách "hạ phóng" thời đó đưa văn nghệ sĩ trở về với thực tế đời sống. Qua hồi ký của Tô Hoài, độc giả lần đầu mới biết những án oan của văn nghệ sĩ như Thế Lữ và Quang Dũng dính vào chính trị, dính dáng đến Quốc dân đảng, còn Đồ Phồn và Nguyễn Đình Lạp thì dính vào tờ - rốt - kít . Chính Tô Hoài là người trực tiếp tháo gỡ những oan sai này. Tô Hoài là người quảng giao về cá tính, lại có vị trí trong giới văn nghệ một thời gian dài nên có nhiều quan hệ với nghệ sĩ các lĩnh vực ngoài văn chương. Những câu chuyện về họa sĩ tài năng Nguyễn Sáng được Tô Hoài kể lại tường tận khiến độc giả hiểu thêm nhiều điều còn khuất lấp về con người này. Đó là chuyện Nguyễn Sáng cưới vợ, nhưng dự định chỉ mời dăm mười người, và đám cưới thì không có cô dâu! Có hai lí do để Nguyễn Sáng không tổ chức đám cưới một cách bình thường như thiên hạ là vì "tập hai" như ngôn ngữ phố phường, mà còn vì đúng hôm đám cưới thì vợ bị ngất (bị bệnh tim) phải đi cấp cứu. Phải chăng đời nghệ sĩ thường bi ai?! Nhạc sĩ Đặng Đình Hưng (thân phụ tài năng âm nhạc Đặng Thái Sơn) qua ngòi bút Tô Hoài là một số phận "dài dài phí hoài". Vì vướng vào Nhân văn - Giai phẩm mà nên nỗi bị ra khỏi biên chế nhà nước, kiếm kế sinh nhai bằng cách dịch thuê và "đi cất rượu quê đem ra bán các quán". Một con người "vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa" thế mà giờ đây: "Ở một quán nước bán rượu chui, chỗ trông ra rạp xiếc cạnh công viên Thống Nhất. Một người mặc áo ka ki đại cán màu cháo lòng, đội cái mũ dạ rúm ró. Lấm láp như người đánh dậm ngoài cầu Giẽ vác cả cái dậm lên tận phố. Nhưng không. Người ấy khoác một cái bị cói lẳng lặng bước vào nhà trong. Thông thường đấy là khách mua bán dấm dúi". Mấy ai biết nếu không có Tô Hoài kể lại người nhạc sĩ này thời thuộc Pháp đã từng "làm chân thầu cơm trại lính khố xanh". Rồi đến đận Đặng Thái Sơn thành danh, có tiền mua cho bố một căn hộ 16 mét vuông ở tầng hai tập thể Giảng Võ. Ở cái tổ ấm mới ấy Đặng Đình Hưng có những người đàn bà mới trong đời mình,...

NGHỆ THUẬT DỰNG CHÂN DUNG

Nếu ví von Tô Hoài là một nghệ sĩ nhiếp ảnh, một nhà quay phim thiện nghệ thì cách làm của ông để dựng tác phẩm chân dung là từ xa đến gần, từ toàn cảnh đến cận cảnh, từ bên ngoài đến bên trong, từ lớn đến nhỏ, từ mơ hồ đến rõ ràng. Và đặc biệt nhờ vào các chi tiết sống, tươi, đặc sắc khiến cho chân dung văn nghệ sĩ hiện lên như khắc như chạm, tạo ấn tượng và liên tưởng. Nói cách khác là đọc hồi ký của Tô Hoài có dư ba. Xin đơn cử trường hợp Tô Hoài dựng chân dung Nguyễn Tuân trong *Cát bụi chân ai*: "Tôi kém Nguyễn Tuân mười tuổi. Trước kia, tôi không quen Nguyễn Tuân (...). Hình như Nguyên Hồng đã chỉ cho tôi biết Nguyễn Tuân đương lững thững bên kia hè đường Bờ Hồ (...). Đi bên này hồ Gươm thấy Nguyễn Tuân ngồi trong nhà hàng Hoàng Gia, cái quán rượu kiểu Pháp che cánh sáo kín ra vỉa hè. Nhà văn chơi chua khác đời. Khăn lượt vố, áo gấm trần, tay chống dọc chiếc quạt thước thay ba toong, chân bít tất dận giày mõm nhái Gia Định. Năm ấy Nguyễn Tuân cũng chỉ khoảng trên ba mươi đôi chút". Rồi ống kính gần đối tượng hơn nữa khi: "Rồi thì tôi xem Nguyễn Tuân đóng vai người đi săn ở kịch *Ngã ba* của Đoàn Phú Tứ. Tôi thấy Nguyễn Tuân thoáng mấy giây một cái bóng câm trong phim *Cánh đồng ma* của Đàm Quang Thiện". Nhìn thấy rồi nghe người khác nói về Nguyễn Tuân: "Một lần ở cuộc họp tổ bí mật, nghe Như Phong báo cáo thuyết phục Nguyễn Tuân vào nhóm Văn Hóa Cứu Quốc, chưa có kết quả. Nguyễn Tuân bảo Như Phong: "Ở Hà Nội, đứa nào Việt Minh, đứa nào tơrôtkit, đứa nào Đại Việt, Quốc Dân đảng, đứa nào bố láo cách mệnh mồm khoác lác, đứa nào ăn tiền mật thám, tớ biết cả". Vào đầu những năm bốn mươi (thế kỉ trước) thì: "Những cái biết của tôi về Nguyễn Tuân hồi ấy chỉ mang máng thế". Nhưng rồi hoàn cảnh đưa đẩy, cuối cùng thì Nguyễn Tuân và Nam Cao là hai nhà văn lớp tiền chiến gần gũi nhất với Tô Hoài từ sau năm 1945. Trong *Cát bụi chân ai*, Tô Hoài dành cho Nguyễn Tuân một số trang đáng kể, từ đầu đến cuối tác phẩm. Về sau khi đã thân cận, gần gũi Tô Hoài đã nhận ra những thăng trầm trong đời và trong nghề ở bạn văn của mình: "Những năm về sau, Nguyễn Tuân vẫn làm việc cho viết, vẫn khắc khoải sự viết, mà không viết bao nhiêu". Hình như chỉ có Tô Hoài mới giải thích được thấu đáo vì sao Nguyễn Tuân vẫn "khắc khoải sự viết" mà lại "không viết được bao nhiêu": Nguồn cảm xúc mới chưa được thật chín

nhuyễn như hồi trước năm 1945 với những gì "vang bóng một thời" đã ngấm vào trong máu, đã như là khí trời, thậm chí như là men đời. Trong một bức thư gửi Tô Hoài đề ngày 12-6-1966, Nguyễn Tuân viết: "Cái quà quý nhất ông sẽ kể cho tôi nghe sau này tôi nghĩ rằng phải là những cảm xúc về huyện Mường Tè biên giới và đầu nguồn sông Đà!". Chúng tôi nhấn mạnh hai chữ cảm xúc trong trường hợp này chính là nhiệt hứng đi nhưng có thể chưa đến của Nguyễn Tuân, như trong một bức thư gửi Tô Hoài đề ngày 28-6-1966: "Ông cố nhớ hộ nhiều chi tiết Mường Tè - cái nơi tôi chưa được đi tới và ông thì đang đi tới". Cái khoảng cách giữa Tô Hoài và Nguyễn Tuân được rút ngắn gần đến mức biết rõ bạn văn của mình sợ mùi tỏi, không ăn mắm tôm, phở chỉ ăn phở bò chín, thích uống rượu vang, ăn xúc xích hun khói, và có nhiều cái "không" (không biết bơi, không biết ngồi ngựa,...).

Là người viết văn xuôi nên trong hồi ký của mình Tô Hoài rất sành về các chi tiết. Ai đó nói chí lí: "Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn". *Cát bụi chân ai* và *Chiều chiều* là một kho tàng các chi tiết về xã hội hiện đại, con người đương thời trong những biến thiên của thời cuộc và nhân tình thế thái. Tô Hoài hay viết về "miếng ăn" trong khi dựng chân dung các bạn văn nghệ sĩ. Với Nguyên Hồng, thì món khoái khẩu là rau bà đẻ: "Khi bị đày lên Bắc Mê, tao ngồi viết được cả tập bút ký Cuộc sống, lại còn sống và dò về được Nam Định rồi lấy vợ cũng là nhờ ở cái phải gió ấy của trẻ sơ sinh. Mẹ tao ngâm rượu mật ong gửi lên. Bây giờ một cái rau ăn tươi cả nhà được tẩm bổ". Nguyên Hồng cười hể hả". Trong tiếng cười hể hả ấy có cái niềm vui sống, vôt tư và bản năng của Nguyên Hồng, và cũng phản ánh một thời kì gian khổ thiếu thốn của toàn dân, đặc biệt là giới văn nghệ sĩ. Với Xuân Diệu thì cái sự ăn uống rất đậm nét. Thi sĩ rất khoái khẩu món thịt chó nhưng không mấy khi ra hàng ăn mà mua về tự làm: "Xuân Diệu cũng không đụng đến thịt chó hàng. Xuân Diệu mua thịt chó sống, mỗi tuần lễ đánh chén hai lần vào ngày nhất định. Trong thành phố có nhiều quán thịt cầy, mà không có hiệu bán thịt chó sống. Xuân Diệu đã có thổ địa mua quen". Đó là cá tính cần kiệm, thậm chí hơi tính toán chi li của thi sĩ. Nhưng trong con mắt cuả Tô Hoài thì đó là "chỉ hồn nhiên như Xuân Diệu mới lạ". Thậm chí: "Xuân Diệu dạy tôi khi nào đứng đái thì cắn chặt hai hàm răng lại, như thế sẽ ăn khỏe chẳng kém hàng ngày uống vitamin B". Tôi ghĩ, viết như thế là theo triết lý lão thực ở đời◆

Người đo thời gian bằng tóc

○ MAI BÁ ẤN

Phải xin nói ngay rằng, với thơ Hoàng Vũ Thuật, giải mã "ẩn ngữ" một câu, một đoạn, một bài đã là chuyện khó. Giải mã một tập thơ để tìm "vệt đi đồng sáng tạo" lại càng khó hơn. Và tất nhiên, giải mã một đời thơ anh để tìm thi pháp tác giả cũng không hề là chuyện dễ dàng. Nhà thơ Thanh Thảo từng nói: Thơ *"mãi mãi là bí mật"*. Cái khó khăn khi đọc thơ Hoàng Vũ Thuật chính là ở đó! Cái hấp dẫn của thơ anh cũng chính là ở đó! Nó mãi mãi "vẫy gọi" người đọc hướng về phía mông lung của chữ nghĩa, nhiều lúc dễ làm người ta "quáng gà", bất lực trước ma lực. Hơn cả những "khối vuông ru-bic", tôi hình dung mỗi bài thơ anh như một cấu trúc đèn led hiện đại, nó tỏa ra muôn màu huyền ảo, đan xen sáng tối, đan xen sắc màu, trùng trùng những vùng tưởng tượng... Cứ như một con kỳ nhông biến sắc, lúc gặp sắc nghĩa này, hốt nhiên lại hiện trước mắt một sắc nghĩa kia, nghĩa thực - nghĩa ảo, nghĩa cụ thể - nghĩa mông lung, nghĩa phái sinh nghĩa, hình ảnh đan xen - nối tiếp hình ảnh...

*"Một mai gió chở tôi về"** của Hoàng Vũ Thuật đa dạng về nội dung, mỗi nội dung lại đa nghĩa, đa tầng, luôn gọi mời người đọc. Đó chính là sức gợi của lý thuyết liên văn bản (intertextuality) mà mỗi bài thơ tự mở ra. Từ dòng sữa của ca dao - dân ca: *dòng sữa ngọt vành môi sinh nở/ cánh cò vẽ khung trời bình yên/ từ tay*

chị bước ra (Dòng phấn trắng) đến truyền thống cha ông *"Đầu Mâu vi bút, Hạc Hải vi nghiên", cọc gỗ Bạch Đằng,* sang "hoang đường" cổ tích: *tôi đã gặp chú gấu thò ra trong cổ tích/ chùm chìa khóa rơi vào chốn hoang đường* (Cơn ghen của bầu trời)..., rồi mênh mông buồn tràn qua thơ tiền chiến với Lưu Trọng Lư ngơ ngác nai vàng và nhạc hậu chiến một thời bế tắc của Trịnh Công Sơn: *rừng xưa đã khép lá xưa đã úa/ tiếng nai hay/ tiếng người/ lửa muốn bén vào thu* (Nai vàng)... Không dừng lại ở đó, thơ anh còn như con sóng lan tỏa sang cả những liên văn bản của văn học thế giới như *Quách Mạt Nhược, Victo Huygo, Sêch-xpia, Drunvalo Melchizedek, Eptusen-ko, Pautopxki và đến cả "bức ảnh bác sĩ trẻ Piter, người Cu Ba, lấy đầu bịt họng súng"...*

Trong thơ Hoàng Vũ Thuật có cả Phật từ bi - hỉ xả - trọng tình, u u tiếng kệ lời kinh vang xen trong tán lá bồ đề thâm mật: *ta muốn quay ngược đài hoa/ tìm mùi thiền/ cửa từ bi rộng mở/ những cánh thơm ứa mật* (Ý nghĩ ngược), có cả Chúa nhân từ - đầy quyền lực với thánh đường vút nhọn những tháp chuông quyện vòm cong những khung cửa mơ màng một vòng tay bác ái: *trái tim vắng thánh đường sau hồi chuông vỡ/ vết mực loang trên tà áo trắng/ có gì vẹn nguyên/ có gì dừng lại* (Nghịch lý); t*rong hoàng hôn cuộc đời gãy cánh/ hai tay đóng đinh trên thập giá của mình* (Người hành khất)... Nhưng dẫu là Chúa hay Phật thì thơ Hoàng Vũ Thuật vẫn quy về một cõi Thiện, cõi Thiền với triết lý và tư tưởng nhân văn cao rộng "nở trên trang sách bàn tay": *tôi thức giấc sau niềm hạnh phúc/ câu kinh hay câu thơ/ thanh/ trong/ hoa có thì/ nở trên trang sách bàn tay* (Những ghi chép cần thiết). Dù sinh trưởng trên vùng đất Quảng Bình, thơ Hoàng Vũ Thuật vẫn ngợp một sắc "cỏ xanh" chống chọi cùng gió cát: *tôi ôm hoa/ hướng về những mũi tên tẩm thuốc/ của linh hồn mục rữa/ kẻ ganh tị bắn vào tình yêu/ tôi nghe lá rụng rơi/ trên thảm cỏ/ hàng cây rung sau lần tróc vỏ* (Rừng sao không tắt), theo nhịp ca của tiếng dế giun: *ý nghĩ đứng bên nhau thánh thiện/ ngân khúc ca của loài giun dế* (Ý nghĩ ngược) cùng những "sợi chỉ khâu" vá víu cuộc đời: *câu thơ dài như sợi chỉ khâu áng mây vỡ/ sau vòm cao chiều muộn* (Biến tấu)... Có những "chiếc mỏ neo" neo thơ vào cuộc sống: *câu thơ dở dang neo trên giấy trắng/ áng mây hay cánh buồm trôi/ mắt em ngấn sóng* (Ngấn sóng), có anh... như một "mặt trời cô độc" đợi bên sông: *những buổi chiều những buổi chiều buồn/ mình anh qua đây/ nhịp cầu nối nhau dằng dặc/ bóng trôi/ lạc/ lõng/ giữa dòng/ mặt trời cô độc đứng đợi bên sông* (Mặt trời cô độc)... Có những "hoài

nghi thân phận", đôi khi *dù anh là nhà thơ hay tên trộm/ không thoát khỏi tiềm ẩn các nguy cơ/ muốn mình là mình/ cũng không được* (Mặc định). Nhiều lúc thấy con người cứ lạc lõng, bơ vơ trước dòng trôi thời gian, dù mình là hiện hữu của tiền thân "bốn nghìn năm trước" hay trở thành hậu thân là "kẻ khác" của "bốn nghìn năm sau": *nhiều khi ngỡ mình đã biến khỏi bốn nghìn năm trước/ thành kẻ khác bốn nghìn năm sau* (Thượng đế). Và thân phận của kiếp người đang "cuống cuồng", "thảng thốt" bất an giữa "cuộc đời cứ mong manh trôi nổi": *rồi em cuống cuồng chợt nhớ chợt quên/ thảng thốt như căn nhà bốc cháy/ ngày ấy giờ ấy năm ấy/ cuồn cuộn sôi từng đợt sóng chẳng dừng/ sao cuộc đời cứ mong manh trôi nổi/ em hay là lá cuối thu đây* (Cuộc đời cứ mong manh trôi nổi) khi môi trường sinh thái tự nhiên đang ngày càng bị con người tàn phá một cách chẳng tiếc thương:

Liệu mùa thu có phẫn nộ và cho rằng: con người sao ngớ ngẩn dám đem mình để sánh với thiên nhiên, với cả vũ trụ sinh thành, cô kết.

Đã rất lâu, rất lâu tôi muốn ngỏ với thiên nhiên huyền diệu ấy. Tôi tin sự huyền diệu của thiên nhiên sẽ hiểu tôi một cách lặng lẽ, tường tận, mà giác quan người đời không tài nào cảm nổi (Mùa thu ơi)...

Chính vì thế, không gian nghệ thuật thơ Hoàng Vũ Thuật thường từ cụ thể với gió cát hằng ngày rồi theo gió bay về phía mênh mông, vô cùng của vũ trụ. Thời gian nghệ thuật cũng mở ra đến vô hạn lượng; từ hiện tại, ngược về quá khứ, hướng thẳng đến tương lai những mấy nghìn năm: *một buổi sáng cuối năm 3017 ông được hồi sinh/ khi tạo hóa muốn cho ông làm người* (Hồi sinh)...

68 bài thơ trong tập *"Một mai gió chở tôi về"* hiển hiện phận số mong manh, tuyệt cùng của kiếp người trước dòng trôi bất tận, bàng bạc thi ảnh những sợi tóc bay theo con gió vô thường. Cơ hồ như Hoàng Vũ Thuật đang đo không gian, đếm thời gian bằng tóc. Vì thời gian và không gian luôn là một cặp song trùng.

Đó là thời gian tràn đầy "sự sống" với những "nụ biếc" bật dậy vào "mỗi ban mai". Nhưng "sự sống" thực tại không chỉ của thực tại mà còn được thi sĩ nối về tận thế kỷ xa xưa, lúc "thằng gù nhà thờ Đức Bà Pari... nặng nhọc hồi chuông nhà thờ nguyện". Ban mai của nụ biếc hôm nay bật lên "sự sống" hay chính hồi chuông của thế kỷ xa xưa làm "run rẩy sợi tóc" thời gian: *anh tin em mỗi ban mai bật thêm nụ biếc/ run rẩy sợi tóc/ hồi chuông nhà thờ nguyện/ Quasimodo/ nặng nhọc/ kéo/ thế kỷ trước* (Sự sống).

Nhà thơ như đang đếm bước mình trong một không gian hẹp

quanh khu phố, con đường dẫn đến "nhà em". Nhưng không! Đâu chỉ có không gian dãy phố mà Hoàng Vũ Thuật còn mở rộng các chiều kích của không gian và xen kết không gian thực với không gian ảo:

hết dãy phố này là nhà em/ hết mặt trời này là vòng xoay của trí tưởng tượng/ hết mái tóc này là ngọn đồi bạch dương/ trong rừng có loài linh điểu (Trí tưởng tượng).

Trong không-gian-tóc-em có một con chim cụ thể đang hót hay chính là con-chim-thời-gian mãi hót! Có lẽ là cả hai, vì tiếng chim hót ấy "sẽ khôi phục ánh sáng ngày rút từ đêm xõa trắng" để rồi cả Đại vũ trụ (mặt trời) thu về trong Tiểu vũ trụ (mắt em). Và cái Dasien thời gian "nhận ra tôi" hiện lên đầy bí ẩn trong sat-na chỉ "một búng tay", chỉ trên không gian hẹp của "chiếc gai nhọn" cũng đủ mở ra cả một cuộc hành trình: *có một con chim trên tóc em vẫn hót/ mặt trời khôi phục ánh sáng ngày/ rút từ đêm xõa trắng/ mặt trời trong mắt em bừng thức/ bấy giờ mới nhận ra tôi cùng cái bí ẩn từ một búng tay/ em nói cuộc chạy trốn trên những chiếc gai nhọn/ đã kết thúc* (Sự nhầm lẫn của người đãng trí).

"Tóc em" hẳn còn xanh trong "ánh sáng ngày", nhưng "ánh sáng ngày" lại là kết quả "rút từ đêm xõa trắng". Hoàng Vũ Thuật đã đem cái cụ thể đang hiện tồn để đo đếm những dự phóng trùng trùng vô lượng, vô biên. Âm âm trong ta ý tưởng của M.Heidegger: "Con người không sống trong không gian và cũng không sinh hoạt trong không gian mà chính đời sống sinh hoạt của Dasein (cái đang hiện hữu/hiện thể) đã phát sinh ra không gian và thời gian. Nó phát sinh ra không gian, bởi những ý niệm căn bản nhất của không gian, như trước - sau, trong - ngoài, v.v... đều xuất phát từ con người và nếu không có con người là trung tâm với những ý niệm thì tất cả những khái niệm không gian và thời gian đều mơ hồ, nếu không muốn nói là vô nghĩa" (Trích theo Nguyễn Lê Thạch, *Tồn tại và thời gian*, doc. edu.vn). Theo triết lý Âm Dương Ngũ Hành của phương Đông, con người là một Tiểu vũ trụ (trung tâm vũ trụ), cho nên con người thường lấy Tiểu vũ trụ (mình) để đo không gian (lấy lóng ngón tay mà đo) và đếm thời gian (lấy đốt ngón tay mà đếm) Đại vũ trụ. Sự gặp gỡ Đông - Tây trong thơ Hoàng Vũ Thuật chính là như thế! Đơn vị nhỏ nhất người xưa dùng để đo đếm không gian, thời gian chính là đốt ngón tay (thốn), đến thời hiện đại, Hoàng Vũ Thuật đã rút về chỉ còn là sợi tóc.

Đọc thơ Hoàng Vũ Thuật, ta luôn bắt gặp những ngọn gió không gian bay qua, những cánh chim thời gian chao trên mái tóc giữa Dasein đang hiện hữu (em

đã đến) để nối "nghìn kiếp trước cho nghìn kiếp sau": *em đã đến/ rất có thể em sẽ vuốt tóc anh như gió vuốt nhọn những cánh chim/ về miền cô tịch/ ta lại chuyền hơi ấm của nghìn kiếp trước/ cho nghìn kiếp sau/ nói lời tiễn biệt/ bây giờ mọi thứ không còn ý nghĩa* (Phiến hoa hồng trầm cảm). Chỉ ba câu thơ dưới đây thôi, đã cho ta cái cảm giác ngẩn ngơ giữa một không gian Hà Nội bao la và cả thời gian hơn một nghìn năm Thăng Long - Hà Nội, một không gian đầy hoa sữa đang hiện hữu và tỏa hương qua cái sat-na cụ thể "vốc ngụm hương thả vào mái tóc" của phút yêu đương "ngày ấy":

vốc ngụm hương thả vào mái tóc ngày ấy/ Hà Nội chờ ai/ sao hoa cứ thơm nồng (Hoa sữa đầu mùa).

Đọc đến câu thơ: "những con thằn lằn chui vào tóc", nhiều người sẽ không khỏi buột miệng cười hoặc thốt lên "thơ với thẩn". Vì "con thằn lằn" chui vào tóc chỉ khiến con người ta giật mình hoảng sợ, vì nhà thơ đã đem cái thô tục, quái dị "chui vào" cái đẹp biểu trưng. Đúng là đáng giật mình. Nhưng ta đang giật mình vì chợt ngộ ra rằng, cái tiếng Thạch sùng (Thằn lằn) chắc lưỡi trong không-gian-đêm trên mái nhà ta đang ngủ chính là chiếc-đồng-hồ-đo-đếm-thời-gian cả một kiếp người. "Khoảnh khắc mặt trời tô son lên môi" (người đẹp đang trang điểm!), "từng sợi tóc ướt" mỏng manh, bé nhỏ kia đã mở ra cả không-gian-thế-giới mênh mông "đổ về cánh rừng nước Ý" làm "tan chảy" lòng người, "cứu rỗi" đời người trước những cái đẹp của thời-gian-cổ-xưa: *những con thằn lằn chui vào tóc/ trong khoảnh khắc mặt trời tô son lên môi/ từng sợi tóc ướt/ đổ về cánh rừng nước Ý/ mọi thứ khởi đầu nhẹ nhàng của hơi thở/ sự lặng im cứu rỗi/ tan chảy* (Nơi bức tường cổ xưa).

Sợi tóc là một hình ảnh cụ thể, mỏng manh. Người ta thường nói: ranh giới giữa những cái tưởng chừng đối lập chỉ cách nhau một sợi tóc. Dừng lại là thiện, vượt qua là ác. Hoàng Vũ Thuật lại đo thời gian vô lượng kia bằng sợi tóc mong manh thì quả là thơ anh cứ phơ phất, mong manh như gió, vẩn vơ như mây bay, bất định giữa trời: *không ai theo hết/ những áng mây đang bay/ những con đường chưa tới/ lặn tận đáy hố đen sâu thẳm/ nhưng anh tin chẳng hố đen nào hút được/ khi anh từ đó bơi ra* (Phục hưng). Anh hiểu cụ thể từng bước đi của thời gian khi "đồng hành với nó". Nhưng khi "anh đã vượt lên bỏ lại phía sau những sợi rụng", anh vẫn biết "thời gian không chết", vẫn "trẻ trung như gió" và nhận thấy gương mặt nó rất hiền: *đang đo thời gian bằng tóc/ anh hiểu bước chân thời gian/ khi anh đồng hành với nó/ khi anh vượt lên bỏ lại phía sau những sợi rụng/.../ nhưng*

thời gian không chết/ trẻ trung như gió như ánh sáng dịu dàng/ thời gian mải miết một chiều/ anh nhận ra thời gian với gương mặt rất hiền/ chẳng khác gì đàn bướm trắng (Thời gian). Nghĩa là cái Dasien hiện có của thời gian luôn được nhà thơ nắm bắt, để từ đó nghiệm ra ý nghĩa thời gian. Xưa nay có mấy ai nhìn được gương mặt thời gian, nhưng với Hoàng Vũ Thuật, gương mặt ấy hiện hiện rất rõ ràng như "một đàn bướm trắng" đang bay giữa không gian vườn xuân - vườn của cuộc đời. Thời gian nghệ thuật của thơ Hoàng Vũ Thuật luôn luôn gắn chặt với không gian. Khi anh nói "giết thời gian bằng tóc" đưa ta đến cảm giác nhận diện của màu (từ xanh sang bạc), nhưng khi anh ném sợi tóc kia vào "khoảng không ngu ngốc" thì "không gian ngu ngốc" lại hòa trộn với "thời gian đương thì" (cái hiện hữu) và nối cả với "thời gian thao thức" (cái khả hữu): *họ cho anh ác độc giết thời gian bằng tóc/ ném vào khoảng không ngu ngốc/ ném vào thời gian đương thì/ hay lúc thời gian thao thức/ đếm từng ngọn đèn vàng trong khuya* (Thời gian). M. Heidegger quan niệm: Để đạt được cái khả hữu, con người phải tự vượt qua hiện hữu của chính mình; tự bỏ lại cái hiện nay của mình để vươn tới một hiện hữu ẩn hiện trước mắt - khả hữu (sein-koennen, pouvoir-être). Hoàng Vũ Thuật đã "dự phóng" (project) về sự hiện-sinh-đích-thực-phía-trước, nên khi "thảng thốt" nhận ra "thêm một sợi tóc cuối chiều" rơi xuống, anh không bế tắc, chán chường mà "kiêu hãnh nhặt lên như một chiến tích" của chính mình:

thêm sợi tóc cuối chiều thảng thốt rơi/ tôi kiêu hãnh/ nhặt lên/ như chiến tích (Chiến tích).

Viết về người thân (cha, mẹ...), thơ ca Việt thông thường miêu tả họ là những người nông dân chân thật, cần cù, chịu thương chịu khó một cách giản dị, đơn nghĩa. Nhưng với Hoàng Vũ Thuật thì không. Cái Dasien "cha vội vã ra đi rời khỏi ngôi-nhà-nước-mắt khi con mới lên hai" đã ám ảnh nhà thơ suốt mấy chục năm trời, vì thế anh cảm nhận về cha một cách khái quát hơn bằng những biểu trưng để ai cũng nhận ra rằng, dù đã rời xa trần thế bấy nhiêu năm, cha vẫn đang hằng ngày dìu từng bước anh đi, nâng cánh cho anh bay vượt qua muôn trùng "núi đồi", "mây bạc", vươn đến những "vì sao lấp lánh" và nhận ra những chân lý trên đời cho dù anh "không thể hình dung ra gương mặt" người cha ấy: *không thể hình dung ra gương mặt cha/ người mang tình yêu vĩnh hằng giáng thế/ con có thể ngắm cha qua dải ngân hà/ qua tinh thể cát/ nâng đôi bàn chân/ lớn khôn* (Phụ bản cát). Và chính cha chứ không phải đấng tối cao nào khác đã "lấy hai cánh tay" trần thế của mình "cắm xuống

bão giông" "cho con đứng thẳng" làm người. Chính cha là Thiên-Chúa-Trần-Gian đóng đinh trên "cây thập giá" nâng đỡ cả cuộc đời con:

cây thập giá mọc từ hai cánh tay/ như ngọn sào cắm xuống bão giông/ cát cho con đứng thẳng/ trong ánh sáng thiên thần thiêng liêng (Phụ bản cát).

Rồi cái phút giây "những bức ảnh lưu trong trí nhớ", trong không gian "bầu trời dày sương", qua thời gian đã "phủ lớp bụi mờ" giữa dòng đời "tứ phía xoay tròn" đầy biến động lại là cái vĩnh viễn hiện tồn: "bức ảnh vẫn đứng yên, lóe sáng từng tia chớp dán trên tường xanh bầu trời" cho dù những bức ảnh ấy không biết "bây giờ đang ở đâu" trước "mùa đã chuyển, ngày đã mới": *những bức ảnh biết nói/ bây giờ đang ở đâu/ ở đâu/ mùa đã chuyển/ ngày đã mới/ anh vẫn hình dung bức ảnh đứng yên/ anh vẫn thấy bức ảnh lóe sáng từng tia chớp/ dán lên tường xanh bầu trời* (Những bức ảnh lưu trong trí nhớ)... Vì vậy, trong sáng tạo thơ ca, anh luôn xuất phát từ "một cái cây ra đi" chẳng biết "phương trời nào đón nhận" (Hoài nghi: tồn tại hay không tồn tại?) cho đến lúc "ánh nắng làm thước kẻ dòng... trên tấm ván cùng những trang phác thảo" hình thành. Anh đi từ sơ khai "thứ ngôn ngữ nằm im mang dáng bào thai" đến "âm tiết đầu tiên là tiếng khóc chào đời" giữa "cuồng phong hoang dã", đến "dấu chấm hết" rồi "dấu chấm nữa" (...) để hình thành bài thơ "ký thác cuộc đời": *một cái cây ra đi/ phương trời nào đón nhận/ làm sao biết được số phận mình/ tồn tại & không tồn tại/ / đứa con tưởng tượng tôi ơi/ thứ ngôn ngữ nằm im trong bào thai của mẹ/ âm tiết đầu tiên/ là tiếng khóc chào đời/ đã ngập chìm cơn cuồng phong hoang dã/ / dấu chấm hết rồi tiếp dấu chấm nữa/ ánh nắng làm thước kẻ dòng/ tôi ký thác cuộc đời/ trên tấm ván cùng những trang phác thảo* (Chiến tích). Anh đã đi từ hiện-sinh-không-đích-thực ("tồn tại & không tồn tại") đến cái hiện-sinh-đích-thực-phía-trước khi sáng tạo những bài thơ "ký thác cuộc đời". Nhưng "chiến tích" đâu chỉ dừng ở "tấm ván những trang phác thảo" ấy? Khi thấy "một cái cây ra đi" để hình thành nên "tấm ván cùng những trang phác thảo", những tưởng nhà thơ đã đặt "dấu chấm hết" ở đó rồi. Nhưng không, anh lại thêm dấu "chấm nữa" (...) trên "những phác thảo trên tấm ván" kia để "một mai tôi sẽ là cây" với những rễ cây như "mười ngón chân đi xuyên lòng đất", như "chú dế mèn" hát ca nhiều cung bậc, như "kỳ nhông" đổi sắc và tạo nghĩa mới cho "loài sâu đêm cùng mở hội phong cầm":

một mai tôi sẽ là cây/ mười ngón chân đi xuyên lòng đất/ hệt chú dế mèn/ đám kỳ nhông mùa nắng đổ/ loài sâu đêm đêm

mở hội phong cầm (Chiến tích).

Hiện hữu của anh là "em", nhưng "cuối con đường" hiện hữu của hai ta thì "dòng sông" là khả hữu, khả hữu của "dòng sông" là "cánh rừng", khả hữu của "cánh rừng" lại là "chập chùng núi biếc", khả hữu của "cuối con đường trước anh và em có hai người thao thức - hai dải ngân hà loáng thoáng vừa lên": *nhưng với anh em là hiện hữu/ như cuối con đường sẽ gặp dòng sông/ như qua sông sẽ gặp cánh rừng/ như hết cánh rừng chập chùng núi biếc/ như cuối con đường trước anh và em có hai người thao thức/ hai dải ngân hà loáng thoáng vừa lên* (Cuối con đường).Và cuối cùng, cái khả hữu chính là sự bất tử của một tình yêu vĩnh cửu:

em phủ lên người anh mái tóc thơm mượt óng/ hóa thành đất ấm/ đắp cao nấm mồ tình yêu (Cuối con đường)...

Ta có cảm giác, thơ Hoàng Vũ Thuật cứ sau "dấu chấm hết" là "dấu chấm nữa" (...). Đây chính là những đường-bay-nghệ-thuật độc đáo của thi pháp Hoàng Vũ Thuật khiến cho bài thơ mọc cánh bay (dự phóng) về một hiện-sinh-đích-thực-phía-trước:

nơi em vẫn ngồi cùng câu thơ mọc cánh/ chúng bay như lũ bướm quanh hồ/ em đã đọc lúc vắng anh/ giữa bầu trời lạnh buốt (Giả sử)...

Cũng như các tập thơ khá nổi tiếng trước đó của anh, còn rất nhiều chuyện để nói về "Một mai gió chở tôi về", nhưng thôi, sức người có hạn, tôi thành thực thưa rằng: những cảm nhận của tôi trong lời giới thiệu này cũng chỉ là một sat-na biến sắc của con kỳ nhông thơ đa dạng Hoàng Vũ Thuật mà thôi. Không biết trong những người "bạn" mà Hoàng Vũ Thuật "biết... đã tìm ra chân trời" là "cái đường viền cô đơn níu lòng người ở lại" ấy, có sự hiện diện của người viết bài này hay không? Nhưng không sao! Vì theo anh: Có những điều ta "không thể viết ra bằng chữ": *không thể viết ra bằng chữ/ ý tưởng trong những áng mây khi thấy khi không/ chập chờn giấc ngủ muộn/ những hòn sỏi trắng/ nhặt lên/ &/ ném// nhưng tôi biết bạn đã tìm ra chân trời/ cái đường viền cô đơn/ níu lòng mình ở lại* (Có thể là một bài thơ).

Thơ là sản phẩm của sự tột cùng đơn độc của nhà thơ, nhưng cũng chính thơ đã giúp con người "tìm ra chân trời" và "níu lòng người ở lại". Xin cảm ơn thơ, cảm ơn Hoàng Vũ Thuật. Và vui mừng giới thiệu tập thơ *"Một mai gió chở tôi về"* cùng bạn đọc gần xa...◆

Làng Yên Phú,
Quảng Ngãi, Hạ 2019

---

* *Một mai gió chở tôi về* - Thơ Hoàng Vũ Thuật, Nxb. Hội Nhà văn, 2019.

Trần Cao Duyên và Lời ru sông Vệ

○ TRẦN THU HÀ

Có một người làm thơ trầm lặng, hiền hậu và tâm hồn mềm như cỏ (nhưng không hề yếu đuối). Tôi cảm nhận về tác giả bài thơ LỜI RU SÔNG VỆ như thế. Thơ Trần Cao Duyên đóng đinh nơi tâm hồn mỏng mảnh của tôi những cảm xúc rất thật, da diết và hiền. Sẽ không ai bỏ qua được những câu thơ như thế này (và nhiều hơn thế nữa) của Trần Cao Duyên: *Đêm chờ xuân chăm chút mấy nhành hoa/ Ta vô ý đánh rơi chiếc bình ngày cưới/ Những mảnh vỡ trước giao thừa lầm lỗi/ Có khi nào lành lại với thời gian?*

Tôi dường như bị ám ảnh bởi nỗi niềm riêng thật sâu đầy day trở và trong liên tưởng ấy, tôi ngộ ra vì sao bài thơ này thao thiết thế? Lần này, theo "lời ru sông Vệ", Trần Cao Duyên đưa tôi ngược thời gian về với tuổi hai mươi của anh (mà cũng là của tất cả chúng ta, chỉ khác là, mỗi người sẽ có một câu chuyện tuổi hai mươi của riêng mình): *Ngày em hai mươi tuổi/ Đôi mắt xanh sông Vệ ngẩn ngơ chiều/ Chim mách lẻo nơi em ngồi giặt áo/ Anh trên cầu nhắn gió những lời yêu*

Chắc chắn đây là câu chuyện tình yêu đầy mơ mộng bên dòng sông Vệ mênh mang kỉ niệm và đáng nhớ, điểm nhấn tuổi hai mươi Trần Cao Duyên chính là *"đôi mắt xanh"* thao thiết khiến cả buổi chiều *"ngẩn ngơ"*, đắm đuối. Có lẽ, đó là lý do vì sao tác giả tự nguyện trói buộc hồn mình vào đôi mắt ấy để rồi không biết có phải nhờ *"chim mách lẻo nơi em ngồi giặt áo"* hay người trong cuộc đổ vấy cho chim để *"hợp thức hoá"* hành động đứng "trên cầu nhắn gió những lời yêu" của mình?

Cứ thế, Trần Cao Duyên đưa người đọc vào kí ức tình yêu của anh thật tự nhiên:

Buổi hò hẹn nghe tim mình rối nhịp/ Anh vu vơ chuyện đám cưới nhà người/ Em bứt lá thả hoài trên sóng nước/ Đăm đắm nhìn bươm bướm trắng bay đôi

Vậy là tình yêu đã được ghi dấu bởi những buổi hẹn hò hồi hộp đến *"rối"* cả nhịp tim. Cả *"anh"* và *"em"* đều vụng về đến dễ thương (và trong trẻo nữa)! Mới chỉ cùng

chiều sông Vệ *"ngẩn ngơ"* trước *"đôi mắt xanh"* thôi, người thơ đã *"vu vơ"* kiểu Xuân Diệu từng *"vu vơ"* trong một buổi *"chiều mộng"* của *"lần đầu rung động nỗi thương yêu"*, lòng tự lắng *"nghe ý bạn"* rồi tự tin *"tuyên bố"*: *"Lòng anh thôi đã cưới lòng em"* để nghĩ về một *"đám cưới"* trong mơ...

Nhưng, những trắc trở trong tình yêu vốn là quy luật, người thơ làm sao tránh được: *Rồi lận đận mấy mùa trăng hao khuyết/ Anh mang chở tình em trên đôi cánh hao gầy/ Ngày gặp lại nhìn dòng sông cạn nước/ Dải cát buồn con bướm lẻ loi bay*

Dễ dàng nhận ra những *"lận đận"* trong câu chuyện tình yêu tưởng đã thành đôi. Thời gian *"hao khuyết"*, hi vọng cũng dần *"hao khuyết"* và kết thúc thật buồn trong hình ảnh *"dòng sông cạn nước"* cùng *"con bướm lẻ loi bay"*. Bao tiếc nuối dịu dàng lắng lại thật sâu: *Anh đứng lặng nơi em từng giặt áo/ Đôi mắt xanh ngày ấy khuất đâu rồi/ Chỉ còn lại lời chim và tiếng gió/ Em sang đò lên phố thị xa xôi*

Bây giờ thì đã rõ, người thơ tìm về chốn cũ, *"đứng lặng"* và dõi mắt nhìn dọc bờ sông tìm bóng dáng người thương nhưng chỉ gặp *"lời chim và tiếng gió"*. Những thanh âm ấy vẫn thiết tha như ngày nào, vậy mà *"em"* đã *"sang đò"* rời chốn quê *"lên phố thị xa xôi"*. Phải chăng vì *"hoa đến kì hoa phải nở"*, *"đến duyên em thì em phải lấy chồng"*?

"Lời ru sông Vệ" khép lại dẫu có buồn nhưng chan chứa khát khao:

Tình một thuở xin nhờ sông chép nhạc/ Để mỗi lần qua đây nghe lại khúc ru buồn/ Em sánh bước bên cuộc đời kẻ khác/ Có nghe gió sông chiều xiêu lệch nhớ thương?

Người thơ chấp nhận thực tại không oán trách nhưng nghe ra hờn giận thì đã thành lời. Tuy vậy, người thơ vẫn *"nhờ sông chép nhạc"*, tôi thích ý thơ này quá đỗi nhưng không lý giải được vì sao mình thích? Thơ là thế, là chỉ cảm thôi, đừng cố công lý giải làm gì. Trong câu chuyện này, người thơ dẫu biết sông sẽ chép lại mối *"tình một thuở"* bằng những nốt nhạc buồn nhưng vẫn muốn được nghe *"khúc ru buồn"* ấy mỗi lần ngang qua dòng Vệ giang thương nhớ của riêng mình với câu hỏi chứa chan tình: *"Em sánh bước bên cuộc đời kẻ khác/Có nghe gió sông chiều xiêu lệch nhớ thương"*? Cái từ *"xiêu lệch"* sao hay quá chừng hay, nghe thương quá chừng thương. Chẳng biết *"đôi mắt xanh"* ngày ấy có thần giao cách cảm, lọc hết những âm thanh ồn ào nơi *"phố thị xa xôi"*, rồi tĩnh tâm mà động lòng trắc ẩn?

LỜI RU SÔNG VỆ đã chinh phục cảm xúc của tôi ngay từ lần đọc đầu tiên. Tôi thực sự bị cuốn vào câu chuyện tình yêu tuổi hai mươi của Trần Cao Duyên. Tôi yêu thích vô cùng tâm hồn thơ hiền hậu nhưng sâu sắc và mãnh liệt của anh◆

○ **LÊ HỒNG HÀ**

Chiều phố núi

Vượt qua bao đèo dốc
Đến với phố Trà Xuân
Phảng phất hương quế thơm
Trà Bồng chiều cuối hạ

Một hồi chiêng ngân lạ
Lễ người Cor đón chào
Một thoáng cơn mưa rào
Giữa đại ngàn sâu thẳm

Hoàng hôn trên phố núi
Sao mênh mang lòng người
Khói lam chiều nhớ nhớ
Làm ai chiều xiêu xiêu

Cà Đú như người yêu
Trắng mây chiều thác chảy
Nhớ Trà Bồng biết mấy
Thương Cà Đam mây bay !!!

○ **TRẦN THỊ CỔ TÍCH**

Ngắm phút cuối ngày

Trong tịch lặng hoàng hôn
Trà Khúc thay màu
lẫn vào mây
rực rỡ nắng phai

đừng vội vã em yêu
gió sông Trà mời gọi
hãy ngồi bên nhau chiều nay
ngắm phút cuối ngày

lắng nghe đàn cá bống lí lắc dưới lòng sông
nghe trẻ thơ lăn tròn tiếng cười trên cỏ
quên sáng nay không đủ tiền mua sữa cho con
quên trưa nay có người bạn vừa trở mặt
nhưng đừng quên
mang gió sông Trà về làm quạt
mát bữa cơm chiều

ngọn gió trầm quế
ngọn gió mía đường
ngọn gió tung tăng điệu hò ba lý
mơn man giòng sông yêu thương

ngày mai
những tia nắng lại khởi hành
ngày mai
cành nhúc hồi xanh.

○ **NGUYỄN ĐÔNG NHẬT**

Đối cảnh

Những năm tháng ở rừng để lại trong tôi
nhiều ánh sáng và bóng tối.

Chúng tôi nương theo đêm mà đi.
Ánh sáng bừng lên. Và bóng tối.
Nhưng bóng tối căm ghét chúng tôi
bóng tối ở trên cao những đèn pha cực sáng.

Bóng tối chao theo nhịp võng.
Mặt trời là bàn chân rộp lên, đường còn xa.

Ánh sáng. Và bầy đom đóm
vẽ bóng tối thành cơn gió lửa.

Tôi và bạn thường nhớ nhung một góc phố sáng ánh đèn
và giữ đến đau giữa ngực
bóng tối dưới chân những thành phố.

Mặt trăng giữa hố lá tre
xanh đến lạ một khuôn mặt thân quen.
Tên người thương không sao gọi nổi.

Nỗi sợ của chúng tôi là mai kia
sẽ quên đi màu nắng đại ngàn
sẽ ngạt thở trước ánh phản quang lừa dối.

Khi những tiếng động đã lặng im
tấm màn nhung rủ kín
còn một thứ gì trong tôi như bóng tối lấp lánh.

Đấy là tán lim vàng nơi đôi mắt bạn
trước khi nhắm lại dưới cánh rừng.
Mùi hoa khế tan trong giếng nước nhà em.
Đấy là tiếng hát đàn em trên sân trường vắng.

Ngày tháng ở rừng ngày tháng hôm nay
cho tôi bình tĩnh nhận ra
Bóng Tối
và Ánh Sáng.

○ **LÊ VĂN THUẬN**

Hương vị Lý Sơn

Tôi lại về với đảo Lý Sơn
Biển xanh mênh mông rì rào tiếng hát
Vách đá Hang Câu trưa hè dịu mát
Con sóng vô tình xô dạt đám rong rêu

Tôi lại về với đảo tiền tiêu
Sừng sững uy nghi cột cờ trên núi cao Thới Lới
Đứng giữa biển trời tung bay phấp phới
Màu quốc kỳ màu Tổ quốc thiêng liêng

Tôi lại về với biển đảo bình yên
Ruộng tỏi bãi ngô tươi màu xanh thắm
Bến cảng hoàng hôn khiến lòng người say đắm
Cổng Tò Vò rực lửa ánh bình minh

Tôi lại về với Đảo Bé xinh xinh
Hàng dừa nghiêng mình trầm tư soi bóng
Bãi tắm trong xanh lăn tăn từng cơn sóng
Ghềnh đá muôn đời vẫn đậm nét hoang sơ

Lý Sơn hiền hòa đẹp tựa giấc mơ
Ngày trở lại lòng bâng khuâng rạo rực
Mai xa rồi mang theo bao ký ức
Mãi đậm đà hương vị đảo Lý Sơn.

○ **HOÀNG THÂN**

Lời không hương phấn

Đêm phố núi
chợt tình xuân vừa đến
Khách lữ hành hoá một gã nhà quê
Úp mắt môi nghe bầu ngực vỗ về
Tim chết lịm
nghìn đê mê rạo rực

Đêm phố núi
bước chân về thao thức
Mặt hồ sương bảng lảng ánh đèn đêm
Tựa vào nhau nghe vai nhỏ thật mềm
Bên góc phố
tỉ tê lời tâm sự

Đêm phố núi
hái trăng về tình tự
Ngọc ngà em và trắng muốt khuya hương
Ngọt ngào môi và ngan ngát má hường
Lòng hạnh ngộ
mong đêm dài bất tận

Đêm phố núi
lời tình không hương phấn
Bọc yêu thương chất chứa đã bao ngày
Vỡ một lần quay quắt nhớ mãi sau
Bởi thực tại
mốt mai là quá vãng

Đêm phố núi đôi tình nhân chếnh choáng...

○ **NGUYỄN MẬU CHIẾN**

Nhớ lắm Trà Niên

Với những người con xa quê!

Vẫn một đời với câu nhớ, câu thương
Quê mình đó vấn vương hoài trong dạ
Phiêu dạt bao năm quê người, xứ lạ
Bươn chải ngược xuôi lòng vẫn nhớ về

Ơi Trà Niên tình mẹ - hồn quê!
Dòng sữa ngọt mạch nguồn chảy mãi
Cầu Văn Hà chút tình xưa gửi lại
Những đêm hẹn hò... giờ người ấy nơi nao?

Nhớ giếng Vuông in bóng nước trăng sao
Ai chải tóc, soi gương mỗi chiều, mỗi sáng
Vi vút dương reo tiếng chim gọi bạn
Sóng nhạc ân tình dào dạt ru êm

Khi xa quê nỗi nhớ rộng, dài thêm
Rộc Lổ Cá, xóm Mù U, cấm Sim, chợ Ngõ
Nhớ lắm Quýt Lâm, Cây Sung, núi Đọ
Đón đợi, tiễn đưa... một thuở quán Hồng

Quặn thắt lòng đau, nước mắt lặn vào trong
Ký ức Trà Niên một thời tang tóc
Thảm sát Tân An, Đồng Nà, Phú Lộc,
Hầm Xác Máu, Lâm Sơn... xa xót mãi trong lòng

Điệu hát Hố năm nào giờ có còn không?
Bao người nên duyên từ những đêm giã gạo
Nói dối mẹ thương nhau cởi áo
Cho nhau rồi chứ đâu phải gió bay

Trà Niên ơi, tình - mẹ - là - đây
Bồi hồi nhớ thương với bao kỷ niệm
Chái bếp nhỏ khói lam chiều tỏa quyện
Bao đứa con xa... dõi - mắt - trông - về!

○ **HÀ QUẢNG**

Những câu thơ tình

Tặng một em gái làm thơ

Những câu thơ tình em viết ra
Nhẹ êm buông lơi dòng suối chảy
Viết cho người này người kia lại hiểu...
Nên bâng quơ nhiều chuyện tùng phèo.

Chuyện thơ ca muôn đời là vậy
Có người chết oan dưới ngòi bút của mình
Anh viết lên đây không phải để thanh minh
Nhưng viết cho em để em được hiểu
Em làm thơ nên có nghiệp duyên tình
Em trách chi cuộc đời là thế!

Câu thơ tình em viết bằng trái tim rung động
Biết yêu thương biết hờn giận bao điều
Biết nói lên nhiều điều em muốn nói
Biết gửi trái tim mình vào chốn thương yêu.

Thơ ca vốn có đa tầng nghĩa
Người này hiểu tầng này, người kia hiểu tầng kia
Mỗi thời đại cũng có cách hiểu khác nhau
Câu thơ tình em viết ra có người hiểu thế này, thế nọ
Và có nhiều người nhầm hiểu chuyện vu vơ.

Thôi em yên tâm và cứ làm thơ
Để vần thơ tình em viết ra thêm trong trẻo
Để không còn những người nghĩ xiêu, nghĩ vẹo
Anh mong thơ em sống giữa đời thường.

○ **HUỲNH MINH TÂM**

Chiếc túi

những câu chuyện có thể đúng có thể sai
nhưng câu chuyện đời sống
& tình yêu
là một bí mật

bí mật để anh hít thở
bí mật để anh ăn uống
& nghỉ ngơi
bí mật để anh ân ái

anh tìm vào chiếc túi đời sống
chỉ được dăm hạt cát
chiếc túi rỗng

anh tìm vào chiếc túi tình yêu
chỉ được dăm bài thơ
chiếc túi rỗng

có thể vào đêm mười sáu
trăng chảy lai láng trên những vòm cây
anh ngẩn ngơ
gương mặt nàng hiện ra

rồi biến mất
câu chuyện đời sống
& tình yêu
là một bí mật

trái tim của anh ở đâu
những chiếc túi ở đâu.

○ **NGUYỄN HẠNH NHI**

Đừng là cơn gió qua nhau

Ta nghe trong giọt mưa chiều
Sắt se hoang hoải miền yêu khôn cùng
Đâu là được mất, riêng chung
Vin lòng mãi đợi trùng phùng ngày sau
Đừng khua, đừng chạm, đừng đau
Đừng làm cơn gió qua nhau lỡ làng
Xin đừng mặc cả thời gian
Tóc xanh điểm bạc, đá vàng cho nhau.

○ **HÀ HƯƠNG SƠN**

Đi qua miền hư ảo

thời gian như cơn lốc xoáy
cuộn cào cuốn phăng mọi thứ
những nụ hoa tươi nguyên những tấn rác rưởi
trôi về nơi không có bóng người

chiếc lá sẫm vàng đục
con đường làng không còn bóng dáng những hàng cây
đàn chim dáo dác vật vờ tìm bến đỗ
những làn đường nhựa những ngôi nhà cao sáng chói
thay cho những chiếc lá
niềm vui con người
nỗi buồn lũ chim

dòng sông trong vắt bầu trời đầy ánh sáng
đi qua miền hư ảo huyền diệu mịn màng
hạt mùa màng nảy nở trên đôi cách thời gian
tiếng hót ban mai chảy ròng ròng lộc nhú...

Từ ly cà phê sữa

○ **Truyện ngắn DILL MC LAIN (THỤY SỸ)**
ĐINH ĐỨC CẦN *dịch*

Chân dung nữ văn sỹ
DILL MC LAIN

Nữ văn sỹ Dill Mc Lain sinh ngày 30-11-1949 tai Zurich Thụy Sỹ. Bà viết truyện bằng Anh ngữ đăng trên các trang web trực tuyến. Tháng 7-2008 xuất bản tập truyện ngắn đầu tiên; tháng 10-2015 ra mắt tiểu thuyết đầu tay; tháng 12-2017 xuất bản tập truyện ngắn "Sophie trong thung lũng gió". Tác phẩm của bà có trên www.amazon.com.

Bà ngả người nâng ly cà phê sữa lên chuẩn bị thưởng thức giọt cà phê đầu tiên rơi vào cổ họng. Bất ngờ ly cà phê nóng rẫy tuột khỏi tay trượt qua bàn đổ xuống ống quần người trai trẻ cao lớn ngồi đối diện. "Ái chà! Người trẻ kêu lên nhìn thẳng vào bà giọng châm biếm: "Chúa ơi! Cái gì thế này? Đây có phải là cái cách làm quen hay kết bạn của phụ nữ hiện đại chăng?" Bà chết điếng, còn có thể nói gì được? Không rời mắt khỏi cậu trẻ, tay bà tìm chiếc ví trong túi xách lấy ra tờ 100 euro chìa ra trước mặt cậu: "Tôi rất xin lỗi! Tôi không chủ ý, chỉ do tuổi già hậu đậu. Xin hãy nhận lấy để trả công người giặt quần cho cậu và đừng làm ầm lên. Rất cảm ơn!". Cậu trẻ ngồi xuống im lặng trong khi bà gọi bồi bàn đến dọn sạch bàn và mang đến cho bà ly cà phê mới.

Họ ngồi im lặng nhìn nhau không nói một lời. Cuối cùng bà quyết định phá vỡ căng thẳng:

"Tên tôi là Edith 70 tuổi. Tôi đã góa phụ 2 năm nay. Khi cậu xuất hiện gợi tôi nhớ mối tình đầu của tôi 50 năm trước. Người yêu tôi giống hệt cậu: cũng dáng người cao lớn, cùng một kiểu tóc, nét mặt nhìn nghiêng cho đến cử chỉ, động tác... làm tôi giật mình và khích lệ tôi phải đi tìm anh ấy.

Họ bắt tay nhau. Chàng trai thở dài nói: "Tôi tên là Mirko 36 tuổi, kỹ sư tin học. Tôi bị mất việc vì không chấp nhận làm ca đêm cho công ty, tôi muốn theo đuổi đam mê vẽ tranh. Tôi cần có thời gian ban đêm để làm việc đó. Tôi đã lựa chọn 3 buổi mỗi tuần dạy tin học cho thanh thiếu nhi khuyết tật, còn lại làm bán thời gian tại một gallery trưng bày nghệ thuật. Ở đó tôi có cơ hội bày tác phẩm của mình. Anh đẩy tờ tiền qua bàn nói: "Tôi không thể nhận tiền của bà. Tôi tự giặt quần được. Tôi tôn trọng và quý bà như bà nội của tôi. Nhấp ngụm cà phê anh nói thêm: "Xin lỗi! Khí không phải, bạn trai của bà hiện ở đâu?" Cũng nhấp chút cà phê, dừng lại hồi lâu rồi ánh mắt bà bỗng sáng lên: "Tôi đã mất dấu vết anh ấy từ nhiều năm trước. Từ khi chồng mất tôi luôn nghĩ về anh ấy - nhất là từ khi đã nghỉ hưu. Khi cậu xuất hiện làm tôi nghĩ phải tìm cho ra anh ấy."

Mirko nghiêng người trên bàn về phía bà khẽ hỏi: "Thế thì tại sao bà không tìm kiếm ông ấy trên mạng? Mạng đã giúp rất nhiều người tìm được người thân." "Mạng gì?" bà ngơ ngác hỏi. "Internet ấy." "Cậu nghĩ Internet tìm được anh ấy à? Có chắc vậy không?" bà tỏ ra nghi ngờ. "Tất nhiên rồi. Bà hãy tin vào nó" Bà đặt khủy tay lên bàn: "Thú thực tôi chưa bao giờ quan tâm đến những thứ điện tử phức tạp ấy, mặt khác tôi cũng không có máy tính. Nếu quả vậy xin cậu vui lòng nói cho tôi biết cần phải làm gì để cài đặt nó?"

Ngọn lửa trong mắt bà bùng cháy lên niềm hy vọng khi Mirko giải thích và nói cho bà biết cần mua những thiết bị gì. Edith cảm ơn rồi nói: "Tôi sẽ mua ngay và cả máy tính xách tay nữa. Tôi sẽ trả công cho cậu. Giờ tôi có nhiều việc phải làm. Tạm biệt!"

Bốn giờ sau Edith ngồi trên ghế Sofa ở nhà nhìn chằm chằm vào bức ảnh cũ cách đây 50 năm. Trước mắt bà là một người đàn ông cao lớn, mái tóc dày xõa ngang vai, khuôn mặt điển trai và đôi mắt xanh cười thân thiện. Họ đính hôn được 2 năm, anh nói với bà sau khi tốt nghiệp trường thương mại anh chỉ làm việc 2 năm, tiết kiệm đủ tiền để thực hiện ước mơ của mình là mở một trường dạy thuyền buồm tại Australia. Đến thời điểm quyết định cô chưa sẵn sàng tới một đất nước xa xôi như vậy. Anh giận bỏ cô lại đi một mình. Năm 35 tuổi cô kết hôn với người đàn ông lớn tuổi hơn cô nhiều. Ông làm chuyên gia tư vấn quản lý cho một công ty. Nghỉ hưu được 2 năm ông qua đời. Kể

từ đó bà sống một mình, từ chối mọi quan hệ với những người đàn ông khác. Bà vui với nhóm bạn cùng sở thích. Bà nghĩ về ông thường xuyên, nhưng e ngại nếu tìm được chỉ làm ông phiền muộn thêm. Vả lại bà cũng không thể biết ông đang ở bãi biển nào trên đất Úc?

Ngồi trong gallery Mirko nghĩ ngợi về hoàn cảnh của mình. Làm giáo viên tin học bán thời gian thu nhập không được bao nhiêu. Tranh thì khó bán vì anh là họa sỹ vô danh. Hiện anh đang ở cùng cô bạn gái Mery trong một căn hộ nhỏ bé. Cô chơi violin trong nhóm nhạc tam tấu thường đi lưu diễn xa. Đã yêu nhau mấy năm đến lúc cần phải cầu hôn nhưng anh e ngại vì không đủ tiền để họ sinh sống.

Tiếng chuông cửa chợt vang lên cắt đứt dòng suy nghĩ của Mirko. Nhìn ra anh thấy Edith lảo đảo bước vào xách 2 chiếc túi lớn. "Chúa ơi! Không thể vào lúc này." Anh thì thầm. Chưa kịp trấn tĩnh bà đã đặt 2 chiếc túi cạnh ghế ngồi của anh: "Chàng trai trẻ! Rất nhiều công việc đang đến với cậu." Vừa thở dốc bà vừa nở nụ cười. Mirko lo lắng: "E hèm! Xin lỗi, tôi đang phải trực bảo vệ gallery không thể giúp bà vào lúc này." Bà hỉ mũi rồi tiếp tục: "Chàng trai trẻ! Tôi biết chứ. Đây là địa chỉ và chìa khóa nhà." vừa nói bà vừa đặt lên bàn nói thêm: "Hai cái túi một cái đựng thiết bị cho máy tính, cái kia là đồ ăn cho cậu. Còn đây là tiền để trả cho lái xe taxi. Vào 2 giờ chiều thợ điện và người của công ty cáp đến để cài đặt kết nối Internet. Cậu giúp kiểm tra, giám sát công việc, tôi sẽ thay cậu trực bảo vệ gallery trong chiều nay. Hết giờ tôi sẽ đóng cửa về nhà nấu bữa ăn tối nhẹ, sau đó cậu bắt tay ngay vào việc dạy tôi."

Người đàn bà này thật quá khích, cứ như cấp trên ấn định công việc cho anh. Mirko chưa kịp phân trần bà đã "nhảy tót" sang phòng lớn trưng bày và hỏi: "Trong những bức tranh này cái nào của cậu?" Mirko chỉ cho bà những bức tranh lớn vẽ chân dung các nhạc sỹ nổi tiếng trên đầu đội vòng nguyệt quế. Bà thốt lên: "Nhìn họ rất sống động và thật tuyệt! Đây có phải là Beethoven không" Mirko gật đầu. "Bức tranh này cậu phải nâng cao giá bán hơn nhiều" bà phán xét. Mirko cảm thấy niềm tự hào chạy râm ran trong người anh. Tại sao mình không nghĩ đến điều đó nhỉ?" Trong thời gian Mirko bận với công việc tại nhà bà Edith thì tại gallery bà hướng dẫn khách xem tranh. Bà đã bán được 2 bức tranh của Mirko cho khách Trung Quốc. Một số khách quốc gia khác cũng mua một vài tranh nhỏ. Bà quả là người có năng lực tổ chức và quảng cáo.

Vào 8 giờ tối cả hai đã xong việc. Tại nhà bà họ ngồi trong phòng khách vừa ngắm công trình mới vùa thưởng thức món

salad của vua La mã và một con gà quay rất ngon của hoàng tử Ấn Độ thời cổ xưa dùng trong bữa ăn. Sau đó họ bắt tay vào công việc. Mirko hướng dẫn bà mở tắt máy; cách vào Internet; dò tìm thông tin trên mạng; cách mở hộp thư cá nhân, viết gửi tin nhắn và mở hộp thư để đọc tin... cho tới nửa đêm. Họ hẹn gặp lại vào sáng thứ hai.

Mirko đến nhà vào lúc 11h 30 thấy bà đang ngồi giữa hàng trăm tờ giấy có ghi những địa chỉ các trường dạy thuyền buồm của nước Úc và những quốc gia thuộc biển Thái Bình Dương rải khắp thảm sàn nhà. Bà ngao ngán nói: "Tôi chưa tìm được bất cứ thông tin nào có tên của anh. Có lẽ anh không còn sống nữa. Có lẽ tất cả chỉ là một giấc mơ hão huyền." Mirko ngồi xuống cạnh bà gãi đầu: "Nếu không có gì bí mật liệu bà có cho phép tôi tìm giúp. Nếu có thể xin nói cho tôi biết tên của ông ấy." Bà thì thầm: "Curt Bergstrom." Trông mặt bà tràn đầy hy vọng vào anh. Bà nói thêm: "Nhân tiện tôi nói kẻo quên. Bảy bà bạn tôi và chồng của họ cũng đang mong cậu dạy họ sử dụng Internet. Chắc chắn cậu sẽ có nguồn thu nhập đáng kể." Mirko cảm động không nói nên lời, hứa sẽ cố gắng sắp xếp thời gian giúp họ.

Edith đến gallery vào 11h 30 sáng thứ 3 thông báo cho Mirko biết vẫn chưa tìm ra trường dạy thuyền buồm có tên ông. Anh động viên bà và anh cũng sẽ cố gắng tìm kiếm. Họ uống ly cà phê sữa rồi chia tay. Về nhà bà tiếp tục mở rộng không gian tìm kiếm sang khu vực Địa Trung Hải bắt đầu từ Hy Lạp. Bà lướt mạng suốt đêm rồi mệt mỏi chìm vào giấc ngủ. Sáng thứ 4 bà gọi cho Mirko bày tỏ nghi ngờ về sự thành công của chương trình - tuy nhiên vẫn tiếp tục với hy vọng mong manh.

Sáng thứ 5 điện thoại đổ chuông vào lúc 7h 30. Đó là giọng của Mirko hồ hởi báo tin: "Tôi đã tìm thấy ông Bergstrom." Bà chạy ra mở cửa chờ anh đến. Nửa giờ sau Mirko đến. Bà ngồi trên ghế Sofa. Mirko đưa cho bà xem địa chỉ, tên trường và hình ảnh chủ nhân trường để bà nhìn. Bà dướn thẳng người chiếu cặp kính vào: "Trường lặn Thin - Bergstrom ở Mergui Archipelago - Burma!" "Ảnh anh ấy đâu? Ai là người phụ nữ hơi gầy đây" bà thì thầm hỏi. "Xin lỗi! Tôi phải đóng vai thám tử để dò xét rất cụ thể, đến tận nơi mới dám báo tin cho bà. Người phụ nữ này là con gái ông ấy. Sau khi ông đến Úc mở trường và lấy vợ người Úc. Khi vợ mất năm con gái 7 tuổi ông không kết hôn với ai nữa. Ông bán cơ sở đi cùng con hồi hương về đất nước mình mở trường lặn cách nơi bà ở không xa mà bà không biết. Hiện cô đang là chủ nhân điều hành công việc của trường. Còn đây là địa chỉ Email của ông ấy." "Bây giờ chúng ta nên pha một ly cà phê ngon. Sau

đó tôi sẽ gửi một tin nhắn vào Email của anh ấy." bà nói.

Bà vẫn ngồi yên trên Sofa ngắm bức ảnh Mirko lấy ra từ mạng. Anh vào bếp pha cà phê mang lên. Bà băn khoăn hỏi anh: "Liệu tôi có nên gửi tin nhắn cho ông ấy? Và tôi nên viết gì? Liệu ông ấy có muốn gặp tôi hay tôi chỉ làm phiền cho ông ấy?" "Tôi chắc chắn là ông ấy sẽ rất vui khi gặp lại bà. Bao nhiêu công sức chúng ta bỏ ra lần tìm bỗng vô ích chỉ vì bà bỗng điên rồ thay đổi ý định?"

Bà quyết định ngồi vào bàn vi tính viết: "Xin chào Curt! Tôi đã cố gắng tìm anh khắp thế giới hơn một tuần qua. Anh có khỏe không? Công việc có bận lắm không? Chúng ta có thể gặp nhau được không? Tôi rất mong tin từ anh. Edith". Bà yêu cầu Mirko bấm phím gửi. Thấy thư điện tử còn thiếu thông tin Mirko viết thêm số điện thoại liên hệ và địa chỉ của bà vào tin nhắn rồi nói: "Từ lúc này bà ở lại một mình được không? Mary bạn gái tôi đã trở về sau đợt lưu diễn. Chúng tôi muốn dành 2 ngày cuối tuần để cùng nhau nghỉ ngơi ở vùng núi. Tối thứ 7 chúng tôi sẽ về."

"Được thôi! Chúc hai bạn có những ngày nghỉ tuyệt vời. Tôi cũng có rất nhiều việc trong tuần tới phải làm: Dọn dẹp nhà cửa, giặt giũ chăn, ga trải giường, rèm cửa, sắp xếp lại đồ đạc... sau đó đến gặp ông ấy. Mirko đứng nhìn vẻ mặt rạng rỡ của bà như trẻ lại 20 tuổi. "Đừng quên mua một chiếc váy ngủ mới thật gợi cảm." anh nói và nở một nụ cười làm bà e thẹn đỏ bừng mặt.

Sáng thứ 7 Edith mở tủ tìm kiếm đồ mặc. Cuối cùng bà tìm thấy đôi tất thêu ren và chiếc thắt lưng to bản thời trẻ; chiếc áo lụa đen và chiếc áo choàng dạ hội. Rất may tất cả đều còn vừa khi bà mặc thử. Bà đứng trước gương xoay qua xoay lại ngắm nghía rồi thốt lên: "Chà! Mọi thứ đều tuyệt vời. bộ trang phục che đi hầu hết những dấu vết tuổi tác." Bà uốn éo tạo dáng và mỉm cười: "Anh ấy sẽ nghĩ gì khi thấy mình như thế này?" Bà đã sẵn sàng cho cuộc gặp mặt mà bà dự định vào tuần tới.

Bất ngờ chuông cửa réo vang. "Mình có hẹn hay mong đợi ai vào thứ 7 đâu nhỉ? Chương trình dọn nhà cửa của mình mới bắt đầu, thế ai đến vào lúc này?" Bà chạy ra cửa nhòm qua "lỗ an toàn" nhỏ có lắp ống kính ở cánh cửa. Bà chỉ nhìn thấy hoa mà chưa nhìn được người. Bà hơi lo lắng: "Chẳng nhẽ anh ấy đến nhanh như vậy?" Chuông cửa lại reo. Bà đã nhận ra những bông hoa lan nhỏ mà tuổi trẻ bà ưa thích. Đúng là anh ấy rồi. Trái tim bà như nhảy khỏi lồng ngực. Một luồng khí nóng chạy qua thân thể khiến mặt bà hồng lên. Bà quên khuấy đến bộ trang phục đang mặc tay xoay núm khóa giật ra.

Curt đứng đó nở một nụ cười quen thuộc: "Nhìn xem ai đây vậy?

Chào em Edith! Bộ trang phục của em mới tuyệt vời làm sao?"

Bà đứng như tượng đá với đôi mắt mở to tay vẫn cầm kính nhìn không chớp mắt vào người đàn ông lớn tuổi ôm một bó hoa khổng lồ. "Curt Bergstrom!" bà thốt lên trong xúc động rồi lắp bắp: "Em không thể tin nổi anh ở rất gần em." Vừa nói vừa khép hai đầu gối che đám da phía trên đôi tất đen. "Anh đã gửi ngay cho em email trả lời rồi cơ mà?" Anh quả quyết khẳng định. Bà vội quay người đi đến ngồi trước chiếc máy vi tính. Curt đi vào đặt bó hoa lên bàn bước đến đứng sau Edith. Ông vươn tay qua vai Edith bấm mở hộp thư tìm file tin nhắn. Thư chỉ mấy chữ: "Hallo! Chào em Edith! Anh đã sẵn sàng." Bà đứng dậy gần như ngất xỉu ngã vào vòng tay ông.

Ba tháng sau đó họ kết hôn, cùng nhau mở một trang web trên Internet dành cho những người đã nghỉ hưu. Máy chủ tại phòng lớn của Gallery trưng bày nghệ thuật. Ban nhạc tam tấu của Mary thỉnh thoảng đến biểu diễn hòa tấu. Mỗi lần có khách đến Mirko đều vui vẻ mỉm cười và thầm nghĩ: "Cuộc sống trọn vẹn biết bao nhiêu khi cùng chia sẻ, làm việc với những người hàng xóm lớn tuổi"◆

HỘP THƯ

Thời gian qua, Tạp chí Sông Trà đã nhận được sáng tác của các bạn sau đây:

Trần Cao Tánh, Phạm Đương, Nguyễn Đăng Lâm, Nguyễn Xuân Dũng, Nguyễn Ngọc Hưng, Trần Cao Duyên, Trần Thu Hà, Hoàng Lan Quyên, Mai Duy Quý, Dương Thanh Hương, Phạm Văn Hoanh, Trần Đức Sơn, Bùi Tấn Xương, Huỳnh Thế, Trương Quang Văn, Hoài Nam, Nguyễn Văn Quyền, Trần Thị Cổ Tích, Hà Hương Sơn, Lê Hồng Hà, Lê Văn Thuận, Hoàng Thân, Nguyễn Hạnh Nhi, Nguyễn Mậu Chiến, Hà Quảng, Phan Bá Trình, Khôi Nguyên, Nguyễn Hoài Ân, Thanh Lương, Phạm Thảo, Đào Ngọc Nam, Lê Thị Ni Ni **(Quảng Ngãi)**; Đinh Đức Cần, Vũ Thị Huyền Trang, Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Bùi Việt Thắng **(Hà Nội)**; Bùi Việt Phương **(Hòa Bình)**; Vũ Thị Vui **(Hưng Yên)**; Vũ Thị Tuyết Nhung **(Thanh Hóa)**; Hồ Ngọc Diệp, Hoàng Thụy Anh **(Quảng Bình)**; Lê Thị Thu Thanh, Nguyễn Văn Thanh **(Quảng Trị)**; Hồ Thế Hà, Phan Tuấn Anh **(TP. Huế)**; Nguyễn Đông Nhật, Nguyễn Kim Huy, Mai Mộng Tưởng **(TP. Đà Nẵng)**; Bình Địa Mộc, Huỳnh Minh Tâm, Nguyễn Tam Mỹ, Lê Trường An **(Quảng Nam)**; Lê Hứa Huyền Trân, Phạm Ánh **(Bình Định)**; Nguyễn Thị Bích Nhàn **(Phú Yên)**; Trần Ngọc Hồ Trường, Hoàng Bích Hà **(Khánh Hòa)**; Lê Hưng Tiến, Lê Thanh Hùng **(Ninh Thuận)**; Nguyễn Đức Mậu, Võ Hoàng Minh **(Bình Thuận)**; Nguyễn Tịnh Giang, Tạ Văn Sỹ **(Kon Tum)**; Lê Mộng Bảo, Lý Thị Minh Châu **(Lâm Đồng)**; Lê Thành Văn **(Đăk Lăk)**; Ngọc Thạch, Võ Thị Lệ Thủy **(Đăk Nông)**; Trương Quang Lục, Nguyễn Thanh Hải, Nguyễn Hoàng Duy, Lê Nguyên Ngữ, Nguyễn Thánh Ngã, Đặng Trung Thành, Lê Anh Phong **(TP. Hồ Chí Minh)**; Quốc Nam **(Tây Ninh)**; Nguyễn Giang San **(Đồng Tháp);** Trương Thanh Liêm **(TP. Cần Thơ);** Nguyễn Chí Ngoan **(Kiên Giang)**...

Ban biên tập chân thành cảm ơn, mong sự cộng tác thường xuyên của các bạn.

Nắng xuân

Nhạc & lời: NGỌC NAM

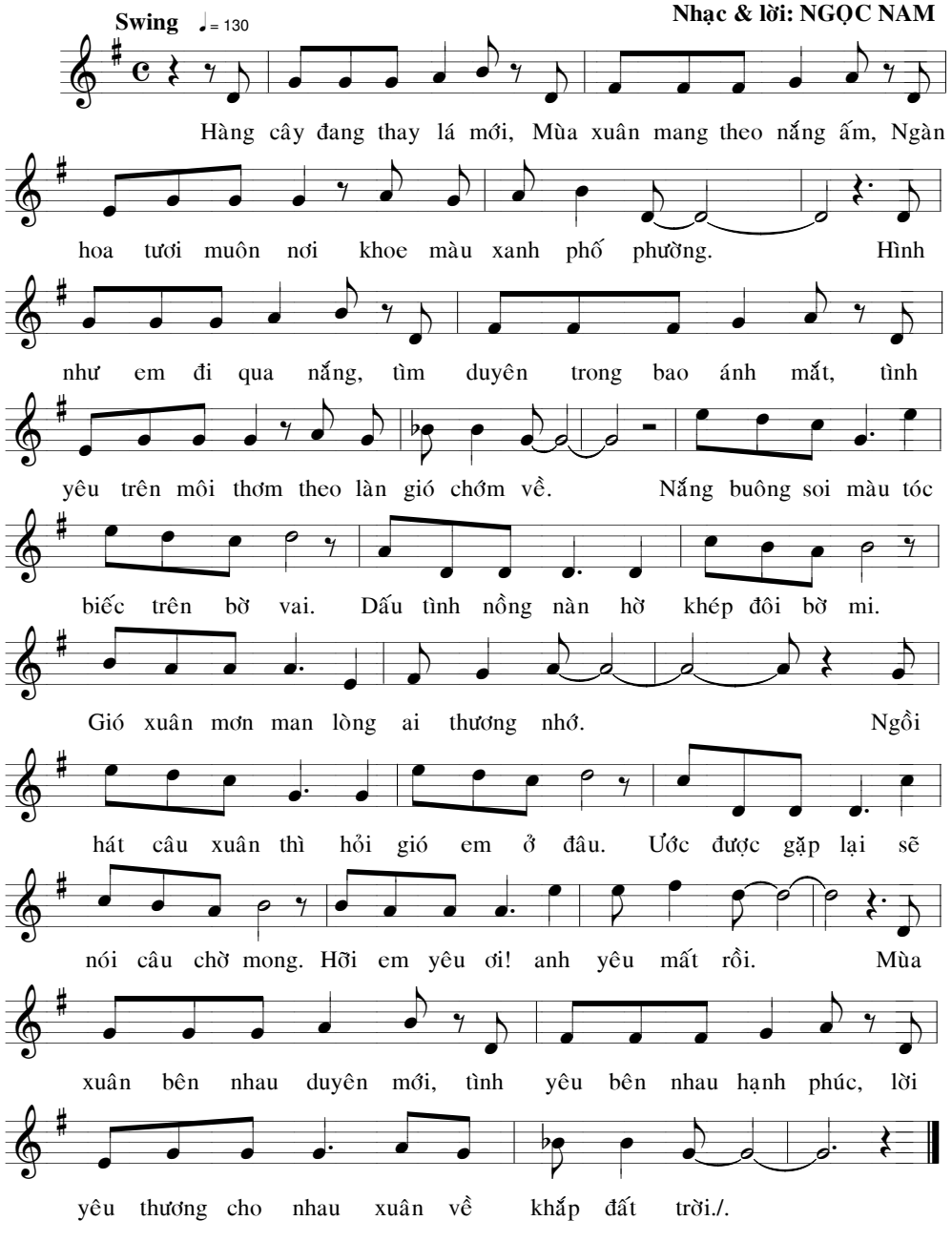

Duyên tình ngày xuân

Nhạc & lời: TRƯƠNG QUANG LỤC

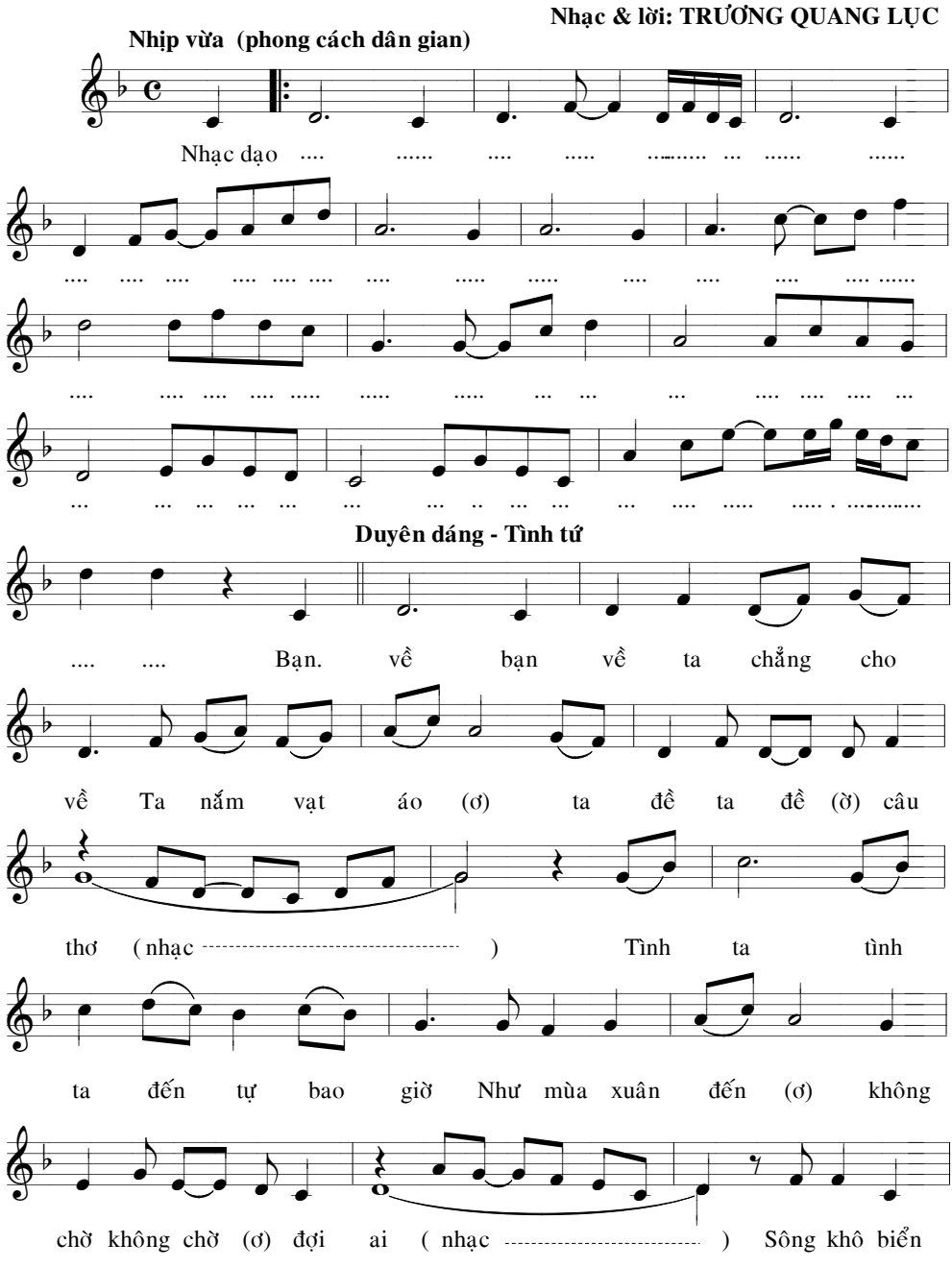

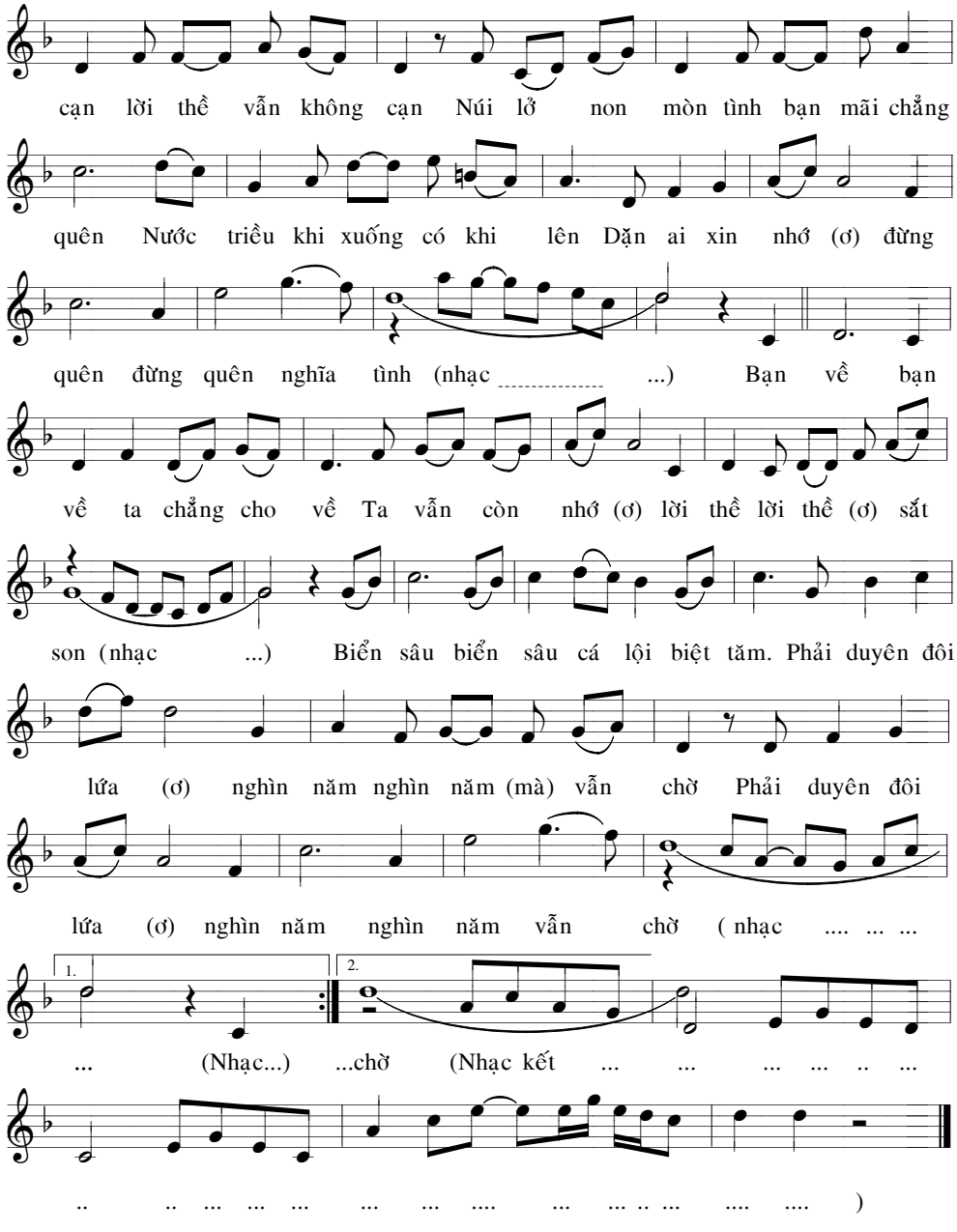
cạn lời thề vẫn không cạn Núi lở non mòn tình bạn mãi chẳng
quên Nước triều khi xuống có khi lên Dặn ai xin nhớ (ơ) đừng
quên đừng quên nghĩa tình (nhạc ---------- ...) Bạn về bạn
về ta chẳng cho về Ta vẫn còn nhớ (ơ) lời thề lời thề (ơ) sắt
son (nhạc ...) Biển sâu biển sâu cá lội biệt tăm. Phải duyên đôi
lứa (ơ) nghìn năm nghìn năm (mà) vẫn chờ Phải duyên đôi
lứa (ơ) nghìn năm nghìn năm vẫn chờ (nhạc ....
1.
2.
... (Nhạc...) ...chờ (Nhạc kết ... ...
.. ..)

Nhớ mẹ

Tình cảm - Tha thiết
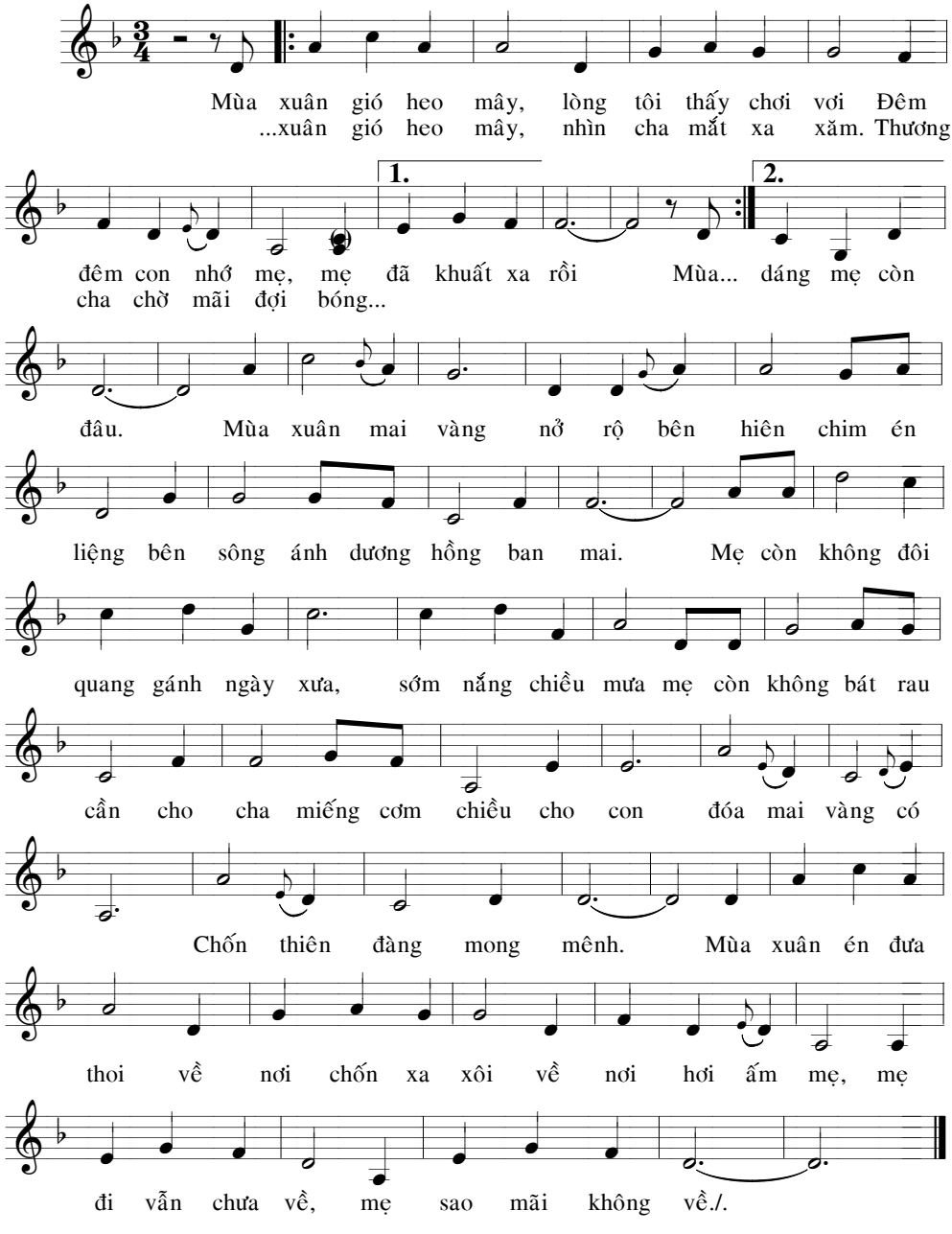
Nhạc & lời: LÊ THỊ NI NI